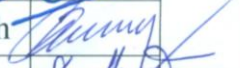
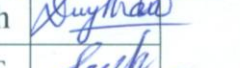


**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

*(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/02/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Văn Xuân	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Trương Công Bằng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Vũ Duy Thắng	Trưởng khoa Xây dựng	Phó Chủ tịch	
4	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên TT	
5	Ông Lê Hiến Chương	Chủ tịch Hội đồng trường	Ủy viên	
6	Ông Lê Tấn Truyền	Trưởng phòng TC-HC	Ủy viên	
7	Ông Phạm Hồng Thái	Trưởng phòng TC-KT	Ủy viên	
8	Ông Huỳnh Quốc Huy	Phụ trách phòng QLĐT	Ủy viên	
9	Ông Huỳnh Phước Minh	Phó trưởng phòng QLĐT	Ủy viên	
10	Ông Lưu Văn Vĩnh	Trưởng phòng QT&TB	Ủy viên	
11	Ông Nguyễn Quý Đông	Phụ trách phòng CT CTSV	Ủy viên	
12	Ông Nguyễn Ngọc Long Giang	Phụ trách phòng KH&HTQT	Ủy viên	
13	Ông Thạch Sôm Sô Hoách	Phó trưởng khoa Xây dựng	Ủy viên	
14	Bà Đỗ Thị Mỹ Dung	Trưởng BM Thi công	Ủy viên	
15	Bà Phạm Hồng Hạnh	Trưởng BM CH ứng dụng	Ủy viên	
16	Ông Lâm Ngọc Quý	Trưởng BM Nền móng	Ủy viên	
17	Bà Trương Mỹ Phẩm	Phó trưởng BM KCCT	Ủy viên	
18	Ông Lâm Thanh Quang Khải	GV.khoa Xây dựng	Ủy viên	
19	Ông Nguyễn Cao Phong	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên	
20	Ông Lê Minh Điền	NV phòng KT&ĐBCL	Ủy viên	
21	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân	Sinh viên lớp XD18D04	Ủy viên	

(Danh sách gồm 21 người)

MỤC LỤC

Danh mục các từ ngữ viết tắt.....	5
Danh mục bảng.....	8
Phần I. Khái quát	9
Phần II. Tự đánh giá	22
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	22
Tiêu chí 1.1.....	22
Tiêu chí 1.2.....	25
Tiêu chí 1.3.....	28
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	31
Tiêu chí 2.1.....	31
Tiêu chí 2.2.....	33
Tiêu chí 2.3.....	35
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	37
Tiêu chí 3.1.....	37
Tiêu chí 3.2.....	40
Tiêu chí 3.3.....	44
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	48
Tiêu chí 4.1.....	48
Tiêu chí 4.2.....	50
Tiêu chí 4.3.....	53
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	57
Tiêu chí 5.1.....	58
Tiêu chí 5.2.....	61
Tiêu chí 5.3.....	63
Tiêu chí 5.4.....	65
Tiêu chí 5.5.....	70
Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên.....	71
Tiêu chí 6.1.....	72
Tiêu chí 6.2.....	75

Tiêu chí 6.3.....	78
Tiêu chí 6.4.....	80
Tiêu chí 6.5.....	83
Tiêu chí 6.6.....	85
Tiêu chí 6.7.....	87
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	90
Tiêu chí 7.1.....	91
Tiêu chí 7.2.....	94
Tiêu chí 7.3.....	96
Tiêu chí 7.4.....	98
Tiêu chí 7.5.....	101
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	103
Tiêu chí 8.1.....	104
Tiêu chí 8.2.....	107
Tiêu chí 8.3.....	109
Tiêu chí 8.4.....	113
Tiêu chí 8.5.....	117
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	121
Tiêu chí 9.1.....	122
Tiêu chí 9.2.....	125
Tiêu chí 9.3.....	127
Tiêu chí 9.4.....	130
Tiêu chí 9.5.....	133
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	136
Tiêu chí 10.1.....	137
Tiêu chí 10.2.....	139
Tiêu chí 10.3.....	141
Tiêu chí 10.4.....	143
Tiêu chí 10.5.....	146
Tiêu chí 10.6.....	149

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	151
Tiêu chí 11.1.....	152
Tiêu chí 11.2.....	154
Tiêu chí 11.3.....	156
Tiêu chí 11.4.....	158
Tiêu chí 11.5.....	162
Phần III. Kết luận	166
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT	168
Phần IV. Phụ lục.....	171
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	171
Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá	192
Phụ lục 3. Kế hoạch Tự đánh giá	199

DANH MỤC CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chú thích
1	BCH	Ban chấp hành
2	BGH	Ban giám hiệu
3	CB, VC	Cán bộ, viên chức
4	CĐ	Cao đẳng
5	CĐR	Chuẩn đầu ra
6	CĐXD Miền Tây	Cao đẳng Xây dựng Miền Tây
7	CLB	Câu lạc bộ
8	CNTT	Công nghệ thông tin
9	CSVC	Cơ sở vật chất
10	CTCTSV	Công tác Chính trị sinh viên
11	CTDH	Chương trình dạy học
12	CTĐT	Chương trình đào tạo
13	CVHT	Cố vấn học tập
14	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
15	ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
16	ĐCCT	Đề cương chi tiết
17	ĐH	Đại học
18	ĐHXD	Đại học Xây dựng
19	ĐHXDMT	Đại học Xây dựng Miền Tây
20	ĐTN	Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

STT	Chữ viết tắt	Chú thích
21	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
22	GDQP	Giáo dục quốc phòng
23	GDTC	Giáo dục thể chất
24	GS, PGS	Giáo sư, Phó Giáo sư
25	GV, GVC	Giảng viên, Giảng viên chính
26	HSV	Hội SV
27	HTQT	Hợp tác quốc tế
28	KH&CN	Khoa học và công nghệ
29	KH&HTQT	Khoa học và hợp tác quốc tế
30	KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
31	KTHP	Kết thúc học phần
32	KTV	Kỹ thuật viên
33	KTX	Ký túc xá
34	KTXD	Kỹ thuật Xây dựng
35	KXD	Khoa Xây dựng
36	NCKH	Nghiên cứu khoa học
37	NCS	Nghiên cứu sinh
38	NV	Nhân viên
39	PPGD	Phương pháp giảng dạy
40	QCCTNB	Quy chế chi tiêu nội bộ

STT	Chữ viết tắt	Chú thích
41	QĐ	Quyết định
42	QLĐT	Quản lý Đào tạo
43	QT&TB	Quản trị và thiết bị
44	SV	Sinh viên
45	TCHC	Tổ chức - Hành chính
46	TCKT	Tài chính - Kế toán
47	TDTT	Thể dục thể thao
48	TĐG	Tự đánh giá
49	ThS	Thạc sĩ
50	TC	Tín chỉ
51	TN	Thanh niên
52	TNXD&MT	Thí nghiệm Xây dựng và Môi trường
53	TS, TSKH	Tiến sĩ, Tiến sĩ khoa học
54	TT	Trung tâm
55	TT - TV	Thông tin - Thư viện
56	VLVH	Vừa làm vừa học

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Cấu trúc các khối kiến thức trong CTĐT

Bảng 3.1. Khối kiến thức được sắp xếp theo các học kỳ

Bảng 3.2. Cấu trúc kiến thức ngành KTXD

Bảng 7.1. Thống kê trình độ chuyên môn của đội ngũ NV hỗ trợ

Bảng 8.1. Thống kê tình hình nhập học của SV

Bảng 8.2. Hệ thống quan sát hoạt động học tập, rèn luyện của SV

Bảng 8.3. Kết quả học tập của SV

Bảng 11.1. Thống kê tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, việc thẩm định, đánh giá chất lượng CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Với ý nghĩa đó, Nhà trường đã đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT ngành KTXD. Nhà trường, KXD mong muốn trong lần TĐG này là có được một bức tranh toàn cảnh về ngành KTXD được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực, từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, tiến tới điều chỉnh mục tiêu CTĐT theo hướng đạt chuẩn khu vực Đông Nam Á.

Để thực hiện công tác TĐG kiểm định chất lượng CTĐT, Trường đã chọn đội ngũ CB cũng như các điều kiện cần thiết cho hoạt động TĐG. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị tập huấn cấp trường về công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và kiểm định chất lượng trong giáo dục ĐH, cử CB tham dự các lớp tập huấn về công tác này.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG CTĐT ngành KTXD gồm 21 thành viên và Ban thư kí giúp việc Hội đồng gồm 14 thành viên. Hội đồng TĐG và Ban thư kí gồm các CB chủ chốt từ KXD, phòng, trung tâm chức năng và các tổ chức, đoàn thể của Nhà trường. Đây là những CB có kinh nghiệm quản lí, am hiểu về giáo dục ĐH và công tác ĐBCL nói chung, kiểm định chất lượng nói riêng.

Chất lượng CTĐT đóng một vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của ngành KTXD. Trước xu thế hội nhập và nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng CTĐT ngày càng trở nên bức thiết. Trong nhiều năm qua, KXD - Trường ĐHXDMT thường xuyên quan tâm đến chất lượng CTĐT, đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì, nâng cao chất lượng CTĐT. Vì vậy, Nhà

trường đã đăng ký TĐG CTĐT trình độ ĐH ngành KTXD theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo, theo các công văn hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Việc TĐG CTĐT ngành KTXD của Trường ĐHXDMT đã giúp Nhà trường và KXD tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT, góp phần xây dựng triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT, từ đó điều chỉnh mục tiêu định hướng tốt hơn cho giai đoạn tiếp theo, là điều kiện cần thiết để Trường ĐHXDMT đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các dịch vụ xã hội khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định.

Nhằm triển khai việc đánh giá CTĐT ngành KTXD, Trường ĐHXDMT căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH) để tiến hành xem xét, TĐG và làm rõ thực trạng của CTĐT; phân tích, giải thích, đối sánh và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại và những biện pháp khắc phục, từ đó lập kế hoạch hành động. Để làm tốt công tác đánh giá CTĐT ngành KTXD đòi hỏi sự tham gia tích cực của các đơn vị và cá nhân liên quan: KXD, các phòng ban, trung tâm trong Nhà trường, GV, cựu SV và SV, nhà tuyển dụng trong việc cung cấp số liệu, cung cấp thông tin, ý kiến phản hồi vừa đảm bảo độ tin cậy vừa mang tính khoa học phục vụ cho hoạt động đánh giá của ngành.

Báo cáo TĐG CTĐT được cấu trúc gồm 04 phần:

- Phần I. Khái quát.
- Phần II. TĐG theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí.
- Phần III. Kết luận.
- Phần IV. Phụ lục.

Mục đích tự đánh giá chương trình đào tạo

- Đảm bảo chất lượng CTĐT của ngành KTXD, KXD – Trường ĐHXDMT.
- Nâng cao chất lượng CTĐT ngành KTXD thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ở thời điểm TĐG.
- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành KTXD.
- Thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội.

Phạm vi tự đánh giá

Nhà trường tiến hành hoạt động TĐG CTĐT với 01 ngành là KTXD.

Công cụ đánh giá

Hoạt động TĐG CTĐT của ngành KTXD được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí (theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo).

Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng TĐG được thành lập theo Quyết định số 36/QĐ-ĐHDXMT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHXDMT và kiện toàn kèm theo danh sách Hội đồng TĐG CTĐT ngành KTXD gồm 21 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng TĐG gồm có: Ban thư ký gồm 14 thành viên và 6 nhóm chuyên trách gồm 40 thành viên.

Phương pháp tự đánh giá

Quá trình TĐG CTĐT của ngành KTXD - Trường ĐHXDMT được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH (ban hành ngày 14/03/2016).

Đối với mỗi tiêu chí, tiến hành TĐG theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những giải pháp khắc phục;

- Xây dựng kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng của CTĐT.

Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG;

Bước 2: Lập kế hoạch TĐG;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo TĐG;

Bước 6: Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã minh chứng) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ: H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.05.05: là minh chứng thứ 5 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

1.2. Tổng quan chung

Trường ĐHXDMT được thành lập theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg, ngày 06/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường CĐ Xây

dựng Miền Tây. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao cho ngành Xây dựng, Kinh tế ở khu vực ĐBSCL và HTQT, phù hợp với xu thế phát triển đáp ứng cấp thiết cho ngành Xây dựng, Kinh tế nhằm phát triển triển kinh tế - xã hội của khu vực ĐBSCL và cho cả nước.

Tiền thân của Trường ĐHXDMT là Trường Trung học Xây dựng số 8, đóng chân ở thị trấn Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; được thành lập vào ngày 14/2/1976 theo Quyết định số 87/QĐ-BXD-TC của Bộ Xây dựng nhằm giải quyết nhu cầu cấp bách về đội ngũ CB KTXD của khu vực ĐBSCL sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Đến tháng 7 năm 1995, Bộ Xây dựng cho phép Nhà trường đổi tên thành Trường Trung học Xây dựng Miền Tây nhằm gắn kết tên Trường với khu vực tuyển sinh đào tạo. Ngày 09/01/2003, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ban hành Quyết định số 72/QĐ-BGD&ĐT-TCCB nâng cấp Trường Trung học Xây dựng Miền Tây thành Trường CĐ Xây dựng Miền Tây. Sau gần 34 năm phấn đấu và nỗ lực không ngừng, đến năm 2011, Nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép nâng cấp thành Trường ĐHXDMT.

Gần 45 năm xây dựng và phát triển, dưới sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Bộ Xây dựng, Bộ GD&ĐT, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Thành phố Vĩnh Long, của Đảng bộ, nhân dân Phường 3 và các ban ngành đoàn thể trong tỉnh; sự tạo điều kiện hỗ trợ của các tỉnh thành trong khu vực và các ĐH trên toàn quốc; Nhà trường đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nỗ lực phấn đấu phát triển Nhà trường ngày càng lớn mạnh.

Sứ mạng của Trường: *"Trường ĐHXDMT là cơ sở giáo dục công lập, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB khoa học kỹ thuật có trình độ đại học, sau đại học; Là cơ sở NCKH và chuyển giao công nghệ; Có vai trò quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực ĐBSCL, cả nước và hội nhập quốc tế".*

Tầm nhìn của Trường: *"Trường ĐHXDMT phấn đấu đến năm 2030 sẽ trở thành trường đại học nghiên cứu và ứng dụng đa ngành, đa bậc học; Từng bước tiếp cận, hòa nhập với các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á; Đảm*

bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương và quốc gia, đạt chuẩn quốc gia, có uy tín trong nước và khu vực".

Giá trị cốt lõi: “*Chất lượng - Năng động - Phát triển - Hội nhập*”

Hiện nay, KXD có 04 bộ môn (Bộ môn cơ học ứng dụng; bộ môn nền móng; bộ môn thi công; bộ môn kết cấu công trình) và văn phòng Khoa. Tổng số CB, GV, CNV gồm 42 người trong đó: 05 TS, 03 NCS, 33 ThS, 01 ĐH; Khoa tham gia quản lý, giảng dạy 06 ngành ĐH đó là: KTXD; kiến trúc, quản lý đô thị và công trình; Kỹ thuật giao thông; Kỹ thuật cấp thoát nước; Kỹ thuật môi trường. Hằng năm, KXD có khoảng 1800 SV ĐH.

KXD xác định CTĐT là một trong ba yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo của Khoa. Chính vì vậy, việc đổi mới, rà soát, điều chỉnh CTĐT là việc làm thường xuyên có kế hoạch và theo từng giai đoạn. Khoa đã mời các GV giỏi, nhà khoa học có bề dày kinh nghiệm, các nhà quản lý trong và ngoài Khoa tham gia xây dựng CTĐT một cách bài bản. CTĐT của ngành KTXD được hình thành theo các quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành, có sự tham khảo CTĐT của các trường ĐH uy tín trong nước và quốc tế.

Thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng; thực hiện các khuyến nghị của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục về việc khắc phục những tồn tại và tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục; căn cứ Báo cáo đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường ĐHXDMT của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐH Đà Nẵng, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài theo kế hoạch số 58/KH-ĐHXDMT ngày 01/06/2018 với mục đích không ngừng nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu của người học và các bên liên quan. Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong Nhà trường, đáp ứng yêu cầu công tác Kiểm định chất lượng trường ĐH theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Qua quá trình nghiên cứu văn bản hướng dẫn, thu thập và xử lý minh chứng, viết bản thảo, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh

sửa, Nhà trường, KXD đã hoàn thành báo cáo TĐG CTĐT của ngành. Báo cáo TĐG ngành KTXD đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, khó khăn cùng với kế hoạch khắc phục, đề xuất.

1.3 Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT ngành KTXD

1.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của ngành KTXD của KXD được xác định một cách rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHXDMT, được xác định bằng văn bản và nêu rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT, phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH. Mục tiêu của CTĐT là đào tạo các kỹ sư có phẩm chất chính trị vững vàng, có tư cách đạo đức và sức khỏe tốt, có nền tảng khoa học cơ bản, cơ sở và kiến thức chuyên môn vững vàng, có những kỹ năng thực hành cơ bản và kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng được các yêu cầu phát triển của ngành xây dựng.

Cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của ngành chính là CĐR. CĐR của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, đó là đào tạo các kỹ sư có năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức và sức khỏe tốt, có tri thức và năng lực hoạt động nghề nghiệp với trình độ chuyên môn tiên tiến trong những chuyên ngành lựa chọn, phù hợp với yêu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, tùy thuộc vào chuyên ngành được đào tạo, các kỹ sư có thể đảm nhiệm các công việc khảo sát, thiết kế, thi công, quản lý khai thác và đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (nhà dân dụng, nhà công nghiệp, hạ tầng...). Các kỹ sư cũng có khả năng nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng các nhu cầu của xã hội.

CĐR của CTĐT ngành KTXD phản ánh được yêu cầu của GV, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng thông qua việc lấy ý kiến phản hồi và được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần của ngành KTXD đầy đủ thông tin, cập nhật theo quy định, được rà soát và điều chỉnh để phù hợp với CTĐT, CĐR và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bản mô tả CTĐT giúp cho người học, nhà tuyển dụng, GV, cựu người học hiểu về CTĐT của ngành cũng như sự đóng góp của các học phần vào CĐR của ngành thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT.

1.3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR với PPGD và đánh giá người học góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CĐR. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành KTXD là rõ ràng và được thể hiện trong ma trận tích hợp CĐR của các học phần. Mỗi học phần đảm bảo cung cấp một lượng kiến thức nhất định cho người học. CTDH ngành KTXD có cấu trúc rõ ràng, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Cấu trúc CTDH đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên môn ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành thí nghiệm được thiết kế cân đối, hợp lý, logic và chặt chẽ trong từng học phần.

1.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục đích của giáo dục ĐH là nhằm phát triển khả năng tri thức ngày càng cao của người học. Các tiêu chí chất lượng được mô tả một cách chi tiết nhằm xem xét quá trình học tập và các yêu cầu đối với chiến lược giảng dạy và học tập đảm bảo chất lượng tốt nhất. Mục tiêu giáo dục của ngành KTXD là rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học các học phần của ngành KTXD được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. PPGD đảm bảo tích hợp được việc giảng dạy các kỹ năng cá nhân, kỹ năng cộng đồng, hình thành thái độ vào việc dạy các kiến thức khoa học kỹ thuật. Việc xác định các tài nguyên, công cụ cần thiết cho các PPGD cũng được quan tâm nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng tư duy, thuyết trình, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục ĐH. Vì vậy, việc đánh giá kết quả học tập cần được thực hiện một cách chuyên nghiệp trong tất cả mọi thời điểm và được tập trung vào đánh giá kiến thức thông qua quá trình kiểm tra, thi cử và được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành KTXD.

Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua website, sổ tay SV, ... và người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

Phương pháp đánh giá KQHT của người học ngành KTXD đa dạng, đảm bảo được độ giá trị, độ tin cậy và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập thông qua quy định về thời gian chấm thi, thông báo kết quả cho người học.

1.3.6. Chất lượng đội ngũ giảng viên

Trường ĐHXDMT đã có kế hoạch chiến lược dài hạn về quy hoạch phát triển đội ngũ GV. Đội ngũ này được tuyển dụng theo các tiêu chí rõ ràng, công khai và được bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Đội ngũ GV ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học tốt, thường xuyên được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ về tài chính để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Đội ngũ GV ngành KTXD về cơ bản đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH, thể hiện ở tỷ lệ người học/GV đáp ứng tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT và khối lượng công việc mà một GV đảm nhận hằng năm.

1.3.7. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Chất lượng của đội ngũ CB hỗ trợ (làm việc tại trung tâm TT - TV, trung tâm TNXD&MT, CB văn phòng KXD và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng và được tuyển dụng theo quy định của Nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng được phổ biến

công khai. Đội ngũ CB hỗ trợ này thường xuyên được Nhà trường, đơn vị quản lý tạo điều kiện để đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhằm đảm bảo chất lượng của các hoạt động dịch vụ hỗ trợ.

1.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh đào tạo ĐH ngành KTXD nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của ngành xây dựng. Các thông tin về kế hoạch tuyển sinh của ngành KTXD được công bố công khai và được cập nhật. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

Hội nghị NCKH SV được tổ chức hằng năm giúp SV làm quen với hoạt động NCKH. Không ít các đề tài NCKH của SV đã đạt giải trong các cuộc thi. Bên cạnh đó, công tác tư vấn học tập, thực tập giúp SV học tập tốt hơn, học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng thực tế.

Các câu lạc bộ SV và hoạt động ngoại khóa của SV ngành KTXD được duy trì theo kế hoạch của KXD và Nhà trường giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV. Kỹ sư tốt nghiệp ngành KTXD có khả năng đáp ứng theo nhu cầu xã hội.

1.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Phòng làm việc của KXD, phòng học và các phòng chức năng có liên quan được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho GV làm việc, NCKH, hướng dẫn SV thực hành và cập nhật thông tin đào tạo cho SV. CB, GV, SV của Khoa được học tập và làm việc trong môi trường an toàn, xanh - sạch - đẹp của Trường ĐHXDMT.

1.3.10. Nâng cao chất lượng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống. Thông qua các hội nghị khoa học mở rộng có sự tham gia của các nhà khoa học, GV, đại diện của các trường ĐH, các công ty xây dựng và các cựu SV, KXD tiếp nhận những ý kiến đóng góp xây dựng để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTĐT ngành KTXD. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của ngành KTXD. Các kết quả NCKH mang tính ứng dụng

được áp dụng cho việc cải tiến hoạt động dạy và học.

1.3.11. Kết quả đầu ra

Căn cứ quy chế đào tạo của Nhà trường, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành KTXD được thống kê trong báo cáo công tác đào tạo năm học của KXD giúp cho công tác giám sát hoạt động đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo của ngành KTXD. Ngành KTXD có tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường đúng thời gian thiết kế đào tạo rất cao và đa phần SV đi làm ngay khi ra trường ở những đơn vị đúng chuyên ngành được đào tạo. Mức độ hài lòng của người tuyển dụng, của người học, cựu SV, GV được thống kê hằng năm nhằm giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành KTXD.

1.4. Tóm tắt những điểm tồn tại của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng

1.4.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CĐR của ngành KTXD được rà soát, điều chỉnh, công bố tuy nhiên sự tiếp cận giữa các bên liên quan đến nội dung của CĐR còn hạn chế. Một số SV ra trường chưa đúng thời gian theo quy định của Nhà trường do không đạt điều kiện CĐR ngoại ngữ.

1.4.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT của ngành KTXD được xây dựng bài bản, công phu, có kế hoạch rà soát, điều chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, tuy nhiên, vẫn cần hoàn thiện bản mô tả của một số học phần. Một số ý kiến của các bên liên quan phản ánh về việc khó tiếp cận bản mô tả CTĐT.

1.4.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH chưa thường xuyên khảo sát ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động để rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD.

1.4.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Hoạt động lấy ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng cho mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác đổi mới và cải tiến phương pháp dạy và học cấp Bộ môn, Khoa còn hạn chế. SV năm thứ nhất chưa thực sự thích nghi với phương pháp dạy và học theo lối tự học và tự nghiên cứu.

1.4.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường chưa thường xuyên tổ chức các báo cáo chuyên đề về công tác thi kiểm tra đánh giá trong công tác dạy học giúp GV có cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm. Một số SV chưa nắm rõ các thông tin liên quan đến cách thức đánh giá kết quả học tập, cũng như khiếu nại. Công tác trao đổi giữa gia đình và nhà trường còn gặp nhiều khó khăn do một số SV cung cấp thông tin liên lạc với gia đình chưa chính xác.

1.4.6. Chất lượng đội ngũ giảng viên

Số lượng đội ngũ GV có học hàm học vị cao chưa đạt được mục tiêu chiến lược mà Nhà trường đặt ra. Hoạt động NCKH của GV chủ yếu là viết báo, thực hiện đề tài khoa học cấp trường, hướng dẫn SV NCKH. Số lượng đề tài khoa học cấp Bộ và cấp tỉnh chưa nhiều nên chưa phản ánh được quy mô, thực lực của đội ngũ GV của Khoa. Một số GV có năng lực ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ HTQT.

1.4.7. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ

Đội ngũ NV hỗ trợ gặp khó khăn trong phấn đấu để đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở và nâng lương trước thời hạn theo các tiêu chuẩn quy định trong công tác thi đua khen thưởng. Nội dung một số ít ý kiến phản hồi về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV còn mang tính hình thức và chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác điều chỉnh và quy hoạch đội ngũ NV hỗ trợ.

1.4.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Phần mềm chuyên dụng chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu của đổi mới trong QLĐT. Một số hoạt động phong trào, CLB, đội, nhóm của SV, do SV còn hạn chế về kinh phí hoạt động và số lượng SV tham gia chưa nhiều. Một số SV chưa chủ động liên hệ với GVCN, CVHT để tư vấn, hỗ trợ trong học tập và rèn luyện tại Trường.

1.4.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường chưa thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn PCCC cho toàn thể đội ngũ CBVC và SV. Thư viện Nhà trường chưa kết nối được với thư viện của các trường ĐH quốc tế. Một số vị trí trong Nhà trường, sóng wifi đôi lúc chưa ổn định.

1.4.10. Nâng cao chất lượng

Số lượng ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cựu người học phục vụ cho công tác đánh giá và nâng cao chất lượng CTĐT ngành KTXD còn ít; Một số máy tính ở phòng đọc của Trung tâm TT - TV phục vụ truy cập trang thông tin thư viện có cấu hình hạn chế chưa đáp ứng tốt nhu cầu truy cập của bạn đọc. Một số ít SV chưa quan tâm đến công tác đánh giá điểm rèn luyện.

1.4.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường đã có nhiều chính sách hỗ trợ nhưng các đề tài NCKH của SV trong lĩnh vực xây dựng chưa nhiều. Nhà trường thực hiện chưa nhiều công tác đối sánh với các trường ĐH quốc tế về hoạt động NCKH, việc làm SV sau khi tốt nghiệp. Một số ít CVHT chuyên môn không đúng ngành xây dựng nên trong công tác tư vấn học tập cho SV gặp nhiều khó khăn.

Bản “Báo cáo TĐG CTĐT ngành KTXD” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, BGH, Hội đồng trường, KXD, các thành viên trong Hội đồng TĐG và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài Trường. “Báo cáo TĐG” đã được công bố công khai trong nội bộ Nhà trường, đồng thời gửi đăng ký kiểm định chất lượng ngành đào tạo đến Bộ GD&ĐT và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐH Đà Nẵng trong tháng 8 năm 2020.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Năm 2012, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường được xác định, công bố rõ ràng. CTĐT ngành KTXD có mục tiêu và CĐR được xây dựng trên sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng trình độ ĐH và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Mục tiêu và CĐR ngành KTXD được góp ý của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh. Bên cạnh đó, mục tiêu và CĐR ngành KTXD được phổ biến, quán triệt sâu sắc trong đội ngũ CB, GV và người học, đồng thời công bố công khai rộng rãi trên website, bản tin,... của Nhà trường, KXD.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học

1. Mô tả

CTĐT ngành KTXD được triển khai tại Nhà trường từ năm học 2012 - 2013 theo học chế tín chỉ [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Mục tiêu của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng, đó là: “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị tốt, có năng lực tổ chức, nắm vững và thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có trình độ ngoại ngữ tốt, có kiến thức khoa học cơ bản vững vàng, có năng lực chuyên môn sâu, nắm bắt kịp thời và giải quyết được những vấn đề về khoa học công nghệ xây dựng và dân dụng do thực tiễn đặt ra. Có tiềm năng để tiếp cận những tiến bộ của khoa học công nghệ hiện đại, áp dụng vào điều kiện thực tế của đất nước, góp phần đưa khoa học công nghệ xây dựng dân dụng và công nghiệp của Việt Nam đạt trình độ của các nước trong khu vực và quốc tế” [H1.01.01.03]. Mục tiêu của CTĐT

ngành KTXD được thể hiện trong CTĐT được sửa đổi vào các năm 2015, năm 2017, năm 2019; trong CTDH, bản mô tả CTĐT [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. Bên cạnh đó, mục tiêu học phần của CTĐT ngành KTXD được thể hiện trong ĐCCT học phần, bản mô tả học phần [H1.01.01.06], [H1.01.01.07].

Nhà trường ban hành sứ mạng, tầm nhìn lần đầu tiên vào năm 2012. Trong quá trình phát triển, Nhà trường rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, trong đó sứ mạng của Nhà trường được xác định là: *“Trường ĐHXDMT là cơ sở giáo dục công lập, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học, sau đại học; Là cơ sở NCKH và chuyển giao công nghệ; Có vai trò quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực ĐBSCL, cả nước và hội nhập quốc tế”* và tầm nhìn của Trường là: *“Trường ĐHXDMT phấn đấu đến năm 2030 sẽ trở thành trường đại học nghiên cứu và ứng dụng đa ngành, đa bậc học; Từng bước tiếp cận, hòa nhập với các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á; Đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương và quốc gia, đạt chuẩn quốc gia, có uy tín trong nước và khu vực”* [H1.01.01.08]. Mục tiêu của CTĐT ngành KTXD được xác định phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và thể hiện thông qua ma trận kỹ năng [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.09]. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng, rà soát mục tiêu của CTĐT ngành KTXD, KXD đã tham khảo nhu cầu của thị trường lao động ngành Xây dựng ở các tỉnh ĐBSCL và tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14].

Mục tiêu chung của CTĐT ngành KTXD phù hợp mục tiêu giáo dục được xác định tại Điều 5 của Luật Giáo dục ĐH: *“Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế”; “Đào tạo nhân lực”, “NCKH” nhằm “phục vụ yêu cầu phát triển kinh*

tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu”; “có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp” và “có ý thức phục vụ nhân dân”. Các mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành KTXD đáp ứng được các yêu cầu của mục tiêu cụ thể về giáo dục ĐH được quy định tại Điểm a) và b), Mục 2, Điều 5 của Luật Giáo dục ĐH, đó là đào tạo người học có “... kiến thức chuyên môn cơ bản, kỹ năng thực hành thành thạo, hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành được đào tạo” và “có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo” [H1.01.01.15].

Thông qua việc phổ biến cụ thể mục tiêu, mục đích của CTĐT đến GV và SV nhằm xác định những mục tiêu định hướng cho việc nghiên cứu và học tập của mình, dựa vào kế hoạch đào tạo của ngành KTXD được công bố trên website, CTĐT được ban hành trong sổ tay SV [H01.01.01.16], [H01.01.01.17].

2. Điểm mạnh

Nhà trường sớm ban hành sứ mạng và tầm nhìn, làm cơ sở để xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT nói chung và CTĐT ngành KTXD nói riêng. Mục tiêu của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng và ban hành bằng văn bản. Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành KTXD phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và tham khảo, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan cũng như nhu cầu của thị trường lao động. Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT ngành KTXD phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật giáo dục ĐH.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có nhiều công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nhưng số lượng công ty, doanh nghiệp về lĩnh vực xây dựng có quy mô lớn còn ít do đó các đóng góp ý kiến xây dựng CTĐT chất lượng chưa

đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường mở rộng địa bàn lấy ý kiến của các công ty, doanh nghiệp về lĩnh vực xây dựng ở khu vực ĐBSCL nhằm đa dạng hóa ý kiến góp ý phục vụ hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành KTXD.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

Căn cứ Quy định tại Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐT ngày 22/4/2010, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT, Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ Quốc gia, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành KTXD. CĐR của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng và phiên bản gần nhất theo Quyết định số 188/QĐ-ĐHXDĐT ngày 11/6/2019 của Hiệu trưởng Nhà trường. CĐR của CTĐT ngành KTXD được công bố công khai trên website của Nhà trường, được thể hiện rõ trong sổ tay SV và thông báo cụ thể, chi tiết đến toàn thể SV tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H01.01.02.01], [H01.01.02.02], [H01.01.02.03].

CĐR của CTĐT ngành KTXD của Nhà trường có 19 CĐR, trong đó, 08/19 CĐR về kiến thức, 07/19 CĐR về kỹ năng, 04/19 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm [H01.01.02.04]. Về kiến thức, KT1: hiểu biết đúng đắn về chủ trương chính sách và các vấn đề về kinh tế chính trị và pháp luật của đất nước; KT2: vận dụng những kiến thức của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kỹ thuật cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và làm nền tảng để học tập ở trình độ cao hơn; KT3: phân tích, đánh giá, thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; KT4: phân tích, đánh giá về khảo sát địa

chất, địa hình, thiết kế nền móng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; KT5: vận dụng kiến thức chuyên ngành đã học để lập biện pháp kỹ thuật thi công, tổ chức thi công, giám sát thi công công trình xây dựng đáp ứng được các nhu cầu trong thực tiễn; KT6: vận dụng kiến thức chuyên ngành đã học để lập và quản lý dự án các công trình xây dựng; KT7: biết sử dụng Anh văn trong lĩnh vực nghề nghiệp; KT8: hiểu biết về sự tác động của các giải pháp kỹ thuật đến môi trường và xã hội. Về kỹ năng, KN1: kỹ năng chuyên môn thành thạo, có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực xây dựng; KN2: kỹ năng vận dụng các công nghệ kỹ thuật cần thiết cho thực hành KTXD; KN3: kỹ năng nhận diện, xác lập, giải quyết các vấn đề của KTXD; KN4: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thảo luận, báo cáo, thuyết trình; KN5: kỹ năng sử dụng thành thạo CNTT trong xây dựng; KN6: kỹ năng đọc và triển khai bản vẽ kỹ thuật; KN7: kỹ năng bóc khối lượng và lập dự toán công trình xây dựng đúng yêu cầu và quy chuẩn hiện hành. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm, TĐ1: có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực xây dựng; TĐ2: có năng lực làm việc trong các môi trường khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; TĐ3: có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; TĐ4: có năng lực lập kế hoạch, điều phối, triển khai công việc và năng lực đánh giá các hoạt động xây dựng. Bên cạnh đó, về CĐR tiếng Anh, SV phải đạt trình độ tiếng Anh B1 theo khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương. Về tin học, SV phải đạt chuẩn CNTT cơ bản và CNTT nâng cao [H01.01.02.05]. Ngoài ra, SV phải đạt yêu cầu các học phần điều kiện: Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Công tác xã hội (từ khóa 2019). CĐR của CTĐT ngành KTXD đồng thời nêu rõ triển vọng việc làm trong tương lai đối với người học tốt nghiệp. Việc xây dựng, cập nhật và điều chỉnh CĐR được tiến hành thông qua cuộc họp cấp Bộ môn, Khoa, Trường, Hội đồng KH&ĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan [H01.01.02.03], [H01.01.02.06], [H01.01.02.07], [H01.01.02.08], [H01.01.02.09], [H01.01.02.10], [H01.01.02.11],

[H01.01.02.12]. CĐR của CTĐT ngành KTXD đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học thông qua kết quả của từng học phần thể hiện năng lực của SV khi giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thực hành, bài thi đánh giá học phần, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp trong suốt quá trình đào tạo [H01.01.02.04], [H01.01.02.10]. Sự liên kết giữa nội dung và CĐR của CTĐT phản ánh sự đóng góp từng học phần trong việc đạt CĐR của CTĐT ngành KTXD, mức độ đạt được CĐR của từng học phần được thể hiện trong ma trận kỹ năng, bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần của CTĐT [H01.01.02.13], [H01.01.02.14], [H01.01.02.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành hướng dẫn xây dựng, rà soát CĐR theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trên cơ sở đó triển khai xây dựng, rà soát CĐR của CTĐT ngành KTXD và ban hành bằng văn bản. CĐR của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng; nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Nhà trường và KXD thông báo, phổ biến CĐR của CTĐT ngành KTXD đến toàn thể SV biết và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

CĐR về ngoại ngữ được xác định theo quy định và tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng vẫn còn một số SV chưa tốt nghiệp đúng hạn do không đạt điều kiện CĐR ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Trung tâm NN-TH tăng cường triển khai bồi dưỡng ngoại ngữ cho SV để SV đạt CĐR về ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, được công bố công khai

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo CĐR của CTĐT đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, Nhà trường định kỳ tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng để rà soát, điều chỉnh, bổ sung CĐR của CTĐT [H01.01.03.01], [H01.01.03.02], [H01.01.03.03]. Khi xây dựng CĐR của CTĐT ngành KTXD, KXD thực hiện đúng theo các bước trong Quy định xây dựng CTĐT, CĐR và ĐCCT học phần, trong đó tổ chức lấy ý kiến các đơn vị liên quan, tham khảo và đối sánh CTĐT các trường ĐH có uy tín về CĐR của CTĐT [H01.01.03.04], [H01.01.03.05], [H01.01.03.06]. Đồng thời, Nhà trường tiến hành khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trình độ ĐH theo ngành đào tạo, trong đó có ngành xây dựng [H01.01.03.07], [H01.01.03.08]. Cấu trúc CTĐT ngành KTXD được góp ý bởi các nhà khoa học, chuyên gia nổi tiếng đầu ngành và chuyên sâu trong ngành xây dựng [H01.01.03.01]. CĐR được kết cấu dựa trên quá trình hệ thống hoá quan điểm của các bên liên quan sau khi khảo sát nhằm xác định danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như tính chất chuyên môn đặc thù của ngành KTXD, thể hiện rõ qua ma trận kỹ năng [H01.01.03.09], [H01.01.03.10], [H01.01.03.11], [H01.01.03.12]. Việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng được triển khai bằng nhiều hình thức như: khảo sát online, trao đổi hoặc phát phiếu khảo sát thông qua các ngày hội việc làm, qua các đợt liên hệ cho SV đi kiến tập, thực tập, email,... [H01.01.03.03]. Ngoài ra, trong mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV với các ý kiến của SV về CTĐT, nội dung, PPGD của các học phần sau khi KTHP là cơ sở quan trọng để KXD có những điều chỉnh về nội dung và PPGD nhằm tăng sự tương thích giữa CĐR của mỗi học phần với kỳ vọng của người học [H01.01.03.13], [H01.01.03.14], [H01.01.03.15].

CĐR của CTĐT ngành KTXD được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo kế

hoạch của Nhà trường vào năm 2019, 2020 [H01.01.03.16]. Nhà trường công bố CĐR các ngành đào tạo trong đó có ngành KTXD với CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ, yêu cầu về CĐR tin học và tiếng Anh [H01.01.03.17]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá kết quả đạt CĐR tiếng Anh, tin học, xét công nhận tốt nghiệp,... qua đó góp ý, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học [H01.01.03.18]. Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan, năm 2019, Nhà trường rà soát, điều chỉnh, cải tiến CĐR của CTĐT ngành KTXD theo hướng đáp ứng nhu cầu của thực tiễn với 19 CĐR cụ thể, bao gồm: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H01.01.03.16], [H01.01.03.17], [H01.01.03.19]. Đồng thời, KXD rà soát, bổ sung các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành đào tạo theo quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT và hoàn thiện tổ chức đào tạo theo danh mục giáo dục đào tạo cấp IV của Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT [H01.01.03.20], [H01.01.03.06], [H01.01.03.21], [H01.01.03.22], [H01.01.03.23], [H01.01.03.24].

CĐR của CTĐT ngành KTXD được công bố rộng rãi, công khai bằng các hình thức, phương tiện khác nhau như đăng tải trên website của Nhà trường tại địa chỉ <http://www.mtu.edu.vn/>, niêm yết trong sổ tay SV, phổ biến đến SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H01.01.03.25], [H01.01.03.26], [H01.01.03.27]. Ngoài ra, CĐR của CTĐT ngành KTXD được niêm yết trong các tài liệu hội nghị, hội thảo do KXD tổ chức [H01.01.03.28].

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của ngành KTXD trong những năm gần đây tương đối đồng đều. Trong mỗi khóa tốt nghiệp đều có SV đạt loại xuất sắc, giỏi và khá với tỷ lệ ổn định [H1.01.03.29].

2. Điểm mạnh

Năm 2016, 2017, 2019, KXD triển khai rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành KTXD theo kế hoạch của Nhà trường. CĐR của CTĐT ngành KTXD được lấy ý kiến của các bên liên quan và sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT. CĐR của CTĐT

ngành KTXD được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT ngành KTXD được công bố rộng rãi, công khai nhưng chưa đa dạng hình thức công khai.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, bộ phận tư vấn tuyển sinh tổ chức các hoạt động để đưa thông tin CĐR của ngành KTXD đến với xã hội như: sử dụng facebook, gửi các tài liệu đến các bộ phận liên quan thông qua hoạt động tư vấn tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường, KXD đã chú trọng xây dựng mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành KTXD theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng và ban hành bằng văn bản. Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành KTXD phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và tham khảo, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan cũng như nhu cầu của thị trường lao động. Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT ngành KTXD phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật giáo dục ĐH. CĐR của CTĐT ngành KTXD được thiết kế nhằm mục đích phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập. Với mục tiêu đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp có trình độ ĐH của khu vực ĐBSCL và cả nước phục vụ ngành xây dựng dân dụng và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, CĐR của CTĐT ngành KTXD đã được rà soát, điều chỉnh vào năm 2016, 2017, 2019, 2020 theo đúng mục tiêu xác định là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một số SV chưa tốt nghiệp đúng hạn do không đạt điều kiện CĐR ngoại ngữ và các hình thức công khai CĐR của CTĐT ngành KTXD còn hạn chế.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 1 đạt 3 tiêu chí, trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT giúp SV có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, có đầy đủ thông tin và cập nhật theo quy định tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ ĐH. Bản mô tả CTĐT ngành KTXD được xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến công tác đào tạo của ngành KTXD và là nguồn thông tin quan trọng, chính thống giúp SV, nhà tuyển dụng và xã hội nắm bắt các thông tin cần thiết, đặc biệt là các khối kiến thức và kỹ năng được trang bị thông qua chương trình. Bản mô tả CTĐT cũng là cơ sở để các nhà khoa học, các GV nghiên cứu về CTĐT hiện hành, giúp Nhà trường đảm bảo các CĐR và đồng thời chứng minh khả năng đảm bảo đạt được CĐR.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả Chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH, Nhà trường triển khai xây dựng Bản mô tả CTĐT [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Bản mô tả CTĐT, trong đó có Bản mô tả CTĐT ngành KTXD [H2.02.01.04]. Năm 2020, sau khi Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng, Nhà trường triển khai rà soát Bản mô tả CTĐT với các thông tin cập nhật [H2.02.01.05], [H2.02.01.06]. Nhà trường cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành KTXD với đầy đủ thông tin bao gồm: tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ

năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR); đề cương các học phần; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H2.02.01.06].

Để triển khai rà soát, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành KTXD vào năm 2020, Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến của GV, SV và trên cơ sở đó tiếp thu để chỉnh sửa [H2.02.01.07]. Bên cạnh đó, Bản mô tả CTĐT ngành KTXD cập nhật những nội dung điều chỉnh về mục tiêu, CDR của CTĐT; ma trận kỹ năng, ĐCCT học phần và công bố công khai trên các trang thông tin điện tử của Nhà trường, KXD, các tài liệu quảng bá [H2.02.01.04], [H2.02.01.08], [H2.02.01.09], [H2.02.01.10], [H2.02.01.11], [H2.02.01.12]. Bản mô tả CTĐT ngành KTXD được ban hành sau khi điều chỉnh vào năm 2020 đã được cập nhật và đảm bảo thông tin theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, năm 2020, Nhà trường triển khai để GV xây dựng Bản mô tả môn học đối với tất cả các học phần của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành KTXD được xây dựng bài bản, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, quy định của Nhà trường. Thông qua bản mô tả CTĐT, SV và các bên liên quan hiểu được các thông tin cần thiết của CTĐT ngành KTXD. Năm 2020, Nhà trường triển khai để GV xây dựng Bản mô tả môn học đối với tất cả các môn học của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả môn học vừa mới được xây dựng và ban hành trong năm 2020 nên chưa thể rà soát, điều chỉnh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, đồng thời với quá trình tiến hành rà soát, điều

chỉnh CTĐT cũng như rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT, Nhà trường và KXD tiến hành rà soát, điều chỉnh bản mô tả môn học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

CTĐT ngành KTXD có 83 học phần bao gồm học phần bắt buộc, học phần tự chọn, học phần điều kiện [H2.02.02.01]. Các ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD được xây dựng theo đúng Quy định xây dựng CTĐT, CDR và ĐCCT học phần của Nhà trường ban hành [H2.02.02.02], [H2.02.02.03]. Tất cả ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD được ban hành và thông báo, phổ biến đến SV, các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], [H2.02.02.07], [H2.02.02.08]. GV giới thiệu ĐCCT học phần cho SV ngay trong buổi đầu tiên bắt đầu học phần [H2.02.02.09]. Ngoài ra, SV có thể tiếp cận ĐCCT học phần của CTĐT, bản mô tả học phần CTĐT trên website của Nhà trường, KXD hoặc trên cổng thông tin cá nhân của SV [H2.02.02.02], [H2.02.02.10], [H2.02.02.11], [H2.02.02.12]. Các ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD có đầy đủ thông tin, bao gồm: tên đơn vị, tên GV đảm nhận giảng dạy; tên học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo [H2.02.02.02].

Hằng năm, trong các buổi hội nghị đào tạo, hội nghị Khoa học và Đào tạo của KXD, các nội dung về CTĐT được quan tâm, xem xét nhằm đánh giá kết quả hoạt động đào tạo, đánh giá ưu, nhược điểm nội dung của tất cả ĐCCT học phần, phân tích nguyên nhân tồn tại, đề ra các giải pháp để tổ chức hoạt động đào tạo cho năm học mới, đồng thời chỉ đạo thực hiện rà soát, điều chỉnh, cập nhật ĐCCT học phần [H2.02.02.13], [H2.02.02.14]. Năm 2016, 2017, 2019, 2020, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh ĐCCT học phần, trong đó có

ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD [H2.02.02.15], [H2.02.02.16], [H2.02.02.17]. Sau mỗi lần điều chỉnh, Nhà trường ban hành các ĐCCT học phần và triển khai thực hiện [H2.02.02.02]. Nội dung các học phần của CTĐT ngành KTXD thường xuyên được cập nhật, được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của GV, nhà tuyển dụng, các nhà khoa học để góp ý cho ĐCCT học phần, trên cơ sở đó làm căn cứ cho việc điều chỉnh cho phù hợp và thông qua đó các bài giảng của GV luôn được cập nhật nội dung mới, kiến thức mới liên quan [H2.02.02.18], [H2.02.02.19], [H2.02.02.20], [H2.02.02.21].

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành KTXD được ban hành với đầy đủ thông tin cần thiết và thông báo, phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh ĐCCT học phần vào năm 2016, 2017, 2019, 2020. Các ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD được cập nhật dựa trên cơ sở rà soát, tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình điều chỉnh ĐCCT học phần, Nhà trường chưa tham khảo ĐCCT học phần của các trường ĐH quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, KXD thường xuyên tham khảo ĐCCT học phần của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh, cập nhật ĐCCT học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần của ngành KTXD được xây dựng đúng quy trình, được rà soát, điều chỉnh theo ý kiến góp ý của các bên liên quan [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05].

Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD được Nhà trường ban hành, công bố công khai cho SV, GV và các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như đăng tải trên website của Trường và của KXD, niêm yết trong sổ tay SV [H2.02.03.06], [H2.02.03.07], [H2.02.03.08]. Đối với SV, tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, SV được thông báo, phổ biến về bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần [H2.02.03.09]. KXD đã phổ biến bản mô tả CTĐT ngành KTXD đến từng GV [H2.02.03.10]. Dựa vào bản mô tả CTĐT, các bộ môn chuẩn bị, sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của CTĐT và tình hình nhân sự của từng bộ môn, đồng thời giúp GV chuẩn bị kế hoạch giảng dạy cũng như nắm được nội dung giảng dạy của các bộ môn khác để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các học phần, các năm học [H2.02.03.11].

Tất cả ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD được ban hành và thông báo, phổ biến đến các bên liên quan [H2.02.03.10], [H2.02.03.12], [H2.02.03.13], [H2.02.03.14]. Các ĐCCT học phần sau khi điều chỉnh được Nhà trường ban hành kịp thời và áp dụng trong đào tạo. Ngay tại buổi học đầu tiên, SV được GV phổ biến cụ thể về ĐCCT học phần do GV giảng dạy [H2.02.03.13], [H2.02.03.15], [H2.02.03.16]. Thông qua ĐCCT học phần, SV biết rõ các thông tin cần thiết về học phần và trên cơ sở đó chủ động cho quá trình học tập của bản thân.

Bên cạnh việc đăng tải bản mô tả CTĐT trên website của Trường và của KXD, bản mô tả CTĐT ngành KTXD được thông báo tại các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại bản tin thông báo của KXD [H2.02.03.17], [H2.02.03.18]. Việc sử dụng, công bố bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần bằng nhiều hình thức đã giúp cho các cơ quan quản lý, nhà tuyển dụng, GV, SV, SV tốt nghiệp có thể tiếp cận một cách dễ dàng, thuận lợi nhất [H2.02.03.10], [H2.02.03.19], [H2.02.03.20]. SV có thể biết được các học phần đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học [H2.02.03.13]. Bên cạnh đó, thông qua bản mô tả CTĐT SV có được cái nhìn tổng quát về toàn

bộ CTĐT, SV và xã hội dễ dàng tiếp cận và nắm được CDR, các kiến thức được trang bị sau khi tốt nghiệp về chuẩn năng lực nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức, giải quyết vấn đề, thái độ, đạo đức nghề nghiệp và công việc mà SV có thể đảm nhận [H2.02.03.03], [H2.02.03.21].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD được công bố công khai, rộng rãi giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, từ đó đã gắn kết cơ hội hợp tác giữa Nhà trường với cơ quan, doanh nghiệp trong đào tạo, sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD được ban hành kịp thời sau khi điều chỉnh và áp dụng trong đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khảo sát, đánh giá về khả năng tiếp cận bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD của các bên liên quan bên ngoài trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường khảo sát, đánh giá khả năng tiếp cận bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD của các bên liên quan bên ngoài trường để tăng cường áp dụng hình thức phù hợp nhằm tạo điều kiện cho các bên có liên quan tiếp cận thuận lợi nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 2

Nhà trường triển khai xây dựng, ban hành bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KTXD được xây dựng bài bản, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, quy định của Nhà trường. Năm 2020, Nhà trường

triển khai để GV xây dựng Bản mô tả học phần đối với tất cả các học phần của CTĐT. Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh ĐCCT học phần vào năm 2016, 2017, 2019, 2020. Các ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD được cập nhật dựa trên cơ sở rà soát, tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD được công bố công khai, rộng rãi giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, từ đó đã gắn kết cơ hội hợp tác giữa Nhà trường với cơ quan, doanh nghiệp trong đào tạo, sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, trong quá trình điều chỉnh ĐCCT học phần, Nhà trường chưa tham khảo ĐCCT học phần của các trường ĐH quốc tế. Nhà trường chưa khảo sát, đánh giá về khả năng tiếp cận bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD của các bên liên quan bên ngoài trường.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí đạt, trong đó 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành KTXD được thiết kế dựa trên chương trình khung của Bộ GD&ĐT, tham khảo CTĐT cùng ngành của một số trường ĐH trong nước, đồng thời tiếp thu nhu cầu của các nhà tuyển dụng. CTDH ngành KTXD thể hiện sự cân đối giữa kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành, đạt được CDR của CTĐT và sự logic giữa các học phần. Nội dung CTDH cập nhật, có tính tích hợp cao giữa các học phần, thể hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong giai đoạn hội nhập, phát triển. CTDH có mục tiêu rõ ràng và cụ thể, có cấu trúc được thiết kế một cách logic có hệ thống đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. Bên cạnh đó, CTDH cũng được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTDH ngành KTXD được Nhà trường công bố năm 2019 sau khi được Hội đồng KH&ĐT nghiệm thu, được chỉnh sửa, bổ sung năm 2020 [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. CTDH ngành KTXD được xây dựng, điều chỉnh theo Quy định xây dựng CTĐT, CĐR và ĐCCT học phần do Nhà trường ban hành năm 2016 và theo các bước rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH, hình thức đào tạo chính quy tại Trường ĐHXDMT [H3.03.01.05], [H3.03.01.06], [H3.03.01.07], [H3.03.01.08]. Căn cứ các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, KXD đã chú trọng đến tỷ lệ phân trăm giữa các khối kiến thức, kỹ năng chung và chuyên ngành để đạt mục tiêu đào tạo và CĐR, theo hướng thiết kế xây dựng CTDH của Nhà trường [H3.03.01.09], [H3.03.01.10], [H3.03.01.11], [H3.03.01.12], [H3.03.01.13]. CTDH ngành KTXD bao gồm các nội dung: Mục tiêu đào tạo chung; Mục tiêu đào tạo cụ thể; CĐR đối với ngành học và CĐR của mỗi học phần; Nội dung đào tạo; Phương pháp kiểm tra đánh giá người học; thời lượng đào tạo của ngành học và mỗi học phần [H3.03.01.02], [H3.03.01.04]. CTDH ngành KTXD được xây dựng, điều chỉnh dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, đồng thời đảm bảo nguồn lực và tiến độ thực hiện theo kế hoạch [H3.03.01.14]. CTDH ngành KTXD thể hiện mục tiêu của CTĐT trong kết quả từng học phần và từng khối kiến thức, đảm bảo các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng [H3.03.01.03].

Để hoàn thành CTDH ngành KTXD, SV cần tích lũy 136 tín chỉ, với 55 học phần (không tính các học phần điều kiện như học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, tin học ứng dụng cơ bản, tin học ứng dụng nâng cao, tiếng Anh), trong đó kiến thức giáo dục đại cương là 24 tín chỉ (đạt tỷ lệ 17,6%), kiến thức cơ sở ngành là 39 tín chỉ (đạt tỷ lệ 28,7%), kiến thức chuyên ngành là 60 tín chỉ (đạt tỷ lệ 44,1%), thực tập tốt nghiệp 3 tín chỉ (đạt tỷ lệ

2,2%), đồ án tốt nghiệp là 10 tín chỉ (đạt tỷ lệ 7,4%) [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. GV KXD được Nhà trường, KXD phổ biến, hướng dẫn xác định PPGD, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp, đạt được CĐR [H3.03.01.15], [H3.03.01.16]. Trên cơ sở đó, GV KXD lựa chọn phù hợp, đa dạng tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH nhằm góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR [H3.03.01.17], [H3.03.01.18], [H3.03.01.19]. Sự tương thích, phù hợp của tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học với CĐR của CTDH và CĐR của học phần được thể hiện trong ma trận kỹ năng, CTĐT, CTDH và bản mô tả CTĐT [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.20], [H3.03.01.21], [H3.03.01.22]. Dựa trên CĐR của học phần, GV thiết kế hoạt động dạy và học chi tiết từng học phần được phân công phụ trách, chuẩn bị và tổ chức bài giảng sinh động, lôi cuốn, hệ thống các câu hỏi chất vấn gợi mở đa dạng nhằm giúp SV tham gia xây dựng bài [H3.03.01.01], [H3.03.01.04]. Đặc biệt, các học phần trong CTDH ngành KTXD được thiết kế dựa trên tình huống thực tế nhằm giúp người học rèn luyện được các kỹ năng phân tích, lập luận, cập nhật và nắm bắt các vấn đề thực tế [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Các học phần trong CTDH ngành KTXD yêu cầu SV thuyết trình cá nhân/nhóm nhằm phát triển các kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn. Các PPGD, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đối với từng học phần của GV được xác định trong ĐCCT học phần, lịch trình giảng dạy từng học kỳ và lưu trữ trong hồ sơ GV [H3.03.01.23], [H3.03.01.24], [H3.03.01.25].

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường ban hành kế hoạch đảm bảo các nguồn lực và tiến độ thực hiện CTĐT, trong đó có CTĐT ngành KTXD [H3.03.01.26].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành KTXD được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối

kiến thức và phù hợp với CĐR của CTĐT. Tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH được xác định phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Tất cả các ĐCCT học phần của CTDH ngành KTXD đều xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Do nhu cầu khác nhau của các nhà tuyển dụng ngành xây dựng nên nội dung của CTDH ngành KTXD chưa thể đáp ứng được tất cả nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021 và những năm học tiếp theo, KXD tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung trong CTDH ngành KTXD nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

CTDH ngành KTXD đảm bảo tính cân bằng giữa kiến thức chung, các môn kỹ năng và kiến thức chuyên ngành tương ứng với CĐR [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03]. Việc liên kết giữa các học phần chặt chẽ, xuyên suốt từ học kỳ 1 đến học kỳ 8, sắp xếp các học phần có kiến thức phát triển trong đó lưu ý đến các học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống của các học phần, tính linh hoạt còn được thể hiện qua sự lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp của người học. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Mỗi học phần được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập,

thảo luận, thực hành thí nghiệm cân đối, logic và chặt chẽ. Mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà SV tiếp nhận, phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành KTXD [H3.03.02.04]. Các học phần xã hội và kỹ năng cơ bản nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức và ý thức cho SV. Các học phần khoa học tự nhiên cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành như: cơ học lý thuyết, sức bền vật liệu, cơ kết cấu, cơ học đất,... Các học phần cơ sở ngành là nền tảng cho các học phần chuyên môn ngành. Tất cả các học phần trong CTDH ngành KTXD có sự tương thích về nội dung, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR và biểu hiện cụ thể trong ma trận kỹ năng, bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.05], [H3.03.02.06], [H3.03.02.07].

Mỗi học phần trong CTDH ngành KTXD đều thể hiện rõ nét tính tích hợp của phương pháp dạy và học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp CĐR và hỗ trợ nhau tốt để bảo đảm việc đạt CĐR, PPGD, cách thức tổ chức giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.04]. Trong ĐCCT học phần thể hiện rõ phương pháp dạy và học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp CĐR của mỗi học phần cụ thể. GV xác định PPGD và học tập tích hợp, các học phần bài tập, bài tập lớn, đồ án, thí nghiệm, thực tập và đồ án tốt nghiệp được lồng ghép với các học phần lý thuyết giúp SV có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn và thực hành nhằm đảm bảo CĐR của mỗi học phần [H3.03.02.03], [H3.03.02.07]. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần được xác định trong CTĐT đa dạng, phù hợp, trong đó có các hoạt động kiểm tra đánh giá người học tương thích nhằm đảm bảo đạt được CĐR [H3.03.02.01], [H3.03.02.04], [H3.03.02.08]. Việc đánh giá SV được thực hiện bằng nhiều phương pháp nhằm mục đích đạt được CĐR của CTĐT [H3.03.02.04], [H3.03.02.09]. Cụ thể, ở mỗi học phần, điểm đánh giá SV được thực hiện thông qua 2 thành phần: đánh giá quá trình và thi KTHP với các quy định rõ ràng về trọng số điểm [H3.03.02.10], [H3.03.02.11]. Đối với đánh giá

quá trình, GV quy định các thành phần khác nhau tùy học phần như: tham gia lớp học của SV, làm bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra cá nhân,... [H3.03.02.03]. Đối với thi KTHP, SV thi tập trung theo thời gian quy định của Nhà trường [H3.03.02.12].

Nội dung các học phần trong CTDH ngành KTXD hợp lý, đáp ứng các CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm thông qua kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực, trình tự và tiến độ trong việc thực hiện CTDH từ lịch trình giảng dạy các học phần theo hướng tiếp cận các khối kiến thức mang tính thống nhất [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tiến hành đối chiếu, so sánh sự đóng góp mỗi học phần trong việc đạt được CDR của CTĐT để hoàn thiện nội dung các học phần trong CTĐT [H3.03.02.01], [H3.03.02.06], [H3.03.02.13]. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD, Nhà trường triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường, trong đó có đánh giá về nội dung của CTDH và việc đóng góp của các học phần nhằm đạt được CDR [H3.03.02.14], [H3.03.02.15], [H3.03.02.16], [H3.03.02.17]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về nội dung CTDH được KXD sử dụng, tiếp thu trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD nhằm đảm bảo nội dung các học phần thể hiện việc đạt được CDR [H3.03.02.04], [H3.03.02.18], [H3.03.02.19]. Theo ý kiến của nhà tuyển dụng, CTDH ngành KTXD cần dành thời lượng cho thực hành các học phần có liên quan đến thiết kế như các phần mềm hiện đại hoặc tham quan các hạng mục công trình có liên quan đến các học phần công nghệ để hỗ trợ cho việc đi làm ngay sau khi tốt nghiệp [H3.03.02.15], [H3.03.02.17]. Bên cạnh đó, sau khi kết thúc mỗi học phần, SV được lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy của GV như trình bày bài giảng, giải đáp thắc mắc, kiến thức chuyên môn, khả năng liên hệ với thực tế,... [H3.03.02.20]. Những ý kiến phản hồi của SV được gửi báo cáo BGH Trường, trưởng các Khoa, Trung tâm, GV có liên quan để kịp thời điều chỉnh những hạn chế và cải thiện chất lượng giảng dạy cũng như phục vụ quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH [H3.03.02.21], [H3.03.02.22], [H3.03.02.23].

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đảm bảo các nguồn lực và tiến độ thực hiện CTĐT, trong đó có CTĐT ngành KTXD [H3.03.02.24].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH ngành KTXD được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên môn ngành. Nội dung chi tiết từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, thể hiện được sự gắn kết tương ứng trong các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy-học, đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR. Mỗi học phần trong CTDH ngành KTXD đều thể hiện rõ nét tính tích hợp của phương pháp dạy và học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp CĐR và hỗ trợ nhau tốt để bảo đảm việc đạt CĐR, PPGD, cách thức tổ chức giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần. Trong ĐCCT học phần thể hiện rõ phương pháp dạy và học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp CĐR của mỗi học phần cụ thể. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD, Nhà trường triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường, trong đó có đánh giá về nội dung của CTDH và việc đóng góp của các học phần nhằm đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các nhà tuyển dụng góp ý về nội dung của CTDH ngành KTXD chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến các bên liên quan nhằm tăng cường số lượng các nhà tuyển dụng góp ý về nội dung của CTDH ngành KTXD.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

CTDH ngành KTXD được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ bản, cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và giáo dục chuyên nghiệp [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03], [H3.03.03.04]. Các học phần trong CTDH ngành KTXD được thiết kế theo cấu trúc nhất quán, trình tự logic, nội dung tương đối cập nhật và có tính tích hợp đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành giúp cho chương trình trở thành một khối thống nhất, có nội dung, yêu cầu, bố cục theo hướng dẫn xây dựng CTDH của Nhà trường. CTDH ngành KTXD đã điều chỉnh và ban hành năm 2019 được tổ chức theo nhóm kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng được tăng lên mức độ từ thấp đến cao, từ cơ bản đến nâng cao, được phân bố phù hợp trong CTDH, được thiết kế thể hiện sự logic giữa các học phần và kết nối chặt chẽ giữa các học phần cơ bản và chuyên ngành, được giảng dạy trong 4 năm [H3.03.03.05], [H3.03.03.06], [H3.03.03.07]. Trong đó, năm thứ nhất, khối kiến thức giáo dục đại cương (23 TC bắt buộc và 2 TC tự chọn) là phần bắt buộc đối với SV tất cả các ngành, là nền tảng cho những khối kiến thức ở những năm tiếp theo. Năm thứ 2, khối kiến thức được tổ chức thành các mô đun gồm có 35 TC bắt buộc và 2 TC tự chọn. Năm thứ 3, khối kiến thức được tổ chức thành các mô đun gồm có 33 TC bắt buộc và 2 TC tự chọn. Năm thứ 4, khối kiến thức được tổ chức thành các mô đun gồm có 20 TC bắt buộc và 10 TC tự chọn. Kiến thức chuyên ngành (60 TC, trong đó 10 TC tự chọn) là các học phần bắt buộc phục vụ cho các chuyên ngành và đồ án tốt nghiệp (10 TC), ngoài ra SV còn tham gia công trình thực tế ngoài trường để rèn luyện kỹ năng nghề (3 TC). Phần kiến thức tự chọn trong CTĐT ngành KTXD là 16 TC/136 TC được học vào học kỳ 2, 4, 6, 7 SV sẽ quyết định các học phần phù hợp với nguyện vọng mong muốn hiểu biết chuyên sâu sau khi ra trường. Ngoài ra, tùy theo năng lực học tập, SV có thể đăng ký học vượt theo quy định [H3.03.03.03], [H3.03.03.08]. Các học phần tự chọn tạo điều kiện cho SV có thêm nhiều lựa chọn trong việc trang bị kiến thức và tăng khả năng tìm kiếm việc làm trong tương lai [H3.03.03.09], [H3.03.03.10],

[H3.03.03.11]. Trước khi tốt nghiệp, SV phải hoàn thành đồ án tốt nghiệp bao gồm kiến thức tổng hợp trong quá trình học tập [H3.03.03.12], [H3.03.03.13], [H3.03.03.14], [H3.03.03.15], [H3.03.03.16], [H3.03.03.17], [H3.03.03.18], [H3.03.03.19].

Năm học	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
Kỳ học	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
Kiến thức giáo dục đại cương	x	x						
Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
Kiến thức chuyên ngành				x	x	x	x	
Chuyên ngành tự chọn		x		x		x	x	
Thực tập tốt nghiệp								x
Học phần tốt nghiệp								x

Bảng 3.1. Khối kiến thức được sắp xếp theo các học kỳ

Trong CTDH ngành KTXD có 55 học phần với tổng số 136 TC, không tính các học phần điều kiện như: học phần giáo dục thể chất - 10 TC, giáo dục quốc phòng - an ninh - 11 TC, ngoại ngữ (tiếng Anh) - 5 TC, tin học ứng dụng cơ bản - 3 TC, tin học ứng dụng nâng cao - 2 TC được quy định trong CTDH [H3.03.03.20], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03], [H3.03.03.21].

Số TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Đạt tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	22	02	24	17,6%
2	Kiến thức cơ sở ngành	35	04	39	28,7%
3	Kiến thức chuyên ngành	50	10	60	44,1%
4	Thực tập tốt nghiệp	03	00	03	2,2%
5	Đồ án tốt nghiệp	10	00	10	7,4%
Tổng cộng:		120	16	136	100%

Bảng 3.2. Cấu trúc kiến thức ngành KTXD

CTDH ngành KTXD có cấu trúc rõ ràng, thể hiện được cả chiều rộng và chiều sâu và bao gồm nhiều khối kiến thức: kiến thức chung về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, tin học và ngoại ngữ [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.04], [H3.03.03.22]. Các học phần cơ sở ngành như: cơ lý thuyết, vẽ kỹ thuật, trắc địa, cơ học đất, sức bền vật liệu, cơ học kết cấu,... Các học phần chuyên ngành như: kết cấu bê tông cốt thép, kết cấu thép, kỹ thuật thi công, tổ chức thi công,... Chiều sâu của CTDH ngành KTXD còn được thể hiện qua trình tự các học phần theo trật tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, cơ sở chuyên ngành. Các học phần kết thúc ở kỳ trước làm nền tảng cho các học phần ở các kỳ tiếp theo. Các học phần tự chọn, chuyên môn ngành đều có học phần cơ bản, cơ sở ngành tiên quyết. CTDH ngành KTXD được thiết kế có tỷ lệ cân đối giữa các khối kiến thức, hoàn toàn phù hợp với quy định khối lượng kiến thức do Bộ GD&ĐT ban hành [H3.03.03.23].

Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH được tiến hành thường xuyên theo quy định của Nhà trường thông qua tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động đào tạo, họp KXD [H3.03.03.05], [H3.03.03.24]. Nhà trường đã thực hiện triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD [H3.03.03.25], [H3.03.03.26]. Trên cơ sở đó, KXD triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD theo Quy định xây dựng CTĐT, CDR và ĐCCT học phần do Nhà trường ban hành năm 2016 và theo Các bước rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH, hình thức đào tạo chính quy tại Trường ĐHXDMT. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD, KXD sử dụng, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan về CTDH [H3.03.03.05], [H3.03.03.07].

Theo quy định xây dựng CTĐT, CDR và ĐCCT học phần do Nhà trường ban hành năm 2016 và theo các bước rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH, hình thức đào tạo chính quy tại Trường ĐHXDMT, trong quá trình điều chỉnh CTDH bắt buộc phải tham khảo CTĐT tương đồng của các trường ĐH có uy tín trong nước và quốc tế [H3.03.03.25], [H3.03.03.26], [H3.03.03.27]. Trên

cơ sở đó, trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD, KXD tham khảo CTĐT ngành KTXD của Trường ĐH Kiến trúc TP. HCM và CTĐT của Trường ĐH khác. CTDH được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, KXD, trên các tài liệu quảng bá chương trình và công bố vào tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa học cũng như niêm yết trong sổ tay SV [H3.03.03.28], [H3.03.03.29], [H3.03.03.30].

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đảm bảo các nguồn lực và tiến độ thực hiện CTĐT, trong đó có CTĐT ngành KTXD [H3.03.03.31].

2. Điểm mạnh

CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo và yêu cầu của chuẩn đào tạo ĐH nhằm giúp SV tiếp thu các kiến thức vững chắc, đáp ứng yêu cầu thực tế về nhân lực của xã hội. Tất cả các học phần trong CTDH ngành KTXD được bố trí hợp lý. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD, KXD tham khảo CTĐT ngành KTXD của Trường ĐH Kiến trúc TP. HCM và CTĐT của các Trường ĐH khác.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các CTĐT cùng ngành của các trường ĐH quốc tế được tham khảo còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, KXD tăng cường tham khảo CTĐT cùng ngành của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành KTXD.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 3

CTDH ngành KTXD được bố trí hợp lý giữa các khối kiến thức, giữa kiến thức ngành và chuyên ngành, có những học phần kỹ năng giúp SV chủ động trong học tập. CTDH ngành KTXD được xây dựng bài bản, nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát, điều chỉnh có sự tham khảo chương trình của các

trường ĐH có uy tín trong nước và quốc tế nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, chương trình được tổ chức đào tạo theo tín chỉ, có mục tiêu rõ ràng, cấu trúc logic và chặt chẽ. Tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH được xác định phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Tất cả các ĐCCT học phần của CTDH ngành KTXD đều xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Mỗi học phần trong CTDH ngành KTXD đều thể hiện rõ nét tính tích hợp của phương pháp dạy và học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp CĐR và hỗ trợ nhau tốt để bảo đảm việc đạt CĐR, PPGD, cách thức tổ chức giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTXD, Nhà trường triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường, trong đó có đánh giá về nội dung của CTDH và việc đóng góp của các học phần nhằm đạt được CĐR. Tuy nhiên, do nhu cầu khác nhau của các nhà tuyển dụng ngành xây dựng nên nội dung của CTDH ngành KTXD chưa thể đáp ứng được tất cả nhu cầu của các nhà tuyển dụng. Số lượng các nhà tuyển dụng góp ý về nội dung của CTDH ngành KTXD và số lượng các CTĐT cùng ngành của các trường ĐH quốc tế được tham khảo còn hạn chế.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, cả 3 tiêu chí đều đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Xác định tầm quan trọng của tổ chức hoạt động dạy - học trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo và cải tiến chất lượng CTĐT, Nhà trường, KXD luôn quan tâm, chú trọng tổ chức các hoạt động dạy - học nhằm giúp cho SV rèn luyện, nâng cao khả năng tự tìm tòi, khám phá tri thức, vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn trong chuyên môn, cuộc sống, diễn đạt kiến thức của mình cho người khác, khơi dậy niềm đam mê học hỏi của họ. Tổ chức

và triển khai các hoạt động dạy - học bao gồm: tổ chức, triển khai các phương pháp dạy - học; các phương pháp kiểm tra đánh giá; tham khảo và áp dụng các phương pháp dạy - học tích cực của các trường ĐH uy tín trong và ngoài nước. Nhà trường và KXD luôn chú trọng tổ chức thực hiện đổi mới phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV nhằm đạt được CDR của CTĐT.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Trong các kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT và Quyết định số 233/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/6/2018, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được xác định rõ ràng, cụ thể: “Trường Đại học Xây dựng Miền Tây là trường đại học đào tạo đa ngành, đa hệ trong lĩnh vực Xây dựng và các lĩnh vực Kinh tế khác cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Là trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ, chuyển giao sản phẩm khoa học và công nghệ phù hợp với các ngành mà Nhà trường đào tạo. Phấn đấu đến năm 2030 đạt trình độ phát triển tương đương với các trường đại học có đẳng cấp trong nước, đến năm 2050 đạt trình độ trung bình ở khu vực Đông Nam Á và Quốc tế” [H4.04.01.01], [H4.04.01.02], [H4.04.01.03]. Bên cạnh đó, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được trình bày trong báo cáo TĐG chất lượng trường ĐHXDMT năm 2017 [H4.04.01.04]. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH được quy định trong Luật Giáo dục ĐH và là cơ sở để các đơn vị của Trường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhằm đạt được mục tiêu chung đã xác định [H4.04.01.05], [H4.04.01.06], [H4.04.01.07], [H4.04.01.08], [H4.04.01.09], [H4.04.01.03].

Nhà trường gửi văn bản quy định về mục tiêu giáo dục đến các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến CBVC, SV biết để thực hiện [H4.04.01.10], [H4.04.01.11]. Tại các hoạt động tập thể của Nhà trường tổ chức, BGH thường xuyên phổ biến, quán triệt đến CBVC về mục tiêu giáo dục của Trường [H4.04.01.12], [H4.04.01.13], [H4.04.01.14]. Bên cạnh đó, tại các cuộc

hợp của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CBVC về mục tiêu giáo dục của Trường [H4.04.01.15]. Đối với SV, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được phổ biến tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, trong nội dung sinh hoạt lớp [H4.04.01.16], [H1.01.03.17]. Dựa trên mục tiêu giáo dục của Nhà trường, KXD xác định mục tiêu giáo dục của ngành KTXD là đào tạo ra những kỹ sư xây dựng có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định, có lý tưởng phục vụ sự nghiệp đổi mới đất nước, xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, có đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo sức khỏe để tham gia xây dựng, bảo vệ tổ quốc, nền tảng kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành tốt, đáp ứng các hoạt động nghề nghiệp, có các kỹ năng phù hợp, đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp, yêu cầu phát triển của ngành xây dựng [H1.01.01.18]. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và thảo luận, thống nhất trong Đảng ủy, CBVC, được cụ thể hoá thành phương hướng, nhiệm vụ công tác trong các kế hoạch phát triển trung hạn cũng như kế hoạch mỗi năm học của Trường [H4.04.01.19], [H4.04.01.05], [H4.04.01.06], [H4.04.01.07]. Toàn thể CB, GV, NV, SV Nhà trường hiểu rõ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả mọi mặt công tác để đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra [H4.04.01.20]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện sự hiểu biết rõ ràng về mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn quan tâm, chỉ đạo các đơn vị tập trung tuyên truyền, phổ biến mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài trường [H4.04.01.19]. Để phổ biến mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan bên ngoài trường, Nhà trường đăng tải công khai mục tiêu giáo dục trên website của Nhà trường và trên các bảng biểu đặt tại những nơi dễ thấy trong khuôn viên trường [H4.04.01.21], [H4.04.01.22]. Bên cạnh đó, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được thể hiện trong tài liệu tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức [H4.04.01.23].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xác định mục tiêu giáo dục và ban hành bằng văn bản. Mục tiêu giáo dục của Trường được phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài. Các đơn vị của Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện

nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã xác định. GV, SV Nhà trường hiểu rõ về mục tiêu giáo dục của Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến góp ý của các nhà sử dụng lao động đối với mục tiêu giáo dục của Trường chưa được tiến hành thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, hằng năm, trong nội dung khảo sát các nhà sử dụng lao động, Nhà trường chú trọng khảo sát về mục tiêu giáo dục để có thêm cơ sở điều chỉnh, cải tiến mục tiêu giáo dục của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Xác định tầm quan trọng của hoạt động dạy học trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng tổ chức tập huấn, hướng dẫn GV thiết kế, xác định các hoạt động dạy học nhằm đạt CĐR, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước [H4.04.02.01], [H4.04.02.02]. Nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, Nhà trường tổ chức bồi dưỡng cho GV về đổi mới PPGD, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV thông qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đồng thời quan tâm xây dựng cơ sở dữ liệu về đào tạo, thư viện điện tử, hệ thống CNTT đồng bộ, cổng thông tin học tập trực tuyến,... giúp sự tương tác giữa GV và SV trong và ngoài giờ lên lớp được thuận lợi [H4.04.02.03], [H4.04.02.04], [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07], [H4.04.02.08]. Các GV tham gia giảng dạy CTDH ngành KTXD theo thời khóa biểu và phân công của bộ môn nhằm đảm bảo tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H4.04.02.09], [H4.04.02.10], [H4.04.02.11], [H4.04.02.12], [H4.04.02.13], [H4.04.02.14]. Ngoài ra, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, Nhà trường, KXD thường xuyên tổ chức các hội nghị tổng kết công

tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ, hội thảo chuyên đề, bồi dưỡng, tập huấn về đổi mới PPGD, đánh giá theo năng lực [H4.04.02.15], [H4.04.02.02]. Trên cơ sở đó, KXD thảo luận và xác định các PPGD phù hợp nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.16], [H1.01.02.07]. Trong kế hoạch năm học hằng năm, Nhà trường luôn chú trọng triển khai để GV thực hiện đổi mới PPDH, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV [H4.04.02.17], [H4.04.02.18].

Nhà trường tổ chức, hướng dẫn SV về phương pháp học tập tích cực ở ĐH nhằm tích lũy kiến thức, hình thành năng lực tư duy khoa học, kỹ năng, kỹ xảo thực hành, kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện [H4.04.02.19], [H4.04.02.20], [H4.04.02.21], [H4.04.02.22]. Trong quá trình học tập ngành KTXD, SV được giảng dạy các học phần giới thiệu, hướng dẫn các phương pháp học tập hiệu quả [H4.04.02.11], [H4.04.02.12], [H4.04.02.14], [H4.04.02.20]. Bên cạnh đó, tại buổi học đầu tiên, GV giới thiệu với SV về ĐCCT học phần trong đó có các phương pháp học tập phù hợp nhằm đạt CĐR [H4.04.02.23], [H4.04.02.16]. Ngoài ra, CTDH ngành KTXD được thiết kế có cấu trúc phù hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp SV có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết vào thực tiễn [H4.04.02.11], [H4.04.02.12], [H4.04.02.13], [H4.04.02.20], [H4.04.02.14]. SV được tổ chức thực tập tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng trong thời gian 135 tiết, tham quan thực tế một số công trình xây dựng điển hình [H4.04.02.24], [H4.04.02.25], [H4.04.02.26].

Định kỳ, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi SV về hoạt động giảng dạy của GV và chất lượng CTĐT [H4.04.02.27], [H4.04.02.28]. Kết quả khảo sát việc đánh giá của SV về hoạt động giảng dạy của GV cho thấy: đa số GV thiết kế bài giảng và tổ chức hoạt động giảng dạy trên lớp một cách chủ động, tự tin; GV giải thích các vấn đề chặt chẽ, rõ ràng, dễ hiểu, giúp SV nắm vững nội dung bài học; GV liên hệ nội dung bài học với thực tiễn đời sống, tổ chức, hướng dẫn SV về cơ hội học tập và giao lưu để phát huy khả năng bản thân; Hình thức và nội dung đánh giá của GV khuyến khích phát triển tính tích cực,

sáng tạo của SV trong việc vận dụng kiến thức đã học. Ngoài ra, nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, KXD tiến hành nhiều hình thức khác nhau như: hội thi tiết giảng tốt, kiểm tra hoạt động giảng dạy, lên lớp, đánh giá năng lực GV, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV hằng tháng, hằng năm,... [H4.04.02.29], [H4.04.02.30], [H4.04.02.31], [H4.04.02.32], [H4.04.02.33], [H4.04.02.34], [H4.04.02.35]. Các ý kiến của GV tại Hội nghị CBVC hằng năm và tại các cuộc họp Khoa thể hiện sự hài lòng của GV đối với PPGD và học tập được sử dụng trong CTDH ngành KTXD [H4.04.02.07], [H4.04.02.36], [H4.04.02.37].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy học của các học phần ngành KTXD được thiết kế phù hợp với CDR. GV KXD luôn chủ động, tích cực trong việc nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ giúp SV tiếp thu những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. KXD triển khai đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy học nhằm đáp ứng CDR của CTĐT ngành KTXD. Ý kiến của GV, SV hài lòng về PPGD và học tập được sử dụng trong CTDH ngành KTXD.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp SV năm nhất chưa thích nghi với PPGD theo hướng chủ động, tự học và tự nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, KXD và đội ngũ CVHT tăng cường bồi dưỡng, hướng dẫn SV năm thứ nhất về các phương pháp học tập tích cực ở bậc ĐH nhằm giúp SV thích nghi, chủ động và tích cực học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ngành KTXD, Nhà trường và KXD

triển khai đổi mới nội dung, PPGD như: giảm lý thuyết, tăng thực hành, thực tế, thí nghiệm, kỹ năng cho SV, kết hợp học tập trực tuyến,... [H4.04.03.01], [H4.04.03.02], [H4.04.03.03], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05]. Bên cạnh đó, ĐCCT học phần của ngành KTXD được thiết kế hợp lý, có sự kết hợp giữa lý thuyết với thảo luận, bài tập, bài tập lớn để SV tự nghiên cứu và trình bày vấn đề [H4.04.03.06], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08]. Ngoài ra, trong ĐCCT học phần có các học phần thí nghiệm, thực hành, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp để SV vận dụng kiến thức đã học vào một công trình, dự án cụ thể nhằm giúp SV phát huy tinh thần ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.07], [H4.04.03.08].

Trong quá trình học tập, đội ngũ CVHT luôn tư vấn, hỗ trợ cho SV ngành KTXD về học tập và rèn luyện, đặc biệt là kỹ năng tự học [H4.04.03.09], [H4.04.03.10]. Trong ĐCCT học phần ngành KTXD nhấn mạnh đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu của SV nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.07], [H4.04.03.11]. Trên cơ sở đó, các GV luôn hướng dẫn, bồi dưỡng năng lực tự học cho SV, coi đó là phương cách tốt nhất để tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập nhằm giúp SV chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định năng lực, phẩm chất và đề cống hiến [H4.04.03.12]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường và KXD tổ chức nhiều hoạt động NCKH nhằm phát huy khả năng tự nghiên cứu của SV [H4.04.03.13], [H4.04.03.14], [H4.04.03.15].

GV KXD tích cực áp dụng các PPGD tích cực như: thuyết trình kết hợp với trình chiếu, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận và làm việc nhóm,... giúp SV chủ động trong quá trình học tập, hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.12]. GV KXD áp dụng đa dạng các PPGD bao gồm: phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, PPGD chủ động tùy theo yêu cầu của từng học phần như: đối với học phần “Đồ án tốt nghiệp”, GV tạo điều kiện để SV vận dụng kiến thức tổng hợp từ các học phần đã học, áp dụng các công thức tính toán, phần mềm hỗ trợ như: Sap, Etab,... vào tính toán cho một công trình cụ thể nhằm giúp SV có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề và tăng

cường các kỹ năng mềm như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình dự án, tăng khả năng tự chủ và trách nhiệm của mỗi SV [H4.04.03.06], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08]. Trong chương trình thực tập, Nhà trường giới thiệu hoặc SV liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp để tìm hiểu, nghiên cứu, thực hành trong lĩnh vực xây dựng; từ đó SV tham gia thực tập, thực hành, thiết kế, tổ chức thi công,... một dự án cụ thể [H4.04.03.16]. Khi thực hiện đồ án tốt nghiệp, SV được GV hướng dẫn trực tiếp trên một công trình, dự án thực tế giúp SV vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy trong quá trình học tập để tính toán, thiết kế hoàn thiện một công trình, dự án; từ đó, SV áp dụng vào thực tiễn sau khi tốt nghiệp [H4.04.03.11], [H4.04.03.17], [H4.04.03.18], [H4.04.03.19], [H4.04.03.20], [H4.04.03.21], [H4.04.03.22], [H4.04.03.23], [H4.04.03.24]. Nhà trường triển khai đào tạo trực tuyến, bổ sung và cập nhật nguồn tài liệu học tập nhằm tăng cường tính chủ động học tập, tự nghiên cứu của SV [H4.04.03.05], [H4.04.03.25]. Kết quả hoạt động dạy học được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và các đơn vị [H4.04.03.26], [H4.04.03.27], [H4.04.03.28]. Để nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường tổ chức cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV, đi tập huấn ngắn hạn ở nước ngoài,... [H4.04.03.29], [H4.04.03.30], [H4.04.03.31], [H4.04.03.32].

2. Điểm mạnh

CTĐT của ngành KTXD được thiết kế phù hợp về cấu trúc các học phần, về tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành, bài tập trong từng học phần,... giúp SV rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tất cả ĐCCT học phần của ngành KTXD xác định các PPGD và học tập phù hợp, nhấn mạnh kỹ năng tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV KXD sử dụng các PPGD phù hợp nhằm động viên, khuyến khích SV tích cực, chủ động khám phá tri thức, không ngừng học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Các hội nghị, hội thảo do KXD tổ chức về đổi mới phương pháp dạy học

chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, hằng năm, KXD tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 4

Nhà trường xác định mục tiêu giáo dục và ban hành bằng văn bản, đồng thời phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài. Trên cơ sở đó, các đơn vị của Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã xác định. Các hoạt động dạy học của các học phần ngành KTXD được thiết kế phù hợp với CĐR. GV KXD luôn chủ động, tích cực trong việc nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ giúp SV tiếp thu những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. CTĐT của ngành KTXD được thiết kế phù hợp về cấu trúc các học phần, về tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành, bài tập trong từng học phần,... giúp SV rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tất cả ĐCCT học phần của ngành KTXD xác định các PPGD và học tập phù hợp, nhấn mạnh kỹ năng tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV KXD sử dụng các PPGD phù hợp nhằm động viên, khuyến khích SV tích cực, chủ động khám phá tri thức, không ngừng học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tuy nhiên, việc tổ chức lấy ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục của Trường chưa được tiến hành thường xuyên. Bên cạnh đó, vẫn còn trường hợp SV năm nhất chưa thích nghi với PPGD theo hướng chủ động, tự học và tự nghiên cứu. Các hội nghị, hội thảo do KXD tổ chức về đổi mới phương pháp dạy học chưa thường xuyên.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 4 đạt 3 tiêu chí, trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Phương pháp dạy học gắn liền với đánh giá quá trình dạy học cũng như công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. Đánh giá kết quả học tập của SV là một trong những khâu then chốt trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá phản ánh hiệu quả giảng dạy của GV, phương pháp học của SV và các dịch vụ hỗ trợ SV. Việc đánh giá kết quả học tập của SV của ngành KTXD được thiết kế để đo lường mức độ đạt CĐR của ngành, bao gồm các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường thông báo công khai, rộng rãi đến toàn thể CBVC, SV thông qua nhiều hình thức khác nhau. Khi bắt đầu mỗi học phần, GV thông báo cho SV các quy định, hình thức, yêu cầu kiểm tra đánh giá cụ thể của học phần. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, được rà soát thông qua ý kiến phản hồi các bên liên quan để cải tiến cho phù hợp hơn. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về thi và kiểm tra đánh giá trong đó chú trọng việc đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Quy định về việc giao đồ án tốt nghiệp cho SV hệ chính quy đồng thời thông báo cụ thể, kịp thời về việc tổ chức bảo vệ đồ án cũng như quy định về thời gian nhập điểm thi mỗi học kỳ [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11],

[H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14]. Các quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường được phổ biến rộng rãi, công khai đến GV, SV thực hiện cũng như niêm yết trong sổ tay GV, sổ tay SV, bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần, đăng tải trên website của Trường và của Phòng KT&ĐBCL [H5.05.01.15], [H5.05.01.16], [H5.05.01.17], [H5.05.01.18], [H5.05.01.19], [H5.05.01.20]. Nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV, Nhà trường thường xuyên tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định, quy chế về công tác học vụ, công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV phù hợp với CĐR của CTĐT [H5.05.01.03], [H5.05.01.04], [H5.05.01.21], [H5.05.01.22].

Để chuẩn hóa công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV, Nhà trường thành lập Phòng KT&ĐBCL là đơn vị có trách nhiệm tổ chức các hoạt động khảo thí; thanh tra; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV trong toàn Trường [H5.05.01.23], [H5.05.01.24], [H5.05.01.25]. Phòng KT&ĐBCL thường xuyên báo cáo tình hình thanh tra, kiểm tra công tác giảng dạy trong các cuộc họp giao ban Trường [H5.05.01.26], [H5.05.01.27]. Khi kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức xét học vụ để đánh giá kết quả học tập của SV, đồng thời rút kinh nghiệm trong công tác đào tạo ở học kỳ sau [H5.05.01.28], [H5.05.01.29]. Sau từng học kỳ, Phòng KT&ĐBCL thực hiện tổng hợp, phân tích kết quả thi KTHP của SV đối với từng học phần cũng như sự phù hợp của từng hình thức thi, kiểm tra đánh giá đối với học phần, trên cơ sở đó có các điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp [H5.05.01.21], [H5.05.01.30], [H5.05.01.31], [H5.05.01.32], [H5.05.01.33]. Trong Quyết định ban hành quy định tổ chức thi KTHP của Nhà trường có quy định rõ về phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR [H5.05.01.02], [H5.05.01.17]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành phiếu đánh giá tiêu chí làm cơ sở thống nhất nội dung, trọng số điểm cụ thể đối với các hình thức kiểm tra đánh giá chung của các học phần [H5.05.01.16], [H5.05.01.17], [H5.05.01.34], [H5.05.01.35], [H5.05.01.36], [H5.05.01.37].

Hiện nay, Nhà trường triển khai đánh giá kết quả học tập của SV căn cứ

vào điểm đánh giá quá trình và điểm thi KTHP để đảm bảo đáp ứng CDR [H5.05.01.03], [H5.05.01.38]. Điểm quá trình do GV trực tiếp giảng dạy đánh giá, được tổng hợp từ đánh giá kiểm tra, thảo luận, đánh giá nhận thức, thái độ học tập, chuyên cần,... [H5.05.01.39]. Với phương pháp đánh giá đa dạng và liên tục giúp SV chủ động hơn trong việc tự học, tự nghiên cứu, tích cực học tập trước, trong và sau khi lên lớp. Phương pháp đánh giá từng học phần thể hiện trong ĐCCT và được GV thông báo ngay khi bắt đầu học phần để SV nắm rõ cách thức kiểm tra đánh giá học phần [H5.05.01.03], [H5.05.01.16], [H5.05.01.17], [H5.05.01.21], [H5.05.01.22], [H5.05.01.35], [H5.05.01.40], [H5.05.01.41], [H5.05.01.42]. Đối với thi KTHP được Nhà trường tổ chức tập trung theo từng học kỳ, mỗi học kỳ tổ chức 01 lần thi và công bố công khai đáp án từng học phần trên website Nhà trường [H5.05.01.03], [H5.05.01.04], [H5.05.01.43], [H5.05.01.44]. Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức “3 chung” bao gồm: SV học chung một học phần sẽ thi chung ngày giờ; danh sách thi toàn trường sẽ sắp xếp theo thứ tự Alphabet, thi chung đề và chấm chung [H5.05.01.04], [H5.05.01.43], [H5.05.01.45], [H5.05.01.46]. Đề thi KTHP do Phòng KT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi đã được Nhà trường tổ chức nghiệm thu và đảm bảo những yêu cầu của CTĐT [H5.05.01.02], [H5.05.01.17], [H5.05.01.30], [H5.05.01.47], [H5.05.01.48], [H5.05.01.49], [H5.05.01.50]. Bộ đề thi được thiết kế tương đương về nội dung cho các hình thức đào tạo để đảm bảo mặt bằng chất lượng và đề thi được thiết kế theo hướng dẫn của Nhà trường về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng đề thi. Đề thi KTHP luôn đảm bảo đủ yêu cầu đánh giá về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của SV, thể hiện bằng các hình thức: thi viết (tự luận), thi vấn đáp và thi trắc nghiệm. Trước ngày thi, Nhà trường mời các GV có uy tín, chuyên môn sâu tập trung tại phòng làm đề để tổ chức ra đề thi một số học phần, với sự giám sát của ban đề thi [H5.05.01.30], [H5.05.01.51]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV cho thấy các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR [H5.05.01.52], [H5.05.01.53].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV và thông báo, phổ biến đến GV, SV thực hiện. Nhà trường thành lập và giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị quản lý về công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR được quy định rõ trong hệ thống văn bản về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Nhà trường ban hành. Trên cơ sở đó, các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR.

3. Điểm tồn tại

KXD chưa thường xuyên tổ chức các báo cáo chuyên đề về đánh giá quá trình của SV trong quá trình dạy học nhằm tạo điều kiện để GV có cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, hằng năm, KXD tổ chức các báo cáo chuyên đề về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV để GV trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Các văn bản về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường xây dựng và ban hành theo các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03], [H5.05.02.04], [H5.05.02.05], [H5.05.02.06]. Nhà trường phổ biến các quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đến GV, SV thông qua các cuộc họp Khoa, họp lớp, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, thông báo của GV khi bắt đầu học phần cũng như

đăng tải trên website của Trường và của Phòng KT&ĐBCL, niêm yết trong sổ tay GV, sổ tay SV, chương trình phát thanh nội bộ của trường từ 6h30 đến 6h50 mỗi thứ 2 hằng tuần [H5.05.02.07], [H5.05.02.08], [H5.05.02.09], [H5.05.02.10], [H5.05.02.11], [H5.05.02.12], [H5.05.02.13]. Trên cơ sở đó, KXD triển khai thực hiện theo đúng các văn bản quy định về công tác học vụ, công tác thi KTHP, giao đồ án, xây dựng ngân hàng đề thi KTHP [H5.05.02.10], [H5.05.02.14], [H5.05.02.15]. Trong ĐCCT học phần của CTĐT ngành KTXD quy định rõ ràng tiêu chí đánh giá SV, cách tính điểm, tỷ lệ phần trăm các thành phần điểm và các loại hình đánh giá [H5.05.02.16], [H5.05.02.17], [H5.05.02.18]. Từ năm 2012, đa số học phần, điểm đánh giá quá trình có trọng số 30% và điểm thi KTHP có trọng số 70%, đến năm 2019 điều chỉnh điểm đánh giá quá trình có trọng số 40% và điểm thi KTHP có trọng số 60%. Một số học phần chuyên đề, thực tập, đồ án học phần,... không tổ chức thi KTHP như: kỹ thuật thi công, tổ chức thi công, kết cấu, nền móng, kết cấu bê tông cốt thép, đồ án kết cấu thép, tin học ngành xây dựng [H5.05.02.19], [H5.05.02.20], [H5.05.02.21]. Cách thức đánh giá điểm quá trình bao gồm: điểm chuyên cần, thái độ học tập, thảo luận, bài tập, thực hành, thí nghiệm,... được GV thông báo trên lớp cho SV khi bắt đầu học phần [H5.05.02.08], [H5.05.02.17], [H5.05.02.22].

GV nhập điểm đánh giá quá trình và thông báo công khai cho SV ít nhất 01 tuần trước khi thi KTHP [H5.05.02.08], [H5.05.02.23]. Thời gian thi KTHP do Phòng QLĐT lên kế hoạch căn cứ vào kế hoạch năm học [H5.05.02.24], [H5.05.02.25], [H5.05.02.26]. Phòng KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch thi KTHP và công bố cho SV trên website Nhà trường, công thông tin cá nhân trước kỳ thi ít nhất 2 tuần [H5.05.02.08], [H5.05.02.27]. Phòng KT&ĐBCL tổ chức chấm thi tập trung, nhập điểm thi KTHP và công bố trên trang thông tin từng cá nhân SV [H5.05.02.27], [H5.05.02.28], [H5.05.02.29], [H5.05.02.30], [H5.05.02.31], [H5.05.02.32]. SV có quyền phản hồi trực tiếp các vấn đề như lịch thi, điểm số,... đến các phòng, khoa có liên quan theo đúng quy định [H5.05.02.08], [H5.05.02.33], [H5.05.02.34], [H5.05.02.35], [H5.05.02.36]. Đối với việc thực

hiện đồ án tốt nghiệp, Nhà trường quy định cụ thể, rõ ràng, trong đó điều kiện SV đăng ký làm đồ án tốt nghiệp, thủ tục và hồ sơ đăng ký, điều kiện SV được ưu tiên, thời gian thực hiện, cấu trúc đồ án tốt nghiệp, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, cá nhân có liên quan,... Điểm tổng kết (thang điểm 10) của một đồ án tốt nghiệp là trung bình cộng của các điểm thành phần với các hệ số: (1) Điểm của GV hướng dẫn hệ số 1; (2) Điểm sơ khảo, phản biện hệ số 1 (Điểm trung bình cộng của các điểm từng phần có nhân với hệ số. Hệ số của từng phần tương ứng với tỉ lệ khối lượng của phần đó trong đồ án - Ví dụ: đồ án tốt nghiệp nhóm kết cấu (KC) chính thì điểm phần kiến trúc nhân hệ số 0,05; KC nhân 0,5; phần nền móng nhân 0,25; phần thi công nhân 0,2); (3) Điểm bảo vệ đồ án hệ số 3 (Điểm trung bình cộng của các thành viên trong tiểu ban bảo vệ cùng chấm một đồ án). Điểm tổng kết được quy đổi sang thang điểm chữ theo quy định [H5.05.02.08], [H5.05.02.03], [H5.05.02.04], [H5.05.02.37], [H5.05.02.38], [H5.05.02.39], [H5.05.02.40], [H5.05.02.41], [H5.05.02.42]. Nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra tiếng Anh cho SV đạt chuẩn bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam, Nhà trường tiến hành tổ chức phân loại, xếp lớp đầu vào và đào tạo miễn phí 100% cho SV khóa mới từ năm học 2018 - 2019. Đối với CDR tin học, từ năm học 2018 - 2019, Nhà trường đào tạo miễn phí 100% cho SV khóa mới khi tham gia lớp CNTT cơ bản. Ngoài ra, SV có nhu cầu tham gia xuất khẩu lao động sang Nhật có thể lựa chọn học tiếng Nhật thay cho tiếng Anh với trình độ tương đương [H5.05.02.43], [H5.05.02.44], [H5.05.02.45], [H5.05.02.46], [H5.05.02.47], [H5.05.02.48].

Nhà trường thông báo quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đến các đơn vị để triển khai thực hiện, đồng thời Nhà trường phổ biến đến GV, SV của Khoa để thực hiện đúng quy định [H5.05.02.10], [H5.05.02.11], [H5.05.02.12], [H5.05.02.49]. Hình thức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong ĐCCT học phần và được GV thông báo đến SV ngay trong buổi học đầu tiên [H5.05.02.08], [H5.05.02.17]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hằng

năm giữa lãnh đạo Nhà trường với SV thể hiện SV được phổ biến cụ thể các quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, đa số SV và GV hài lòng về khả năng tiếp cận, hiểu rõ các quy định về kiểm tra đánh giá [H5.05.02.50], [H5.05.02.51].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, trong đó có hướng dẫn được xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Các quy định về đánh giá kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được xây dựng cụ thể, rõ ràng, phù hợp với mức độ đạt CDR và được công bố công khai. Đa số GV, SV hài lòng về phương pháp, quy trình kiểm tra, đánh giá kiểm tra đánh giá kết quả học tập SV.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số SV năm thứ nhất chưa hiểu biết đầy đủ các văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường, KXD tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV thông qua đội ngũ CVHT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện theo các quy định của Nhà trường như: Quy chế học vụ, Quy định thi KTHP, Quy định thực hiện đồ án tốt nghiệp, Quy định xây dựng ngân hàng đề thi KTHP,... [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], [H5.05.03.05]. Bên cạnh đó, các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thể hiện trong bản mô tả CTĐT và các nội dung cụ thể về đánh giá

học phần được quy định trong ĐCCT học phần [H5.05.03.06], [H5.05.03.07], [H5.05.03.08]. Trên cơ sở đó, GV KXD áp dụng đa dạng các hình thức thi và kiểm tra đánh giá khác nhau, trong đó chủ yếu là hình thức tự luận, ngoài ra áp dụng hình thức trắc nghiệm, thực hành, vấn đáp, đồ án, tiểu luận,... [H5.05.03.07], [H5.05.03.09]. Tùy theo mỗi học phần, GV chấm điểm đánh giá quá trình với nhiều hình thức khác nhau: nhận thức, thái độ học tập và chuyên cần, thảo luận trên lớp, bài tập, bài kiểm tra, thực hành thí nghiệm,... [H5.05.03.07], [H5.05.03.10]. Đối với mỗi học phần trong CTĐT, GV vận dụng tổ hợp nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt, phù hợp với trình độ, năng lực SV và trang thiết bị dạy học của Nhà trường,... [H5.05.03.11], [H5.05.03.12], [H5.05.03.13], [H5.05.03.14].

Nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng thi KTHP, Nhà trường ban hành quy định xây dựng ngân hàng đề thi và triển khai thực hiện [H5.05.03.05], [H5.05.03.15], [H5.05.03.16], [H5.05.03.17], [H5.05.03.18]. Ban chỉ đạo xây dựng ngân hàng đề thi xét duyệt đề thi, đánh giá kỹ lưỡng, phù hợp với ĐCCT học phần và đảm bảo CDR mỗi học phần, tổ chức phản biện và nghiệm thu. Nếu nghiệm thu không đạt, Nhà trường sẽ tổ chức nghiệm thu lại lần 2 hoặc mời GV ra đề riêng cho học phần đó. Ngân hàng đề thi chỉ được sử dụng sau khi hội đồng nghiệm thu đồng ý. Để đảm bảo ngân hàng đề thi luôn được cập nhật và tăng dần số lượng câu hỏi, mỗi học kỳ Phòng KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch cập nhật, thay đổi, bổ sung ngân hàng đề thi để các khoa thực hiện [H5.05.03.17], [H5.05.03.18], [H5.05.03.19], [H5.05.03.20]. Ngoài ra, nhằm tăng cường độ tin cậy, sau khi phân tích, đánh giá kết quả thi của SV trong những học kỳ trước hoặc các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đề thi, Nhà trường lập kế hoạch điều chỉnh, bổ sung ngân hàng đề thi, mời những GV có năng lực chuyên môn tốt, uy tín đề ra đề thi KTHP tại phòng làm đề, trước một ngày tổ chức thi với sự giám sát của ban đề thi, đảm bảo đề thi phù hợp các yêu cầu CDR [H5.05.03.21], [H5.05.03.20], [H5.05.03.22], [H5.05.03.23], [H5.05.03.24]. Quy trình ra đề, duyệt đề, in sao, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác và công bằng [H5.05.03.02], [H5.05.03.05],

[H5.05.03.25]. Sau mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCL thực hiện tổng hợp, phân tích kết quả thi KTHP của SV đối với từng học phần cũng như sự phù hợp của từng hình thức thi, kiểm tra đánh giá đối với học phần, trên cơ sở đó có các điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp [H5.05.03.20], [H5.05.03.22], [H5.05.03.23], [H5.05.03.26]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCL theo dõi dữ liệu về kết quả chấm thi, phúc khảo, phúc tra bài thi [H5.05.03.26], [H5.05.03.27], [H5.05.03.28], [H5.05.03.29]. Hằng năm, Nhà trường đánh giá công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV và báo cáo công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường, của Phòng KT&ĐBCL và của các Khoa [H5.05.03.30], [H5.05.03.31], [H5.05.03.32], [H5.05.03.33], [H5.05.03.34], [H5.05.03.35]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về các phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV [H5.05.03.36].

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện đa dạng, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR mỗi học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các học phần trong CTĐT của ngành KTXD. GV, SV, cựu SV ngành KTXD thể hiện mức độ hài lòng về các phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

KXD chưa thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn để GV cập nhật về các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, hằng năm, Nhà trường và KXD tổ chức bồi dưỡng, tập huấn định kỳ cho GV về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Từ năm học 2012 - 2013, Nhà trường thực hiện phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, kết quả học tập của SV được xử lý và lưu trữ thông qua phần mềm QLĐT [H5.05.04.01], [H5.05.04.02]. Nhà trường ban hành quy định công tác học vụ theo học chế tín chỉ và quy định tổ chức thi KTHP, trong đó quy định cụ thể thời gian công bố kết quả học tập của người học [H5.05.04.02], [H5.05.04.03]. Trước khi thi KTHP một tuần, GV công bố điểm quá trình cho SV và có trách nhiệm nhập điểm quá trình của từng SV vào phần mềm QLĐT khi Phòng QLĐT mở cổng thông tin [H5.05.04.04]. SV xem điểm quá trình trên trang thông tin cá nhân [H5.05.04.05], [H5.05.04.06]. Phòng KT&ĐBCL nhập điểm thi KTHP vào cổng thông tin đào tạo [H5.05.04.07]. Đối với các học phần đồ án, học phần chuyên đề, tiểu luận, thực hành thực tập,... GV phụ trách nhập điểm lên cổng thông tin QLĐT [H5.05.04.04]. Đối với SV hệ chính quy, bảng điểm thi KTHP được lưu trữ tại Phòng KT&ĐBCL và Phòng QLĐT [H5.05.04.08], [H5.05.04.09]. Đối với SV hệ VLVH, bảng điểm thi KTHP được lưu trữ tại Phòng KT&ĐBCL và Trung tâm BDNVXD&ĐTTX [H5.05.04.10], [H5.05.04.11].

Nhà trường gửi văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, trong đó có quy định cụ thể về phản hồi kết quả đánh giá đến Khoa phổ biến GV, SV của Khoa biết và thực hiện [H5.05.04.12]. Văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của Nhà trường đồng thời được thể hiện trong sổ tay GV, sổ tay SV cũng như đăng tải trên website của Trường, của KXD [H5.05.04.13], [H5.05.04.14], [H5.05.04.15]. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL, KXD và CVHT thông báo, phổ biến cụ thể đến SV quy định thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đến SV [H5.05.04.16], [H5.05.04.17], [H5.05.04.18].

Kết quả học tập của SV được Nhà trường, KXD thông báo kịp thời, đúng thời gian quy định và niêm yết trên bảng tin Khoa, cổng thông tin cá nhân của SV để SV phản hồi nếu có thắc mắc, khiếu nại kết quả học tập, giúp SV chủ động xây dựng các biện pháp cải thiện, nâng cao hiệu quả học tập [H5.05.04.06], [H5.05.04.19]. Để phúc khảo bài thi KTHP, SV nộp đơn phúc khảo tại Phòng KT&ĐBCL trong thời gian 05 ngày kể từ ngày công bố điểm thi [H5.05.04.02], [H5.05.04.20], [H5.05.04.21]. Phòng KT&ĐBCL mời GV chấm phúc khảo và công bố kết quả trên website và trang thông tin cá nhân, từ đó SV kịp thời đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập ở học kỳ kế tiếp [H5.05.04.06], [H5.05.04.22]. Kết quả học tập của SV được tổng hợp từng học kỳ, từng năm học và thể hiện trong báo cáo hội nghị đào tạo, báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL và KXD [H5.05.04.23], [H5.05.04.24], [H5.05.04.25], [H5.05.04.26]. Mỗi học kỳ, Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập của SV, từ đó SV xây dựng phương án học tập thích hợp để cải thiện các điểm yếu kém nhằm giúp SV tốt nghiệp đúng thời gian theo quy định của CTĐT, nâng cao năng lực chuyên ngành [H5.05.04.27].

Kết quả học tập của SV được Nhà trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ ở Khoa, Phòng QLĐT, Trung tâm BDNVXD&ĐTTX, Phòng KT&ĐBCL và lưu trữ trên cổng thông tin đào tạo [H5.05.04.08], [H5.05.04.09], [H5.05.04.10], [H5.05.04.11], [H5.05.04.28], [H5.05.04.29]. Kết quả học tập của SV được lưu trữ theo từng cá nhân, từng lớp học, từng học kỳ, từng năm, từng khóa nên không có tình trạng thất lạc điểm thi của SV, đồng thời các bảng thống kê kết quả đều có xác nhận của các cấp quản lý [H5.05.04.05], [H5.05.04.06], [H5.05.04.30], [H5.05.04.31]. Trong quá trình học tập, SV có thể đề nghị Phòng QLĐT cấp hoặc xem bảng điểm chính thức trên trang thông tin cá nhân của một hoặc nhiều học kỳ đã học. Bảng điểm kết quả học tập thể hiện kết quả của tất cả các học phần mà SV có đăng ký trong học kỳ [H5.05.04.06], [H5.05.04.28]. Trên cơ sở đó, SV có thể theo dõi quá trình học tập của mình để xây dựng kế hoạch học tập trong thời gian tiếp theo. Nhằm đánh giá, rà soát chất lượng phục vụ của Nhà trường trong công tác công

bổ, phản hồi kết quả học tập của SV, Nhà trường đã tiến hành tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của SV, cựu SV về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập. Kết quả khảo sát ý kiến thể hiện mức độ hài lòng của SV, cựu SV về phản hồi kết quả học tập của Nhà trường, Khoa đối với SV [H5.05.04.32]. Bên cạnh đó, các ý kiến phản hồi của SV được các đơn vị sử dụng để hoàn thiện, cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ, đồng thời giúp SV cải thiện việc học tập và hài lòng về Nhà trường [H5.05.04.26], [H5.05.04.27]. Ngoài ra, thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT, GVCN thông báo đến SV tại các buổi sinh hoạt lớp để SV điều chỉnh, cải thiện hoạt động học tập [H5.05.04.17], [H5.05.04.18].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau. Kết quả học tập của SV được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ trên cổng thông tin đào tạo và văn bản giấy, chính xác, an toàn, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập cho SV. Ý kiến khảo sát của SV, cựu SV hài lòng về kết quả công khai, công bố kịp thời kết quả học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Mức độ liên lạc giữa Phòng CTCTSV và gia đình SV để phản hồi về kết quả học tập của SV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Phòng CTCTSV và đội ngũ CVHT tăng cường liên lạc với gia đình SV để thông tin về kết quả học tập của SV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định, quy trình khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập của SV nhằm thống

nhất thực hiện trong toàn trường, đồng thời giúp SV thuận lợi trong việc tiếp cận và bảo đảm quyền lợi của cá nhân [H5.05.05.01], [H5.05.05.02], [H5.05.05.03]. Nhà trường gửi văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, trong đó có quy định cụ thể về khiếu nại kết quả đánh giá đến Khoa phổ biến GV, SV của Khoa biết và thực hiện [H5.05.05.04], [H5.05.05.05], [H5.05.05.06], [H5.05.05.07]. Văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, trong đó có quy định cụ thể về khiếu nại kết quả đánh giá đồng thời được thể hiện trong sổ tay GV, sổ tay SV cũng như đăng tải trên website của Trường, của KXD [H5.05.05.08], [H5.05.05.09], [H5.05.05.10], [H5.05.05.11]. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL, KXD và CVHT thông báo, phổ biến cụ thể đến SV quy định thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đến SV [H5.05.05.05], [H5.05.05.06], [H5.05.05.07].

Bên cạnh việc công bố công khai, rõ ràng kết quả học tập của SV, Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi nhất để SV dễ dàng theo dõi và phản ánh, khiếu nại kết quả học tập [H5.05.05.01], [H5.05.05.02], [H5.05.05.03]. Trong quá trình học tập, SV phúc khảo, khiếu nại kết quả học tập, trong đó đối với các điểm đánh giá quá trình học tập của một học phần, SV khiếu nại trực tiếp với GV phụ trách học phần và việc thay đổi điểm đánh giá quá trình phải được trưởng Khoa ký, BGH duyệt [H5.05.05.01]. Đối với điểm thi KTHP, SV nộp đơn phúc khảo tại Phòng KT&ĐBCL trong thời gian 05 ngày kể từ ngày công bố điểm. Trong thời gian 05 ngày tính từ thời điểm hết thời gian nhận đơn phúc khảo, Phòng KT&ĐBCL tiến hành mời GV chấm phúc khảo và công bố kết quả cho SV [H5.05.05.12], [H5.05.05.01], [H5.05.05.13], [H5.05.05.14], [H5.05.05.15], [H5.05.05.16]. Phòng KT&ĐBCL có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát việc giải quyết khiếu nại kết quả học tập của SV [H5.05.05.17], [H5.05.05.18]. Khi SV có khiếu nại về kết quả học tập, SV liên hệ trực tiếp Phòng KT&ĐBCL để tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, phúc khảo về điểm thi KTHP; Phòng QLĐT tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại về điểm tổng hợp; KXD tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại về điểm quá trình; Phòng CTCTSV tiếp

nhận, giải quyết các khiếu nại về điểm rèn luyện [H5.05.05.19], [H5.05.05.01], [H5.05.05.20], [H5.05.05.21]. Kết quả giải quyết khiếu nại, phúc khảo điểm thi được Nhà trường thông báo trên cổng thông tin cá nhân và website của Phòng KT&ĐBCL [H5.05.05.16], [H5.05.05.22]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCL thực hiện sổ theo dõi phúc khảo thi KTHP của SV [H5.05.05.15]. Ngoài ra, Nhà trường có bộ phận tiếp dân để giải đáp những thắc mắc của CBVC, SV, công dân về các hoạt động của Trường [H5.05.05.23], [H5.05.05.24]. Thanh tra đào tạo, thanh tra nhân dân là đơn vị có nhiệm vụ tiếp nhận, giám sát, giải quyết khiếu nại của SV, CBVC bằng cách nhận đơn trực tiếp hoặc thông qua hòm thư của Nhà trường [H5.05.05.17], [H5.05.05.25], [H5.05.05.26]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, tất cả các trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng [H5.05.05.27], [H5.05.05.28], [H5.05.05.29], [H5.05.05.30], [H5.05.05.31], [H5.05.05.32].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập để hỗ trợ cho SV trong quá trình học tập tại Trường và thông báo, phổ biến đến toàn thể SV. Phòng KT&ĐBCL, KXD tích cực thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi cho SV khi khiếu nại về kết quả học tập. Trong giai đoạn 2015 - 2020, tất cả các trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai tìm hiểu kỹ lưỡng về nguyên nhân khiếu nại kết quả học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Phòng KT&ĐBCL tiến hành tìm hiểu cụ thể đối với các trường hợp khiếu nại kết quả học tập của SV để từ đó tham mưu Nhà trường áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm hạn chế tối đa các trường hợp khiếu nại của SV về kết quả học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 5

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường thông báo, phổ biến các văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đến toàn thể GV, SV biết để thực hiện. Các phương pháp kết quả học tập phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR được quy định rõ trong hệ thống văn bản về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Nhà trường ban hành. Trên cơ sở đó, GV xác định các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được GV áp dụng đa dạng, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR mỗi học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các học phần trong CTĐT của ngành KTXD. Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập. Nhà trường đã ban hành quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập để hỗ trợ cho SV trong quá trình học tập tại Trường và thông báo, phổ biến đến toàn thể SV. Trong giai đoạn 2015 - 2020, tất cả các trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng. Tuy nhiên, vẫn còn một số SV năm thứ nhất chưa hiểu biết đầy đủ các văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập. KXD chưa thường xuyên tổ chức các báo cáo chuyên đề về đánh giá quá trình của SV trong quá trình dạy học nhằm tạo điều kiện để GV có cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm. Mức độ liên lạc giữa KXD và gia đình SV để phản hồi về kết quả học tập của SV còn hạn chế. Nhà trường chưa triển khai tìm hiểu kỹ lưỡng về nguyên nhân khiếu nại kết quả học tập của SV.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 5 đạt 5 tiêu chí, trong đó có 5 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Xác định đội ngũ GV đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức thực hiện hoạt động dạy - học, Nhà trường luôn chú trọng công tác phát triển đội ngũ và đến nay đội ngũ GV tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể. Nhà trường triển khai thực hiện một cách có hệ thống công tác phát triển đội ngũ từ khâu lập kế hoạch đến tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo bồi dưỡng và đánh giá. Bên cạnh đó, Nhà trường áp dụng các chính sách hỗ trợ tạo điều kiện, khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ cũng như có chính sách thu hút người tài về tham gia giảng dạy tại Trường. Các GV luôn được tạo mọi điều kiện về thời gian và kinh phí để tham gia các hoạt động chuyên môn và NCKH. KXD với đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo đạt chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo theo quy định, đồng thời có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường, đáp ứng nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Phòng TCHC là đơn vị chuyên trách quản lý nhân sự, tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường về công tác tổ chức CB, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ gắn liền với kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, tham mưu ban hành kế hoạch chiến lược phát triển nhân sự của Trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, kế hoạch trung hạn và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hằng năm [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H6.06.01.04], [H6.06.01.05],

[H6.06.01.06]. Để thực hiện tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, Nhà trường đã ban hành Quy định tuyển dụng viên chức và người lao động với nguyên tắc chung là tập trung xây dựng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ và có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong tốt [H6.06.01.07], [H6.06.01.08]. Bên cạnh đó, KXD ban hành kế hoạch chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, trong đó có nội dung phát triển đội ngũ của Khoa [H6.06.01.09]. Hiện nay, số lượng GV của Nhà trường có 176 người, trong đó số lượng GV KXD là 74 người [H6.06.01.10].

Để có cơ sở cho việc tuyển dụng đội ngũ GV và NV, từ năm 2014, Nhà trường đã xây dựng và ban hành đề án vị trí việc làm [H6.06.01.11]. Căn cứ đề nghị của các đơn vị trực thuộc dựa trên nhu cầu đào tạo, hoạt động NCKH, các hoạt động phục vụ cộng đồng và đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng GV, NV [H6.06.01.12], [H6.06.01.13]. Hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ CBVC, tuyển dụng GV, NV cho các đơn vị [H6.06.01.14], [H6.06.01.15], [H6.06.01.10]. Nhà trường thông báo công khai tuyển dụng viên chức, chính sách thu hút GV có trình độ chuyên môn cao trên bản tin, website của Trường [H6.06.01.16], [H6.06.01.17], [H6.06.01.18], [H6.06.01.19], [H6.06.01.20]. Nhằm thu hút SV tốt nghiệp loại giỏi, Nhà trường phổ biến rộng rãi thông báo tuyển dụng đến các SV giỏi thông qua các khoa [H6.06.01.20], [H6.06.01.21]. Sau khi tuyển dụng, Nhà trường ký kết hợp đồng lao động với các GV và thực hiện việc trả lương, các khoản phụ cấp, các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước [H6.06.01.22]. Đồng thời, Nhà trường phân công CB, GV hướng dẫn GV mới trong thời gian tập sự [H6.06.01.23]. Sau thời gian 3 tháng từ khi ký hợp đồng lần đầu, GV mới phải được hội đồng duyệt giảng cấp trường đánh giá đạt yêu cầu mới đủ điều kiện phân công đứng lớp, nếu trong trường hợp lần đầu thông qua hội đồng duyệt giảng không đạt thì phải duyệt giảng lại; khi hết thời gian tập sự GV mới nếu không đáp ứng được yêu cầu của hội đồng duyệt giảng, Nhà trường sẽ chấm dứt hợp đồng [H6.06.01.18], [H6.06.01.24]. Việc sắp xếp, bố trí GV mới đều theo

đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo góp phần đảm bảo, nâng cao năng lực đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa [H6.06.01.14], [H6.06.01.15]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện tình giản biên chế theo quy định của Chính phủ, Bộ Xây dựng nhưng vẫn đảm bảo chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.25], [H6.06.01.26]. Bên cạnh công tác tuyển dụng, hằng năm trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV do các Khoa đề xuất, Nhà trường ban hành kế hoạch và kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV theo quy định [H6.06.01.27], [H6.06.01.28], [H6.06.01.29]. Trong QCCTNB, Nhà trường quy định cụ thể hỗ trợ về tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ GV tham gia học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.01.30], [H6.06.01.31]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã cử nhiều GV của tham gia học tập sau đại học và các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước [H6.06.01.32], [H6.06.01.33], [H6.06.01.34]. Nhờ vậy, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV nâng cao đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.35], [H6.06.01.36], [H6.06.01.37], [H6.06.01.38], [H6.06.01.39].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, KXD luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV để đảm bảo chất lượng đào tạo của Khoa cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Với quy trình tuyển dụng rõ ràng, công khai, minh bạch, Nhà trường tuyển dụng được đội ngũ GV có năng lực, trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Dựa trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV hằng năm và triển khai thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Do những hạn chế nhất định về năng lực ngoại ngữ nên số lượng GV KXD tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường, KXD tăng cường chính sách động viên, khuyến khích GV tích cực học tập, rèn luyện năng lực ngoại ngữ nhằm thúc đẩy hoạt động HTQT của KXD.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030 thể hiện rõ nội dung tập trung xây dựng đội ngũ GV đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.02.01], [H6.06.02.02], [H6.06.02.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành nhiều chính sách tuyển dụng, thu hút GV có trình độ cao về Trường [H6.06.02.04], [H6.06.02.05], [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. Hiện nay, đội ngũ GV tham gia giảng dạy ngành KTXD đủ số lượng và chất lượng theo quy định để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, được công bố trong báo cáo 3 công khai trên website Nhà trường, phù hợp với đề án vị trí việc làm, với tổng số GV là 74 người, trong đó có 08 TS, 66 ThS, trong đó có 07 GV đang làm nghiên cứu sinh [H6.06.02.08], [H6.06.02.09], [H6.06.02.10]. Tổng số GV ngành KTXD có trình độ sau ĐH đạt 100% [H6.06.02.11], [H6.06.02.10]. Hiện nay, KXD đào tạo trình độ ĐH ngành KTXD với 1213 SV chính quy đang học tập tại Trường. Tỷ lệ trung bình SV trên GV (sau quy đổi) là 16,4 SV/GV đạt chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT [H6.06.02.10], [H6.06.02.12], [H6.06.02.13]. Đội ngũ GV ở các bộ môn của ngành KTXD có cơ cấu hợp lý về trình độ và độ tuổi, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng quy định [H6.06.02.10].

Trong quy định chế độ công tác GV, quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ công tác GV, quy chế chi tiêu nội bộ do Nhà trường ban hành có quy định chi tiết về việc chuyển đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết [H6.06.02.14], [H6.06.02.15],

[H6.06.02.16]. Bên cạnh đó, trong quy định về quản lý KH&CN của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về nhiệm vụ NCKH của GV và quy đổi theo giờ dạy [H6.06.02.17]. Ngoài ra, trong bản mô tả vị trí việc làm của GV thể hiện các yêu cầu đối với hoạt động giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng của GV [H6.06.02.09]. Các văn bản quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV do Nhà trường ban hành được đăng tải trên website của Trường, của Khoa, niêm yết trong sổ tay GV và thông báo, phổ biến đến tất cả GV của KXD tại các hoạt động chung của Trường, các cuộc họp của Khoa [H6.06.02.18], [H6.06.02.19], [H6.06.02.20], [H6.06.02.21].

Không những thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, GV KXD tham gia tích cực, hiệu quả các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng. Trong giai đoạn 2015 - 2020, GV KXD đã thực hiện 105 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp tỉnh và 04 đề tài cấp Bộ; có 123 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế [H6.06.02.22], [H6.06.02.23], [H6.06.02.24], [H6.06.02.25]. Kết quả NCKH của GV được tính giờ chuẩn quy đổi một cách cụ thể như: đối với các bài báo đăng trang thông tin giáo dục của trường được tính 20 giờ chuẩn, tạp chí cấp tỉnh và tương đương được tính 20 giờ chuẩn, tạp chí nước ngoài được tính từ 180 đến 630 giờ chuẩn. Ngoài ra, tham dự Seminar được tính quy đổi tương đương 0,3 giờ chuẩn nhân với số giờ thực hiện. Các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ khác đều được tính giờ chuẩn quy đổi đảm bảo thúc đẩy tinh thần làm việc của GV [H6.06.02.26], [H6.06.02.17], [H6.06.02.24], [H6.06.02.25]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV của Trường thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định chế độ công tác GV của Nhà trường ban hành. GV phải đảm nhiệm khối lượng tối thiểu về giảng dạy là 270 giờ/năm, NCKH là 180 giờ/năm và công tác khác là 78 giờ/năm, Nhà trường đang điều chỉnh chế độ công tác GV và NCKH theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ GD&ĐT [H6.06.02.15], [H6.06.02.16], [H6.06.02.14].

Hằng năm, căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện của mỗi GV, Nhà

trường, KXD tiến hành đánh giá kết quả việc thực hiện khối lượng giảng dạy, NCKH cũng như các hoạt động chuyên môn, nhiệm vụ khác để xếp loại thi đua GV [H6.06.02.27], [H6.06.02.28]. Trong đó, một số GV có giờ giảng dạy và giờ NCKH vượt so với tiêu chuẩn, được Nhà trường thanh toán theo quy định trong QCCTNB [H6.06.02.29], [H6.06.02.30], [H6.06.02.16], [H6.06.02.17], [H6.06.02.25]. Các hoạt động phục vụ cộng đồng, chuyên môn được các GV tham gia tích cực, có nhiều đóng góp, đáp ứng được cơ bản mục tiêu đề ra và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV [H6.06.02.31], [H6.06.02.32], [H6.06.02.23], [H6.06.02.24], [H6.06.02.25]. Các Bộ môn trực tiếp quản lý công tác chuyên môn của GV [H6.06.02.33], [H6.06.02.09]. Phòng KT&ĐBCL thường xuyên thực hiện kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy định giờ lên lớp của GV, từ đó phát hiện các trường hợp vi phạm, báo cáo lãnh đạo Trường, kịp thời điều chỉnh, đảm bảo hiệu quả công tác giảng dạy [H6.06.02.34], [H6.06.02.35], [H6.06.02.36]. Ngoài ra, Phòng KH&HTQT, Phòng QLĐT tham gia giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV, từ đó đảm bảo cho hoạt động giảng dạy, NCKH và các mặt công tác khác của KXD không ngừng được cải tiến, nâng cao [H6.06.02.37], [H6.06.02.38], [H6.06.02.39], [H6.06.02.40], [H6.06.02.41].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học/GV của CTĐT ngành KTXD đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Trong các văn bản quy định của Nhà trường ban hành có quy định chi tiết về việc chuyển đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện. Nhà trường triển khai theo dõi, giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV hằng năm và triển khai cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

GV KXD có học hàm học vị cao chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường các chế độ chính sách thu hút GV có học hàm, học vị và khuyến khích GV tích cực tham gia học tập

NCS, phong hàm PGS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Căn cứ vào Luật Viên chức năm 2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật CB, công chức và Luật viên chức năm 2019, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, ngày 12/4/2012 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Nhà trường ban hành quy định về tuyển dụng viên chức và người lao động; quyết định thu hút người có học hàm, học vị; quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động viên chức quản lý [H6.06.03.01], [H6.06.03.02], [H6.06.03.03], [H6.06.03.04]. Trong các văn bản quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Nhà trường ban hành có các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng,... theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp. Bên cạnh đó, trong đề án vị trí việc làm và bản mô tả vị trí việc làm của GV thể hiện các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng,... [H6.06.03.05]. Các tiêu chí về tuyển dụng GV được xác định dựa trên những đề xuất của Khoa có nhu cầu tuyển dụng như: tốt nghiệp từ loại khá, giỏi trở lên thuộc lĩnh vực đào tạo và ưu tiên những trường hợp có trình độ TS, học hàm PGS, GS, trình độ ngoại ngữ, tin học,... [H6.06.03.06], [H6.06.03.03], [H6.06.03.07], [H6.06.03.08], [H6.06.03.09], [H6.06.03.10], [H6.06.03.11].

Nhà trường đăng tải công khai các văn bản quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên website của Trường, đồng thời gửi đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến đội ngũ CB, GV biết để thực hiện [H6.06.03.12], [H6.06.03.13], [H6.06.03.14]. Bên cạnh đó, thông tin tuyển dụng GV bao gồm các tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển chọn đều được Nhà trường công

bộ công khai cụ thể, rõ ràng trên website, bản tin Trường hoặc trên các phương tiện truyền thông [H6.06.03.14], [H6.06.03.15], [H6.06.03.13]. Đối với GV, ngoài yêu cầu về trình độ ngoại ngữ bậc 3/6, trình độ chuẩn kỹ năng CNTT cơ bản phải có kiến thức vững vàng, kỹ năng sư phạm tốt, đáp ứng yêu cầu duyệt giảng của Nhà trường. Trong thời gian 03 tháng, sau khi được tiếp nhận, GV tiến hành các thủ tục duyệt giảng theo quy định, trong đó với sự hướng dẫn, hỗ trợ của bộ môn, GV tự chọn 1 tiết giảng, nếu đạt yêu cầu sẽ được giảng qua Khoa. Sau khi đạt yêu cầu, GV bốc thăm 1 tiết giảng qua hội đồng duyệt giảng cấp trường và nếu được hội đồng duyệt giảng cấp trường đánh giá đạt yêu cầu thì Nhà trường sẽ bố trí giờ giảng [H6.06.03.03], [H6.06.03.16], [H6.06.03.17]. Sau khi trúng tuyển, GV phải trải qua thời gian tập sự theo quy định [H6.06.03.16]. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự nếu đạt được các yêu cầu của Trường, GV sẽ được bổ nhiệm vào ngạch và ký hợp đồng làm việc có thời hạn 3 năm hoặc không xác định thời hạn và GV được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định [H6.06.03.18], [H6.06.03.19]. Trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường, KXD tuyển dụng 47 viên chức, người lao động, trong đó có 07 TS, 16 ThS, 23 ĐH [H6.06.03.05], [H6.06.03.11]. Công tác quy hoạch đội ngũ CB quản lý được Nhà trường, Khoa thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ đúng theo các quy định của Nhà nước, quy định của Nhà trường đảm bảo quy hoạch những người có phẩm chất, năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn CB bổ nhiệm cho các nhiệm kỳ sau [H6.06.03.20], [H6.06.03.09], [H6.06.03.10], [H6.06.03.21], [H6.06.03.04]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, các CB được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo đều đáp ứng các tiêu chí đề ra, vị trí trưởng Khoa do TS đảm nhiệm, CB chưa hoàn thành TS được bổ nhiệm phụ trách khoa [H6.06.03.22], [H6.06.03.23], [H6.06.03.24]. Công tác bổ nhiệm được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị [H4.04.03.25]. Việc sắp xếp, bố trí CB quản lý các khoa nhận được phản hồi tích cực từ phía tập thể GV thông qua công tác lấy ý kiến GV trước khi bổ

nhiệm CB,... [H6.06.03.26]. Trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường bổ nhiệm 48 CBQL, trong đó bổ nhiệm mới 22 CBQL và bổ nhiệm lại 26 CBQL [H6.06.03.21], [H6.06.03.23], [H6.06.03.24], [H6.06.03.26], [H6.06.03.27], [H6.06.03.28]. Ngoài ra, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ các đơn vị và đề án vị trí việc làm, Nhà trường điều chuyển GV phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn, yêu cầu công việc của Trường [H6.06.03.05], [H6.06.03.29], [H6.06.03.30].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và triển khai thực hiện. Hệ thống văn bản về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được thông báo, phổ biến đến các đơn vị và đội ngũ CB, GV. Công tác tuyển dụng GV, bổ nhiệm CBQL được Nhà trường tổ chức nghiêm túc, công bằng, công khai theo các tiêu chí rõ ràng, cụ thể, đúng theo các quy trình, quy định của Nhà nước về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức, bổ nhiệm CBQL cũng như quy trình, quy định của Trường.

3. Điểm tồn tại

Tuy Nhà trường áp dụng chính sách thu hút nhưng do khó khăn về nguồn lực nên chưa thu hút, tuyển dụng được nhiều GV có học hàm, học vị.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường áp dụng các chính sách thu hút nhằm tuyển dụng được GV có học hàm, học vị, đồng thời tạo điều kiện cho CB, GV hoàn thành nghiên cứu sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Trong Quy định về tuyển dụng viên chức và người lao động, đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm của Nhà trường ban hành có quy định về năng lực của đội ngũ GV [H6.06.04.01], [H6.06.04.02], [H6.06.04.03]. Năng

lực GV của Nhà trường đáp ứng năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng,... Về năng lực chuyên môn, GV có kiến thức sâu rộng về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết vững vàng về thực tiễn nghề nghiệp, về những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy,... Về năng lực sư phạm, bao gồm các khía cạnh: năng lực chuẩn bị, năng lực thực hiện, năng lực đánh giá, năng lực tổ chức, năng lực định hình, phán đoán, năng lực đáp ứng, năng lực hoạt động xã hội. Về năng lực NCKH, bao gồm các khía cạnh: năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề; năng lực quan sát; năng lực sáng tạo; năng lực đọc và tìm kiếm thông tin; năng lực tư duy; năng lực thiết kế đề cương nghiên cứu; năng lực viết báo cáo khoa học; năng lực bảo vệ đề tài dự án. Tất cả GV KXD đáp ứng các quy định về năng lực đối với GV và thể hiện thông qua hồ sơ năng lực của từng GV [H6.06.04.04].

Nhà trường tiến hành rà soát trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học của đội ngũ GV nhằm xây dựng kế hoạch tổ chức, triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ GV, đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng [H6.06.04.05], [H6.06.04.06], [H6.06.04.07], [H6.06.04.08]. Bên cạnh đó, Công đoàn Trường cũng như KXD thường xuyên thảo luận, trao đổi, kiến nghị Nhà trường giúp đỡ, tạo điều kiện cho GV học tập, nâng cao năng lực nghề nghiệp [H6.06.04.09], [H6.06.04.10], [H6.06.04.11], [H6.06.04.12], [H6.06.04.13]. Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT về chuẩn chức danh nghề nghiệp GV, Nhà trường đã tổ chức cho GV các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV hạng 2 để GV đáp ứng chuẩn vị trí việc làm [H6.06.04.14], [H6.06.04.15], [H6.06.04.16]. Qua đó, GV được trang bị, bổ sung các kiến thức, kỹ năng về năng lực sư phạm, năng lực NCKH giúp cho việc giảng dạy, NCKH của GV

ngày càng hiệu quả. Việc đánh giá năng lực của GV từ SV được thực hiện thường xuyên thông qua khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV. Tất cả GV KXD được SV đánh giá có năng lực tốt trong hoạt động giảng dạy [H6.06.04.17]. Ngoài ra, Nhà trường cũng khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động của GVCN, CVHT [H6.6.04.18]. Hằng năm, Nhà trường, KXD tổ chức đánh giá GV theo đúng quy định về đánh giá CB, GV, thực hiện đánh giá công bằng và khách quan trên cơ sở mỗi GV tự đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, năng lực sư phạm, kết quả công tác, bồi dưỡng, rèn luyện,... [H6.06.04.19], [H6.06.04.20], [H6.06.04.21], [H6.06.04.22], [H6.06.04.23]. Công đoàn Trường tổ chức đánh giá, xếp loại đoàn viên Công đoàn là GV KXD [H6.06.04.24]. Bên cạnh đó, việc đánh giá năng lực đội ngũ GV còn được thực hiện hằng tháng thông qua đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại A, B, C dựa trên các tiêu chí được Nhà trường quy định [H6.06.04.21]. Kết quả đánh giá GV hằng năm cho thấy đội ngũ GV KXD đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao [H6.06.04.23]. Kết quả đánh giá GV hằng năm đồng thời được gửi đến các đơn vị và thông báo, phổ biến đến GV [H6.06.04.25], [H6.06.04.11]. Nhiều GV KXD hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Chính phủ, Bộ Xây dựng, Nhà trường khen thưởng [H6.06.04.26], [H6.06.04.27], [H6.06.04.28], [H6.06.04.29], [H6.06.04.30], [H6.06.04.31], [H6.06.04.32], [H6.06.04.33], [H6.06.04.34], [H6.06.04.35], [H6.06.04.23]. Một số GV được tập thể CBVC Nhà trường tín nhiệm cao, đề bạt bổ nhiệm CB chủ chốt theo đúng các quy định, quy trình về bổ nhiệm CBVC [H6.06.04.36], [H6.06.04.37], [H6.06.04.38], [H6.06.04.39].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng và quy định bằng văn bản. Tất cả GV KXD đáp ứng các yêu cầu về năng lực theo quy định. Hằng năm, Nhà trường và KXD tổ chức đánh giá đội ngũ GV. Tất cả GV KXD được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên và được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đánh giá đồng nghiệp chưa được triển khai thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, KXD thường xuyên triển khai đánh giá đồng nghiệp đối với GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Nhằm tổ chức thực hiện và hoàn thành sứ mạng đã xác định, góp phần phát triển Nhà trường xứng tầm là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực ngành xây dựng, NCKH của khu vực Tây Nam bộ, Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn xác định công tác nâng cao trình độ của đội ngũ GV là hết sức quan trọng và được quan tâm thường xuyên [H6.06.05.01], [H6.06.05.02], [H6.06.05.03], [H6.06.05.04]. Đội ngũ GV KXD hiện nay có học vị TS chiếm tỷ lệ 14%, học vị ThS chiếm tỷ lệ 86% [H6.06.05.05], [H6.06.05.06], [H6.06.05.07], [H6.06.05.08]. Toàn bộ GV KXD có đầy đủ chứng chỉ nghiệp vụ theo quy định [H6.06.05.09], [H6.06.05.10]. Trong giai đoạn 2015 - 2019, qua công tác rà soát, thống kê trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của CBVC, cũng như đề xuất nghị của các đơn vị, Nhà trường xác định cụ thể, rõ ràng nhu cầu đào tạo của CBVC, đặc biệt là đội ngũ GV, trong đó, GV làm công tác trợ giảng có nhu cầu học tiếp cao học để trở thành GV chính thức, phần đông GV có nhu cầu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định mới, nâng cao kỹ năng, PPGD, đặc biệt là nâng cao trình độ ngoại ngữ,... [H6.06.05.11], [H6.06.05.12], [H6.06.05.13]. Ngoài ra, kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV là cơ sở để Nhà trường xác định nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của GV [H6.06.05.14], [H6.06.05.15], [H6.06.05.16]. Bên cạnh đó, trong nghị quyết Đảng ủy, báo cáo hội nghị CBVC hằng năm, Nhà trường đã nêu ra

một số hạn chế về đội ngũ CB GV, từ đó xác định được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ CB, GV [H6.06.05.17], [H6.06.05.18].

Căn cứ kết quả rà soát đội ngũ GV và khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV, yêu cầu của CTĐT, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ GV, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, NCKH của Trường [H6.06.05.19]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành QCCTNB, trong đó quy định hỗ trợ kinh phí cho CBQL và GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước [H6.06.05.20]. Hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung của QCCTNB, trong đó chú trọng nâng cao chế độ hỗ trợ đối với CBQL, GV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.05.21]. Đồng thời, trong quy định chế độ công tác GV, Nhà trường luôn khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ về tài chính để GV có điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.05.22]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường dành kinh phí 6.729.905.000 đồng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBVC [H6.06.05.23], [H6.06.05.24].

Nhằm từng bước xây dựng đội ngũ GV đủ về số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật GDDH, Điều lệ trường DH và yêu cầu CDR của CTĐT ngành KTXD, bên cạnh công tác tuyển dụng, thu hút GV có trình độ cao, Nhà trường triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV [H6.06.05.25]. Trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường cử 662 lượt CBVC tham gia các hoạt động đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng [H6.06.05.25], [H6.06.05.26]. Trong giai đoạn 2015 - 2019, 100% GV Nhà trường, KXD tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước ít nhất 01 lần [H6.06.05.27], [H6.06.05.28].

Nhằm tạo động lực phấn đấu, nâng cao khả năng chuyên môn, hằng năm, Nhà trường đã có những hình thức khen thưởng đột xuất, kịp thời cho các CBVC đạt thành tích cao trong học tập, NCKH cũng như hỗ trợ kinh phí các

công trình NCKH có tính cấp thiết và mang lại hiệu quả phục vụ xã hội [H6.06.05.29], [H6.06.05.30], [H6.06.05.31], [H6.06.05.32], [H6.06.05.33], [H6.06.05.34]. Phòng TCHC là đơn vị theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV của Nhà trường [H6.06.05.35]. Trong báo cáo tổng kết hằng năm của Nhà trường, của Phòng TCHC, của các đơn vị và trong báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm của Nhà trường luôn đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV [H6.06.05.36], [H6.06.05.37], [H6.06.05.38], [H6.06.05.39], [H6.06.05.40].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV KXD được xác định và trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV, trong đó có GV KXD. Nhà trường dành kinh phí và áp dụng nhiều chính sách động viên, khuyến khích hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của GV. Trong giai đoạn 2015 - 2019, 100% GV của Nhà trường, KXD đã tham gia các khóa tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp GV chưa đảm bảo tiến độ so với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân đã xây dựng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường tuyên truyền, động viên, khuyến khích GV tích cực tham gia đào tạo bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trong quy định chế độ công tác GV, quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ công tác GV, quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về

quản lý hoạt động KH&CN do Nhà trường ban hành có quy định chi tiết về khối lượng công việc GV phải thực hiện [H6.06.06.01], [H6.06.06.02], [H6.06.06.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường giao định mức công việc theo năm học cho GV, trong đó quy định rõ định mức giờ chuẩn giảng dạy và giờ NCKH của GV [H6.06.06.04], [H6.06.06.05]. Đầu mỗi học kỳ, căn cứ vào kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, KXD phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV trên cơ sở cân đối các khối lượng công việc khác, hạn chế lệch giờ giữa các GV trong bộ môn [H6.06.06.06], [H6.06.06.07], [H6.06.06.08]. Bản mô tả vị trí công việc của Khoa thể hiện sự hợp lý, rõ ràng, cụ thể trong phân công GV giảng dạy các học phần [H6.06.06.09], [H6.06.06.10]. Ngoài công tác giảng dạy, GV phải hoàn thành khối lượng giờ NCKH như: thực hiện đề tài khoa học các cấp, viết bài báo khoa học đăng trên thông tin khoa học của Trường, tạp chí khoa học chuyên ngành; hướng dẫn SV NCKH; tham gia hội thảo, hội nghị, sermina, báo cáo chuyên đề định kỳ,... được Nhà trường tính giờ chuẩn và thanh toán kinh phí theo các quy định và QCCTNB [H6.06.06.01], [H6.06.06.11], [H6.06.06.12], [H6.06.06.13]. Dựa trên phân công khối lượng công việc hằng năm, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, GV KXD xây dựng kế hoạch công tác cụ thể để chủ động thực hiện hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng [H6.06.06.14], [H6.06.06.15], [H6.06.06.16].

Căn cứ vào các quy định về thi đua khen thưởng, hằng năm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV được sử dụng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.06.17], [H6.06.06.18], [H6.06.06.19], [H6.06.06.20], [H6.06.06.21], [H6.06.06.22]. Hằng năm, KXD thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả công tác quản trị đội ngũ GV, từ đó, Khoa xác định các biện pháp quản trị đội ngũ GV hiệu quả [H6.06.06.15]. Năm 2013, KXD được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và năm 2011, 2014, 2018 được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong giai đoạn 2015 - 2020, KXD 03 lần đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc. Nhiều GV của KXD được nhận thưởng các cấp vì đạt được

những thành tích xuất sắc trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.06.23], [H6.06.06.24].

Kết quả khảo sát ý kiến của GV hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền [H6.06.06.25]. Bên cạnh đó, các ý kiến của GV tại Hội nghị CBVC hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường [H6.06.06.26]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, KXD không có đơn thư khiếu nại về phân công nhiệm vụ, đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn,... cho các GV [H6.06.06.27], [H6.06.06.28], [H6.06.06.29].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành các quy định rõ ràng về định mức NCKH, định mức giờ giảng, đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng GV. Nhà trường và KXD triển khai quản trị theo kết quả công việc đối với GV dựa trên kế hoạch năm học của GV đã xây dựng. Hằng năm, Nhà trường và KXD triển khai đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng GV theo quy định. Ý kiến của GV hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm tồn tại

Do đảm nhận số lượng giờ giảng nhiều nên việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của một số GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường động viên, khuyến khích và xây dựng các chính sách phù hợp hơn để GV tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Xây dựng về hoạt động

KH&CN, Nhà trường ban hành quyết định số 369/QĐ-ĐHXDMT ngày 01/10/2019 Quy định về quản lý hoạt động KH&CN [H6.06.07.01], [H6.06.07.02]. Nhà trường gửi quy định về quản lý hoạt động KH&CN đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời phổ biến đến CB, GV biết để thực hiện [H6.06.07.03]. Bên cạnh đó, quy định về quản lý hoạt động KH&CN được đăng tải trên website của Trường và niêm yết trong sổ tay GV, sổ tay NCKH [H6.06.07.04], [H6.06.07.05], [H6.06.07.06]. Trong quy định về quản lý hoạt động KH&CN xác định loại hình NCKH của GV bao gồm: NCKH cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục, khoa học kỹ thuật, khoa học công nghệ để tạo ra tri thức và sản phẩm mới [H6.06.07.02]. Bên cạnh đó, trong bản mô tả vị trí công việc của GV thể hiện khối lượng và số lượng của hoạt động NCKH đối với GV [H6.06.07.07]. Ngoài công tác giảng dạy, GV phải hoàn thành các khối lượng nghiên cứu: viết bài báo khoa học, hướng dẫn NCKH SV, tham gia và báo cáo tại các hội thảo, sermina, nghiên cứu đề tài NCKH các cấp, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề, báo cáo chuyên đề [H6.06.07.08]. Định mức giờ chuẩn NCKH và định mức giờ chuẩn giảng dạy của GV được quy định cụ thể theo quy định chế độ công tác GV của Nhà trường [H6.06.07.09]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, đội ngũ GV KXD đã thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp; tham gia tích cực các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa Nhà trường và xã hội [H6.06.07.10], [H6.06.07.11], [H6.06.07.12]. Để khẳng định nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng, Nhà trường triển khai hồ sơ năng lực của GV và công khai lý lịch khoa học của GV trên website của Trường, qua đó thể hiện tính minh bạch, rõ ràng năng lực GV [H6.06.07.13], [H6.06.07.14].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá các hoạt động KH&CN, thông báo các kết quả NCKH, triển khai tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, giới thiệu và trao đổi về khả năng hợp tác, liên kết NCKH và lao động sản xuất với các đơn vị nghiên cứu, sản xuất ngoài Trường, từ đó đề ra các giải pháp nâng cao, cải tiến chất lượng các hoạt động KH&CN [H6.06.07.15]. Đối với các đề tài NCKH các cấp, chủ

nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện đề tài định kỳ đồng thời đề xuất, kiến nghị các nội dung cụ thể để đảm bảo tiến độ thực hiện [H6.06.07.16], [H6.06.07.02]. Kết quả hoạt động NCKH của GV do Phòng KH&HTQT theo dõi, giám sát [H6.06.07.17]. Đối với GV thực hiện tốt nhiệm vụ NCKH sẽ được xem xét khen thưởng, ngược lại những GV không hoàn thành nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực KH&CN sẽ bù giờ từ hoạt động giảng dạy hoặc các dạng lao động khác, xem xét hạ bậc xếp loại viên chức và thu hồi kinh phí [H6.06.07.02]. Bên cạnh đó, kết quả hoạt động NCKH của GV hằng năm là một trong những cơ sở để KXD, Nhà trường đánh giá, phân loại GV, xét các danh hiệu thi đua [H6.06.07.18]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, KXD có 105 đề tài cấp Cơ sở; 02 đề tài cấp tỉnh và 04 đề tài cấp Bộ; biên soạn 02 giáo trình, có 123 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế, hướng dẫn 02 đề tài NCKH SV đạt giải cao [H6.06.07.10]. Ngoài ra, kết quả khảo sát ý kiến của GV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động NCKH và quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường [H6.06.07.19], [H6.06.07.20].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quy định cụ thể các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH đối với GV. GV KXD chủ động và tích cực thực hiện các hoạt động NCKH nhằm đáp ứng quy định về loại hình và số lượng sản phẩm NCKH đối với GV. Trong giai đoạn 2015 - 2020, GV KXD đã thực hiện 105 đề tài cấp cơ sở; 02 đề tài cấp tỉnh và 04 đề tài cấp Bộ; biên soạn 02 giáo trình, có 123 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế, hướng dẫn 02 đề tài NCKH SV đạt giải cao. Ý kiến khảo sát của GV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động NCKH và quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc viết và đăng tải các bài báo khoa học chủ yếu tập trung ở một số GV thực hiện đề tài NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục tăng cường hỗ trợ kinh phí và áp dụng các hình thức khen thưởng nhằm động viên, khuyến khích tất cả GV

viết và đăng tải các bài báo khoa học hằng năm, đặc biệt là quy định cụ thể đối với GV có học vị TS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 6

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và triển khai thực hiện. Với quy trình tuyển dụng rõ ràng, công khai, minh bạch, Nhà trường tuyển dụng được đội ngũ GV có năng lực, trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của KXD đảm bảo đủ về số lượng và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác đào tạo và NCKH. GV của Khoa được tuyển dụng theo đúng quy định, công khai, minh bạch. Tỷ lệ người học/GV của CTĐT ngành KTXD đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Khối lượng công việc của GV được xác định rõ ràng, được giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường triển khai rà soát, đánh giá năng lực đội ngũ GV nhằm xây dựng kế hoạch phù hợp và tổ chức triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV. Nhà trường triển khai quản trị GV theo kết quả công việc và đã tạo động lực cho GV tích cực trong công tác giảng dạy, NCKH và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tất cả GV KXD được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên và được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp. Tuy nhiên, GV KXD có học hàm, học vị cao chưa nhiều. Do những hạn chế nhất định về năng lực ngoại ngữ nên số lượng GV KXD tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế chưa nhiều. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp chưa được KXD triển khai thường xuyên. Việc viết và đăng tải các bài báo khoa học chủ yếu tập trung ở một số GV thực hiện đề tài NCKH.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 6 đạt 7 tiêu chí, trong đó có 7 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ NV hỗ trợ đóng vai trò quan trọng và góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội. Đội ngũ GV không thể thực hiện tốt nhiệm vụ, SV khó đạt kết quả học tập cao nếu chất lượng phục vụ, dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ NV không bảo đảm. Việc tác nghiệp tốt của đội ngũ NV tại các phòng chức năng, thư viện, phòng thí nghiệm, quản lý hệ thống CNTT và dịch vụ hỗ trợ khác là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý nhân sự ở trường ĐH. Nhà trường ban hành các chính sách về nhân sự, chế độ làm việc, thi đua khen thưởng cũng như các biện pháp đào tạo, bồi dưỡng, phát triển và hoàn thiện đội ngũ NV hỗ trợ nhằm không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ của Trường. Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của GV và SV về thái độ, năng lực giải quyết công việc của đội ngũ NV để có biện pháp khắc phục các tồn tại và cải tiến đạt hiệu quả cao.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn xác định cùng với phát triển đội ngũ GV phải quan tâm, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01], [H7.07.01.02]. Quy hoạch phát triển đội ngũ CB, GV, NV thể hiện trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030; kế hoạch chiến lược phát triển nhân sự của Trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030; kế hoạch trung hạn và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hằng năm [H7.07.01.03], [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.06], [H7.07.01.01]. Bên cạnh đó, KXD ban hành kế hoạch chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, trong đó có nội dung phát triển đội ngũ của Khoa [H7.07.01.07]. Hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ để dự báo nhu cầu về đội ngũ NV hỗ trợ phục vụ hoạt động đào tạo và xác định nhu cầu về tuyển dụng đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.01.08], [H7.07.01.09].

Để thực hiện tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, Nhà trường ban hành quy định tuyển dụng viên chức và người lao động với nguyên tắc chung là tập trung xây dựng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ và có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong tốt [H7.07.01.10], [H7.07.01.11]. Bên cạnh đó, để thực hiện tốt công tác quy hoạch nhân sự của Trường, hằng năm, trên cơ sở rà soát đội ngũ NV, Nhà trường ban hành kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn, bổ sung đội ngũ NV hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Nhà trường [H7.07.01.12], [H7.07.01.13], [H7.07.01.14], [H7.07.01.15]. Số lượng NV hỗ trợ được tuyển dụng, điều chuyển căn cứ vào đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm và nhu cầu NV hỗ trợ của Nhà trường [H7.07.01.16]. Nhà trường thông báo công khai thông tin tuyển dụng viên chức, chính sách thu hút trên bản tin, website của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.01.14], [H7.07.01.17], [H7.07.01.18].

Đội ngũ NV hỗ trợ của Nhà trường chủ yếu trực thuộc các đơn vị Phòng, Trung tâm [H7.07.01.19]. Đội ngũ NV làm việc tại các Phòng, Trung tâm, quản lý hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho GV và SV được thực hiện theo quy hoạch chung của Trường cũng như quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị [H7.07.01.20], [H7.07.01.21], [H7.07.01.22], [H7.07.01.23], [H7.07.01.24], [H7.07.01.25], [H7.07.01.26], [H7.07.01.27], [H7.07.01.28], [H7.07.01.29], [H7.07.01.30], [H7.07.01.31], [H7.07.01.32]. Đội ngũ NV các phòng chức năng hỗ trợ cho GV, SV trong hầu hết các hoạt động đào tạo: đăng ký học phần, thi KTHP, xử lý học vụ, hoạt động NCKH, hoạt động phục vụ cộng đồng,... [H7.07.01.33], [H7.07.01.34]. Đối với KXD, đội ngũ NV hỗ trợ của Khoa thực hiện giải quyết các công việc như: khảo thí, đào tạo, thực hành, thí nghiệm, thư viện, trang thiết bị phục vụ đào tạo, chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá điểm rèn luyện, giải đáp thắc mắc của SV,... [H7.07.01.35]. NV hỗ trợ của KXD có chức năng, nhiệm vụ giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa. Nhà trường thông báo công khai số điện thoại hỗ trợ cho GV, SV khi có nhu cầu liên hệ về CSVC, y tế trong tất cả

các phòng học, dãy hành lang và thang máy [H7.07.01.36].

Hiện nay, KXD có 01 NV hỗ trợ là thư ký Khoa, với trình độ chuyên môn kỹ sư, nhiều năm kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác văn phòng Khoa, đảm trách khối lượng công việc được phân công, hỗ trợ giải quyết các vấn đề cho Khoa và SV [H7.07.01.35]. Số lượng CB, NV thư viện của Trường là 04 người [H7.07.01.24]. Đội ngũ NV thư viện của Nhà trường đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Đội ngũ NV quản lý hệ thống CNTT của Nhà trường hiện nay đảm bảo về số lượng và chất lượng, triển khai quản lý hoạt động tốt các trang thiết bị hiện đại, CSVC phục vụ trong Trường, Khoa [H7.07.01.20], [H7.07.01.37]. Đội ngũ NV làm việc trong Trung tâm TNXD&MT có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề cao đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo, NCKH và thực hiện các hoạt động khác [H7.07.01.23]. Số lượng CB, NV Trung tâm TNXD&MT là 05 người và một số GV ở KXD tham gia kiêm nhiệm [H7.07.01.38]. Bên cạnh đội ngũ GVCN của Phòng CTCTSV, từ học kỳ 1 năm học 2019 - 2020 với khóa tuyển sinh 2019, Nhà trường phân công GV các Khoa phụ trách công tác CVHT [H7.07.01.39], [H7.07.01.40], [H7.07.01.41], [H7.07.01.42]. Đội ngũ GV CVHT của KXD là các GV có năng lực chuyên môn vững vàng, khả năng tư vấn tốt đã hỗ trợ kịp thời cho SV hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập. Số lượng NV hỗ trợ của Nhà trường hiện nay đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, trong đó nhiều NV hỗ trợ có học vị ThS [H7.07.01.19]. Hằng năm, nhằm đánh giá khả năng, thái độ phục vụ của đội ngũ NV hỗ trợ, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá của GV và SV về hoạt động hỗ trợ, phục vụ của đội ngũ NV [H7.07.01.43]. Kết quả khảo sát cho thấy GV, SV Nhà trường hài lòng với sự phục vụ của đội ngũ NV hỗ trợ. Bên cạnh đó, ý kiến của GV tại Hội nghị CBVC hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH Nhà trường với SV thể hiện sự hài lòng với đội ngũ NV hỗ trợ của Trường [H7.07.01.44], [H7.07.01.45].

2. Điểm mạnh

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030; kế hoạch chiến lược phát triển nhân sự của Trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030; kế hoạch trung hạn và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hằng năm luôn có các nội dung về quy hoạch và phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Việc quy hoạch đội ngũ NV được thực hiện thường xuyên, đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ NV hỗ trợ của Trường, KXD đủ về số lượng và đảm bảo trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Ý kiến khảo sát của GV, SV hài lòng về chất lượng phục vụ và khả năng làm việc của đội ngũ NV.

3. Điểm tồn tại

Tuy Nhà trường có chính sách ưu đãi đối với NV hỗ trợ nhưng chưa thực sự phát huy để tuyển dụng được những NV giỏi và có kinh nghiệm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường áp dụng các chính sách thu hút nhằm tuyển dụng NV hỗ trợ giỏi và có kinh nghiệm nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ NV hỗ trợ, Nhà trường luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển và trong kế hoạch năm học của Trường luôn có nội dung về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ NV hỗ trợ [H7.07.02.01]. Căn cứ quy định về tuyển dụng viên chức và người lao động, quy trình tuyển dụng viên chức, đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm, Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng NV hỗ trợ và thông báo công khai trên website, bản tin, các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.02.02], [H7.07.02.03], [H7.07.02.04], [H7.07.02.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều

động viên chức quản lý và áp dụng trong việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động đội ngũ NV hỗ trợ của Trường [H7.07.02.06].

Trong quy định về tuyển dụng viên chức và người lao động, quy trình tuyển dụng viên chức, đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm của Nhà trường ban hành có các tiêu chí cụ thể, rõ ràng về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học,... [H7.07.02.07], [H7.07.02.08], [H7.07.02.09]. Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ CB, GV, NV trong quá trình xây dựng, ban hành đề án vị trí việc làm [H7.07.02.10],[H7.07.02.11]. Phòng TCHC là đơn vị quản lý đội ngũ NV về công tác tổ chức, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng, các đơn vị trực tiếp quản lý NV thực hiện các nhiệm vụ, chức năng cụ thể theo quy định [H7.07.02.12]. NV hỗ trợ có đủ tiêu chuẩn theo quy định và đảm bảo yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với từng vị trí công tác được bổ nhiệm để đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển cho đội ngũ CB lãnh đạo quản lý theo các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CBVC [H7.07.02.13]. Trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường đã tuyển dụng nhiều NV hỗ trợ, bổ nhiệm một số CBQL từ NV hỗ trợ và điều chuyển NV hỗ trợ giữa các đơn vị, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường [H7.07.02.14], [H7.07.02.15], [H7.07.02.16], [H7.07.02.17]. Cho đến hiện nay, Nhà trường chưa có bất kỳ khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển viên chức nói chung và đội ngũ NV nói riêng [H7.07.02.18].

Các văn bản quản lý nhân sự của Nhà trường được gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến đội ngũ NV hỗ trợ, đồng thời đăng tải trên website của Trường [H7.07.02.05], [H7.07.02.19]. Thực hiện quy chế dân chủ, công khai các quy định về chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của NV, Nhà trường ban hành sổ tay NV nhằm giúp NV nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí trong thực hiện nhiệm vụ [H7.07.02.20], [H7.07.02.21], [H7.07.02.22]. Đội ngũ NV hỗ trợ hiểu biết đầy đủ về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường [H7.07.02.05], [H7.07.02.23].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Nhà trường được xác định rõ ràng và thông báo, phổ biến đến đội ngũ NV. Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV hỗ trợ đúng quy định. Công tác bổ nhiệm NV hỗ trợ có đủ năng lực và phẩm chất đạo đức, chính trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn, thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm CB của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khảo sát, đánh giá cụ thể mức độ hiểu biết về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của đội ngũ NV.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 - 2021, Phòng TCHC phối hợp Phòng KT&ĐBCL triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của đội ngũ NV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Tại Hội nghị CBVC hằng năm, các cuộc họp giao ban của Nhà trường, Công đoàn Trường, KXD đều xác định công tác xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ CBVC có vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển của Nhà trường [H7.07.03.01], [H7.07.03.02], [H7.07.03.03], [H7.07.03.04]. Nhà trường xây dựng các quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí làm căn cứ đánh giá năng lực của đội ngũ CBVC [H7.07.03.05], [H7.07.03.06], [H7.07.03.07]. Bên cạnh đó, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV hỗ trợ được thể hiện trong đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm của Nhà trường ban hành [H7.07.03.08]. Nhà trường gửi các văn bản đánh giá năng lực của đội ngũ NV, trong đó có tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ,... đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến đội ngũ NV hỗ trợ biết và thực hiện [H7.07.03.08], [H7.07.03.09]. Năng lực của đội ngũ NV hỗ trợ của Nhà trường

đáp ứng các yêu cầu theo quy định [H7.07.03.10].

TT	Đơn vị	Trình độ chuyên môn				
		TS	ThS	Đại học	Cao đẳng	Tốt nghiệp 12/12
1	Phòng Quản lý Đào tạo		04	01		
2	Phòng KH&HTQT		02			
3	Phòng KT&ĐBCL		03	01		
4	Phòng Công tác Chính trị SV		03			
5	Phòng Tổ chức - Hành chính			02		
6	Phòng Tài Chính - Kế toán			01		
7	Phòng Quản trị và Thiết bị			01	02	
8	Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng và Môi trường			01		
9	Trung tâm TT - TV			01	01	
10	Khoa Xây dựng			01		
Tổng			12	09	03	0

Bảng 7.1. Thống kê trình độ chuyên môn của đội ngũ NV hỗ trợ

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch, tổ chức đánh giá, phân loại NV hỗ trợ nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao [H7.07.03.06]. Trên cơ sở đó, các đơn vị triển khai đánh giá, phân loại NV hỗ trợ theo quy trình đánh giá cụ thể như sau: (1). Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; (2). Trình bày báo cáo tự đánh giá trong cuộc họp đơn vị để mọi người nhận xét, đóng góp ý kiến; (3). Đơn vị bỏ phiếu kín đánh giá; (4). Trưởng đơn vị nhận xét, đánh giá; (5). Phòng TCHC tổng hợp và tham mưu cho BGH; (6). Hiệu trưởng đánh giá, phân loại NV [H7.07.03.11], [H7.07.03.12]. Việc đánh giá năng lực đội ngũ NV còn được thực hiện hằng tháng thông qua xếp loại A, B, C dựa trên các tiêu chí theo quy định [H7.07.03.13]. Kết quả đánh giá NV hỗ trợ của Nhà trường, KXD đều đạt

mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Ngoài ra, Công đoàn Trường cũng tổ chức đánh giá, xếp loại đoàn viên Công đoàn hằng năm là NV ở các đơn vị [H7.07.03.14]. Hằng năm, nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm, cải tiến chất lượng phục vụ của đội ngũ NV hỗ trợ, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ, phục vụ của đội ngũ NV từ GV và SV. Kết quả khảo sát cho thấy GV, SV hài lòng với sự phục vụ của đội ngũ NV hỗ trợ của Nhà trường [H7.07.03.15].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá năng lực đội ngũ NV hỗ trợ của Nhà trường, Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với các quy định. Đa số NV có trình độ thạc sỹ, chiếm tỉ lệ 50%, đáp ứng tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết quả đánh giá NV hỗ trợ của Nhà trường, KXD đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ NV hỗ trợ có những hạn chế nhất định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường bồi dưỡng ngoại ngữ và áp dụng các chế độ chính sách động viên, khuyến khích NV rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Nhằm duy trì, nâng cao và không ngừng phát triển chất lượng đội ngũ CBVC, Đảng ủy, BGH Nhà trường xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của CBVC, trong đó có đội ngũ NV là yêu cầu thiết yếu [H7.07.04.01], [H7.07.04.02], [H7.07.04.03]. Căn cứ đề án vị trí việc làm, kết quả rà soát, thống kê trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của CBVC, kết quả ý kiến của NV về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn,

ng nghiệp vụ, bảng đăng ký đào tạo bồi dưỡng của các đơn vị và báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hằng năm của đội ngũ NV, Nhà trường xây dựng, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ [H7.07.04.04], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H7.07.04.07], [H7.07.04.08].

Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ đến các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến đội ngũ NV hỗ trợ biết để thực hiện [H7.07.04.09], [H7.07.04.05]. Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho NV hỗ trợ được học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí như học cao học, tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng, văn thư lưu trữ, nghiệp vụ thư viện, tài chính,... được quy định cụ thể trong QCCTNB và các văn bản quy định về nhân sự của Trường [H7.07.04.10], [H7.07.04.11], [H7.07.04.12], [H7.07.04.13]. Bên cạnh đó, nhằm tạo động lực phấn đấu, nâng cao khả năng chuyên môn, nghiệp vụ, hằng năm, Nhà trường áp dụng các hình thức khen thưởng đột xuất, kịp thời cho các CBVC đạt thành tích cao trong công tác, học tập, NCKH [H7.07.04.14]. Trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường dành kinh phí 6.729.905.000 đồng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ của CBVC [H7.07.04.15], [H7.07.04.16].

Nhà trường phân công Phòng TCHC là đơn vị theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng NV của Nhà trường [H7.07.04.17]. Trong báo cáo tổng kết hằng năm của Nhà trường, của Phòng TCHC, của các đơn vị và trong báo cáo tại Hội nghị CBVC hằng năm của Nhà trường luôn đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của NV [H7.07.04.18], [H7.07.04.19], [H7.07.04.20], [H7.07.04.21]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường cử nhiều lượt NV hỗ trợ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng [H7.07.04.22], [H7.07.04.23], [H7.07.04.05], [H7.07.04.24]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, tất cả NV hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước

[H7.07.04.24]. Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng, năng lực của NV hỗ trợ, Nhà trường thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của NV về các hoạt động hỗ trợ phát triển chuyên môn của đội ngũ NV với kết quả khảo sát thể hiện NV hỗ trợ hài lòng về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường [H7.07.04.25], [H7.07.04.26].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ NV dựa trên nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV hỗ trợ. Nhà trường dành kinh phí và áp dụng nhiều chính sách động viên, khuyến khích hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của GV. Trong giai đoạn 2015 - 2020, tất cả NV hỗ trợ của Nhà trường đã tham gia các khóa tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ do Nhà trường tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, hằng năm, Nhà trường và các phòng chức năng tăng cường tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường, KXD đánh giá kết quả hoàn thành công việc của đội ngũ NV theo quy định về quản lý viên chức, công tác thi đua khen thưởng và các văn bản quản lý nhân sự của Trường [H7.07.05.01], [H7.07.05.02], [H7.07.05.03], [H7.07.05.04]. Khối lượng công việc của đội ngũ NV hỗ trợ được xác định theo đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm, nội dung phân công của lãnh đạo

đơn vị và kế hoạch công tác năm học của từng NV [H7.07.05.05], [H7.07.05.06]. Trưởng các đơn vị thường xuyên quản lý, theo dõi và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV và Phòng TCHC giám sát việc thực hiện của các đơn vị [H7.07.05.07], [H7.07.05.08].

Các đơn vị thực hiện công việc theo các chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp, hỗ trợ các đơn vị khác trong công tác chung của Nhà trường [H7.07.05.07], [H7.07.05.09]. Theo chức năng nhiệm vụ quy định, trưởng các đơn vị phân công công tác, nhiệm vụ cụ thể cho từng NV để làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành công việc và căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, NV chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện công việc của mình theo kế hoạch chung của Nhà trường, đơn vị [H7.07.05.05], [H7.07.05.10]. Nhà trường ban hành các chính sách nhân sự phù hợp được cụ thể hóa trong QCCTNB, đáp ứng nhu cầu của toàn thể CBVC, tạo động lực để CBVC hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H7.07.05.11]. Hằng tháng, các đơn vị tổ chức họp tổng kết, rút kinh nghiệm, khen thưởng các công việc hoàn thành tốt, những ý tưởng, sáng kiến hay, nhắc nhở, động viên các công việc chưa hoàn thành, chậm tiến độ và phương hướng, nhiệm vụ của tháng tiếp theo [H7.07.05.12]. Các đơn vị của Nhà trường xác định rõ ràng, cụ thể những công việc phải thực hiện, đảm bảo các hoạt động được triển khai nhanh chóng, hiệu quả [H7.07.05.13]. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, những NV có thành tích xuất sắc trong công việc được Nhà trường động viên, khen thưởng kịp thời [H7.07.05.14]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá viên chức, xét danh hiệu thi đua dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và các hoạt động khác theo đúng quy định về thi đua, khen thưởng [H7.07.05.02], [H7.07.05.04]. Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng, những NV hỗ trợ có kết quả làm việc đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định sẽ được xét nâng bậc lương trước thời hạn và được hệ số phụ cấp khen thưởng hằng tháng [H7.07.05.15], [H7.07.05.16], [H7.07.05.17], [H7.07.05.18], [H7.07.05.19].

Trong quá trình xây dựng và ban hành quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV, Phòng TCHC tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV

hỗ trợ [H7.07.05.20]. Tất cả các NV hỗ trợ của Nhà trường tham gia góp ý và hiểu rõ về quy định đánh giá hiệu quả công việc của NV do Nhà trường ban hành [H7.07.05.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường, KXD luôn quan tâm tiếp thu ý kiến của CB, NV về chế độ, chính sách, công tác tổ chức, thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn,... nhằm góp phần giúp đội ngũ NV cải thiện, nâng cao hiệu quả công việc [H7.07.05.21].

Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị cũng như báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường thể hiện đội ngũ NV đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảm bảo chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.05.22], [H7.07.05.23]. Nhà trường ban hành các chính sách nhân sự, chế độ, thi đua khen thưởng phù hợp, động viên, khuyến khích NV tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng [H7.07.05.24], [H7.07.05.25], [H7.07.05.26], [H7.07.05.27], [H7.07.05.28], [H7.07.05.29], [H7.07.05.30]. Kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ NV hỗ trợ và ý kiến của NV hỗ trợ tại Hội nghị CBVC hàng năm thể hiện sự hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền [H7.07.05.31], [H7.07.05.32].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quy định cụ thể về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Công tác thi đua, khen thưởng đối với đội ngũ NV được quy định rõ ràng, công khai giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực, hiệu quả trong Nhà trường và KXD. Tất cả NV tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các quy trình, quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Các sáng kiến, cải tiến công việc của đội ngũ NV được nghiệm thu chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường, các đơn vị tăng cường động viên, khuyến khích, hướng dẫn đội ngũ NV tích cực tham gia sáng kiến, cải tiến trong lĩnh vực chuyên môn được phân công phụ trách.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030; kế hoạch chiến lược phát triển nhân sự của Trường đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030; kế hoạch trung hạn và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hằng năm luôn có các nội dung về quy hoạch và phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Đội ngũ NV hỗ trợ của Nhà trường, KXD đảm bảo về chất lượng và số lượng, phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV hỗ trợ đúng quy định. Nhà trường tạo điều kiện, khuyến khích NV hỗ trợ tham gia bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. Trong giai đoạn 2015 - 2020, tất cả NV hỗ trợ của Nhà trường đã tham gia các khóa tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước. Kết quả đánh giá NV hỗ trợ của Nhà trường, KXD đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Tuy nhiên, năng lực ngoại ngữ của đội ngũ NV hỗ trợ có những hạn chế nhất định. Số lượng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ do Nhà trường tổ chức chưa nhiều. Nhà trường chưa khảo sát, đánh giá cụ thể mức độ hiểu biết về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của đội ngũ NV. Các sáng kiến, cải tiến công việc của đội ngũ NV được nghiệm thu chưa nhiều.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 7 đạt 5 tiêu chí, trong đó có 5 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8. Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Xác định công tác tuyển sinh có vai trò quan trọng đối với hoạt động đào tạo của trường, Nhà trường và các đơn vị luôn quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm nhằm nâng cao số lượng và chất lượng

đầu vào của Trường và của ngành học. Nhà trường và các đơn vị đồng thời triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV với mục đích chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, giúp SV hiểu về quyền lợi cũng như trách nhiệm của bản thân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, rèn luyện, được đảm bảo an toàn tuyệt đối cho SV trong khuôn viên của trường. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác được tổ chức có hiệu quả ở các lĩnh vực: học tập, nghiên cứu, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống. SV sau khi tốt nghiệp ra trường đạt được CĐR, vững về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ, thông thạo về kỹ năng, có phẩm chất đạo đức tốt đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực ngành Xây dựng. Môi trường tâm lý, cảnh quan, sự an toàn của người học được Nhà trường quan tâm đảm bảo.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Hằng năm, căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và triển khai thực hiện công tác tuyển sinh, chính sách tuyển sinh đúng theo quy định [H8.08.01.01], [H8.08.01.02]. Phòng QLĐT là đơn vị thường trực của hội đồng tuyển sinh và được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong toàn trường triển khai công tác tuyển sinh hằng năm [H8.08.01.03], [H8.08.01.04]. Từ năm 2014 trở về trước, Nhà trường đăng ký thực hiện thi chung do Bộ GD&ĐT tổ chức, trong đó hồ sơ đăng ký dự thi và thời gian, địa điểm nộp hồ sơ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2015, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh ĐH theo quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ ĐH chính quy [H8.08.01.05]. Riêng đối với các trường hợp đào tạo theo địa chỉ hoặc đào tạo theo yêu cầu của địa phương như hệ cử tuyển thì quy trình tuyển sinh được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01].

Hằng năm, công tác quảng bá tuyển sinh, cung cấp thông tin tuyển sinh của Nhà trường bao gồm: khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh các ngành trong đó có

ngành KTXD được công bố công khai trên trang website chính thức của Trường, của Phòng QLĐT, của KXD [H8.08.01.06]. Bên cạnh đó, chính sách và quy định tuyển sinh của Nhà trường được thông báo, phổ biến đến thí sinh tại các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp do các cơ quan truyền thông tổ chức như: Báo Giáo dục, Báo Thanh niên, Báo Tuổi trẻ,... cũng như truyền thông trên các trang báo online, các trang báo giấy, cẩm nang tuyển sinh [H8.08.01.07]. Ngoài ra, Nhà trường đăng tải chính sách và quy định tuyển sinh trên địa chỉ fanpage: <https://www.facebook.com/tuyensinh.mtu.edu.vn>, cũng như trả lời các thắc mắc của thí sinh qua số điện thoại: (0270)3825903, địa chỉ email: tuyensinh@mtu.edu.vn [H8.08.01.08].

Chính sách tuyển sinh nói chung của Nhà trường và đối với ngành KTXD nói riêng được điều chỉnh, cập nhật hằng năm dựa trên ý kiến góp ý của các đơn vị tại hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, dữ liệu thống kê kết quả tuyển sinh hằng năm và theo phân tích từ các nguồn dự báo nhu cầu nhân lực trong ngành công nghiệp - xây dựng, từ năm 2016 - 2025, hằng năm xã hội cần hàng chục nghìn lao động chất lượng cao ngành xây dựng [H8.08.01.09], [H8.08.01.10], [H8.08.01.11], [H8.08.01.12], [H8.08.01.05]. Tại hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, Nhà trường tiếp thu ý kiến của các đơn vị tham gia tuyển sinh và tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV về công tác tuyển sinh của Nhà trường tại Hội nghị CBVC hằng năm [H8.08.01.09], [H8.08.01.13]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành và áp dụng nhiều chính sách tuyển sinh, trong đó nhằm hỗ trợ cho các thí sinh có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục được học tập cũng như góp phần ổn định số lượng tuyển sinh hằng năm, đối với SV khi nhập học vào Trường, Nhà trường cấp học bổng 6.000.000 đồng để đào tạo tiếng Anh đạt trình độ B1 (khung CEFR), đào tạo tiếng Nhật N5 và CNTT cơ bản miễn phí cho tất cả SV; cấp học bổng du học ngắn hạn tại các nước Thái Lan, Lào,... cam kết giới thiệu việc làm sau khi SV tốt nghiệp; đặc biệt năm 2020, Nhà trường hỗ trợ học bổng toàn phần trị giá 450 triệu cho 10 SV thủ khoa trúng tuyển đầu vào [H8.08.01.05], [H8.08.01.14], [H8.08.01.15]. Hằng năm, Nhà trường dành gần 3 tỷ đồng từ quỹ học bổng cấp cho SV có thành tích cao trong học tập, có hoàn

cảnh khó khăn, gia đình chính sách; hỗ trợ miễn phí 400 chỗ ở KTX cho SV [H8.08.01.05], [H8.08.01.16], [H8.08.01.17], [H8.08.01.18]. Các chính sách tuyển sinh của Trường hướng tới việc linh động, đơn giản hóa hồ sơ và thủ tục xét tuyển theo ý kiến của các nhà tuyển dụng, của CBVC, báo cáo của hội đồng tuyển sinh Nhà trường [H8.08.01.09]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, số thí sinh nhập học vào ngành KTXD như sau.

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển	Số nhập học thực tế	Điểm tuyển đầu vào	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	451	451	376	15	
2016-2017	276	276	153	15	01
2017-2018	243	243	189	15	07
2018-2019	481	481	248	15	
2019-2020	321	321	247	15	

Bảng 8.1. Thống kê tình hình nhập học của SV

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành chính sách và quy định tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với xu thế phát triển ngành nghề và nhu cầu nhân lực cũng như tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan. Nhà trường công khai chính sách và quy định tuyển sinh đến bên liên quan thông qua nhiều hình thức khác nhau. Chính sách tuyển sinh mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp Nhà trường có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các kênh quảng bá công tác tuyển sinh nói chung và tuyển sinh ngành KTXD nói riêng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Phòng QLĐT phối hợp với các Khoa đánh giá tính hiệu quả của các kênh quảng bá công tác tuyển sinh để từ đó có chiến lược, đa dạng hóa phương thức quảng bá tuyển sinh hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Các tiêu chí, phương pháp tuyển chọn SV ngành KTXD được quy định trong đề án tuyển sinh của Nhà trường và căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.02.01], [H8.08.02.02]. Để thực hiện phương châm đào tạo của Nhà trường, của KXD hướng đến chuẩn hóa khối lượng kiến thức đầu ra và kỹ năng cho SV, do đó tổ hợp xét tuyển ngành KTXD là các tổ hợp với các môn học bao hàm kiến thức cơ bản cần thiết phục vụ cho việc học tập các môn cơ bản, môn kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành theo CDR của ngành KTXD [H8.08.02.03]. Quy trình xét tuyển SV các ngành đào tạo của Nhà trường được áp dụng phương thức: (1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia hằng năm; (2) Xét tuyển học bạ THPT với các tiêu chí lấy tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của 3 năm THPT (5 học kỳ) hoặc kết quả tổ hợp các môn lớp 12 theo quy định [H8.08.02.02]. Điểm ưu tiên, xét tuyển thẳng sẽ được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.02.01]. Nhà trường áp dụng các hình thức xét tuyển: (1) Hình thức xét tuyển thẳng; (2) Hình thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; (3) Hình thức xét tuyển học bạ THPT. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tổng điểm trung bình năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 18,00 trở lên và điểm mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển từ 5,00 trở lên; (4) Hình thức thi tuyển (đối với môn năng khiếu) kết hợp với xét tuyển (hình thức này áp dụng cho ngành Kiến trúc, Quản lý đô thị và công trình); (5) Hình thức xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của

ĐHQG TP. HCM [H8.08.02.04], [H8.08.02.02].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó đánh giá kết quả công tác tuyển sinh đạt được trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, đồng thời xác định các tồn tại và tiếp thu ý kiến của các đơn vị, của CB, GV, NV để điều chỉnh, cập nhật tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H8.08.02.05], [H8.08.02.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV về công tác tuyển sinh của Nhà trường tại Hội nghị CBVC hằng năm [H8.08.02.07]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có những điều chỉnh, cập nhật tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học và thể hiện trong đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh hằng năm [H8.08.02.08], [H8.08.02.09], [H8.08.02.02], [H8.08.02.10]. Trước năm 2018, phương pháp tuyển sinh dựa vào kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia và hình thức thi tuyển kết hợp với xét tuyển (áp dụng tuyển sinh ngành Kiến trúc, Quản lý đô thị và công trình), từ năm 2018 Nhà trường mở rộng thêm phương thức tuyển sinh bằng hình thức xét học bạ THPT [H8.08.02.11], [H8.08.02.12], [H8.08.02.02], [H8.08.02.06]. Sau khi có kết quả xét tuyển, hội đồng tuyển sinh Nhà trường gửi giấy báo trúng tuyển đến các thí sinh [H8.08.02.13]. Thí sinh dự tuyển tra cứu kết quả xét tuyển của Nhà trường tại địa chỉ <http://mtu.edu.vn/> hoặc cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (địa chỉ <http://thituyensinh.vn/>). Thí sinh nhập học sau khi hoàn thiện các hồ sơ theo quy định của Nhà trường [H8.08.02.08]. Nhà trường thực hiện đánh giá công tác tuyển chọn người học, công tác tuyển sinh hằng năm và thể hiện trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm [H8.08.02.14], [H8.08.02.06]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện đúng quy định [H8.08.02.15].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được xác định rõ ràng, thống nhất và thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hằng năm, Nhà trường đánh giá công tác tuyển chọn người học và kịp thời điều chỉnh, cập

nhật tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Trong giai đoạn 2015 - 2020, kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện đúng quy định.

3. Điểm tồn tại

Điểm đầu vào của ngành KTXD còn thấp so với các trường ĐH công lập đào tạo cùng chuyên ngành ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh, đồng thời áp dụng nhiều chính sách thu hút SV có điểm đầu vào cao nhằm nâng cao điểm đầu vào của ngành KTXD.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Năm học 2012 - 2013, Nhà trường bắt đầu tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo đó SV phải hoàn thành 150 tín chỉ, trong 5 năm (10 học kỳ), thời gian tối đa cho phép hoàn thành chương trình là 10 năm [H8.08.03.01]. Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. SV được Nhà trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2,0 trở lên và hoàn thành các học phần trong CTĐT. Hằng năm, Phòng QLĐT thống kê số lượng SV thôi học và số liệu SV thôi học được thể hiện trong báo cáo xét học vụ từng học kỳ của Nhà trường [H8.08.03.02], [H8.08.03.03], [H8.08.03.04], [H8.08.03.05]. Theo thiết kế của CTĐT khối lượng học tập của SV được quy định theo “Khung CTĐT” đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2012 đến 2018 là 150 tín chỉ; đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2019, SV cần tích lũy 136 tín chỉ, khối lượng học tập này được thiết kế cho SV có học lực trung bình để hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định

[H8.08.03.06]. SV được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi kỳ học nhưng không được ít hơn 15 tín chỉ [H8.08.03.01].

Theo quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ các đơn vị của Nhà trường có xác định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trong đó có phân công các đơn vị tham gia phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H8.08.03.07]. Phòng CTCTSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác của Trường, các tổ chức đoàn thể triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H8.08.03.08], [H8.08.03.09], [H8.08.03.10]. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả học tập của người học, Phòng CTCTSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả rèn luyện của người học [H8.08.03.05]. KXD tham gia hoạt động giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của người học của Khoa [H8.08.03.11]. Ngoài ra, đội ngũ CVHT giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của người học của lớp được phân công phụ trách [H8.08.03.12], [H8.08.03.13], [H8.08.03.14], [H8.08.03.15]. Từ khóa 2018 về trước, nhiệm vụ giám sát, theo dõi hoạt động học tập, rèn luyện của SV do GVCN quản lý, từ khóa 2019, các Khoa tham gia quản lý công tác CVHT.

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của SV, Nhà trường ban hành các văn bản quy định, thực hiện nhiều biện pháp và như: sử dụng phần mềm QLĐT; cung cấp tài khoản cá nhân cho SV; thành lập các hội đồng đánh giá công tác rèn luyện SV, công tác CVHT, công tác GVCN, xét học vụ,... [H8.08.03.03], [H8.08.03.04], [H8.08.03.12], [H8.08.03.14], [H8.08.03.16], [H8.08.03.17]. Nhà trường thành lập tổ giám sát, theo dõi hoạt động học tập, rèn luyện, khối lượng học tập, thời gian tốt nghiệp của SV [H8.08.03.18], [H8.08.03.19], [H8.08.03.20].



Bảng 8.2 Hệ thống giám sát hoạt động học tập, rèn luyện của SV

Kết quả học tập SV ngành KTXD trong 5 năm qua như sau.

Năm học	Yếu, kém	Trung bình	Khá	Giỏi, xuất sắc	Tổng cộng
2015-2016	132	941	221	355	1649
2016-2017	95	741	273	534	1643
2017-2018	84	680	239	367	1370
2018-2019	135	633	145	135	1048
2019-2020	58	552	80	57	747

Bảng 8.3. Kết quả học tập của SV

Định kỳ từng học kỳ và cuối mỗi năm học, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, Phòng QLĐT thống kê kết quả học tập của người học đồng thời cảnh báo, nhắc nhở người học trong trường hợp người học có kết quả học tập kém và có khả năng bị cảnh báo học vụ, buộc thôi học [H8.08.03.03]. Đồng thời, bằng cách sử dụng phần mềm QLĐT, Phòng QLĐT có thể theo dõi tiến trình học tập

của người học [H8.08.03.04]. Phòng CTCTSV sử dụng phần mềm QLĐT để giám sát, thống kê kết quả rèn luyện của người học toàn trường [H8.08.03.21]. Bên cạnh đó, KXD tham gia giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện người học của Khoa và nhắc nhở người học trong trường hợp có những cảnh báo về học vụ hoặc rèn luyện [H8.08.03.22]. Đội ngũ CVHT thường xuyên nhắc nhở, tư vấn SV trong học tập và rèn luyện, đặc biệt là quan tâm động viên, hướng dẫn cụ thể đối với các trường hợp người học có khả năng bị cảnh báo về học vụ hoặc rèn luyện [H8.08.03.23], [H8.08.03.24]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV, KXD luôn có nội dung về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học [H8.08.03.25], [H8.08.03.26], [H8.08.03.27].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV, KXD, CVHT thực hiện theo dõi, giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học của SV. Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Dữ liệu theo dõi, giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được lưu trữ có hệ thống.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chưa quan tâm đến tiến độ học tập nên ảnh hưởng đến tiến độ tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV và đặc biệt là KXD, CVHT tăng cường công tác theo dõi, giám sát, hướng dẫn để SV quan tâm thực hiện tiến độ học tập theo đúng kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Đảng ủy, BGH Nhà trường xác định tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa là nhiệm vụ quan trọng giúp SV chiếm lĩnh kiến thức, chủ động sắp xếp việc học của bản thân và hoàn thiện tốt các kỹ năng mềm [H8.08.04.01], [H8.08.04.02], [H8.08.04.03]. Theo quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ các đơn vị của Nhà trường có xác định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trong đó có phân công các đơn vị tham gia tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học [H8.08.04.04], [H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. Phòng CTCTSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác của Trường, các tổ chức đoàn thể triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học [H8.08.04.07]. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT là đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập của người học [H8.08.04.08]. Các tổ chức đoàn thể tham gia triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học [H8.08.04.09], [H8.08.04.10]. KXD triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học của Khoa [H8.08.04.11]. Ngoài ra, đội ngũ CVHT, GVCN triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học của lớp được phân công phụ trách [H8.08.04.12], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14], [H8.08.04.15], [H8.08.04.16].

Đối với hoạt động tư vấn việc làm cho người học, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTCTSV [H8.08.04.07]. Trên cơ sở đó, Phòng CTCTSV phân công NV phụ trách hoạt động tư vấn việc làm cho người học của Trường. Nhân sự phụ trách hoạt động tư vấn việc làm cho người học của Phòng CTCTSV có kinh nghiệm và thường xuyên được cử tham gia các khóa tập huấn

về tư vấn việc làm [H8.08.04.17]. Bên cạnh đó, KXD có trách nhiệm triển khai các tư vấn việc làm cho người học của Khoa [H8.08.04.18].

Nhà trường áp dụng nhiều kênh thông tin nhằm duy trì sự tương tác giữa GV với SV, phản hồi các thông tin liên quan khi cần thiết và thực hiện các hình thức truyền tải thông tin của Nhà trường đến SV thông qua tài khoản trực tuyến của SV, diễn đàn, góp ý trên cổng QLĐT của Nhà trường (<http://online.mtu.edu.vn/>) hoặc trang mạng xã hội (<https://www.facebook.com/tuyensinh.mtu.edu.vn/>) [H8.08.04.19], [H8.08.04.20]. Nhà trường, KXD đặc biệt quan tâm đến năng lực của đội ngũ hỗ trợ tư vấn SV, do vậy, đã tổ chức nhiều buổi tập huấn, hướng dẫn nhằm nâng cao nghiệp vụ của đội ngũ hỗ trợ tư vấn SV và CVHT [H8.08.04.18]. Phòng CTCTSV triển khai hỗ trợ SV giải quyết các vấn đề về chính sách xã hội, công tác chính trị, tư tưởng [H8.08.04.21], [H8.08.04.22], [H8.08.04.23], [H8.08.04.24], [H8.08.04.25], [H8.08.04.26]. Bên cạnh đó, đội ngũ CVHT luôn quan tâm hỗ trợ, tư vấn học tập, nghề nghiệp, giúp đỡ SV trong các hoạt động [H8.08.04.27]. CVHT tư vấn SV thời khóa biểu toàn khóa, từng năm học, học kỳ bằng nhiều hình thức: trao đổi trực tiếp, trực tuyến,... về các vấn đề liên quan đến: lựa chọn học phần, đăng ký học, sắp xếp kế hoạch học tập để đạt CDR, chế độ chính sách, thể hiện qua sổ tay CVHT [H8.08.04.28]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường và các đơn vị tổ chức nhiều hoạt động động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học [H8.08.04.29]. KXD phối hợp cùng Phòng CTCTSV, ĐTN, HSV tổ chức các cuộc thi mô hình dành cho SV, vẽ tranh cổ động bảo vệ môi trường, tìm hiểu các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hội thi tiếng Anh, Hội thi CB Đoàn giỏi hằng năm, giải thưởng Loa thành, giải thưởng Trần Đại Nghĩa, giải thưởng Olympic cơ học, giải thưởng Eureka, giải thưởng Khởi nghiệp, ... nhằm tạo cơ hội để SV tiếp cận công nghệ trong mô phỏng công trình, đưa ngành nghề tương lai tới SV gần gũi, trực quan hơn, đồng thời góp phần nâng cao đời sống tinh thần, thể chất của SV, đồng thời tạo môi trường lành mạnh, vui khỏe, sáng tạo, tăng cơ hội giao lưu,

củng cố kỹ năng mềm cho SV [H8.08.04.30], [H8.08.04.31], [H8.08.04.32], [H8.08.04.33], [H8.08.04.34], [H8.08.04.35], [H8.08.04.36], [H8.08.04.37]. Bên cạnh đó, Nhà trường rất quan tâm đến các hoạt động phong trào như: mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi, cắm hoa, nấu ăn, SV thanh lịch, phong trào TDTT, văn nghệ, bảo vệ môi trường, các buổi tập huấn kỹ năng viết đơn xin việc, phỏng vấn, vay vốn tín dụng SV,... đã đạt nhiều thành tích tốt được xã hội ghi nhận [H8.08.04.18], [H8.08.04.29], [H8.08.04.38], [H8.08.04.39], [H8.08.04.40].

Nhà trường, KXD luôn xác định việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành xây dựng sẽ đạt kết quả tốt khi kết hợp hài hòa các yếu tố: hoạt động tư vấn học tập, kích lệ hoạt động ngoại khóa, thi đua trong học tập giảng dạy và các hoạt động hỗ trợ khác [H8.08.04.41], [H8.08.04.42]. SV luôn được khuyến khích tham gia hoạt động phong trào, một phần để củng cố kỹ năng mềm và khả năng học tập suốt đời và quan trọng là để các em có thể tiếp cận nhiều nguồn thông tin hỗ trợ học tập, nâng cao khả năng tìm việc làm sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.43]. Phòng CTCTSV, ĐTN phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tư vấn, hội thảo, hội nghị trao đổi kinh nghiệm, định hướng nghề nghiệp, tuyển dụng và các hoạt động truyền thông nhằm kết nối SV với các cơ quan, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, phối hợp thực hiện việc liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp xây dựng mạng lưới các đơn vị, doanh nghiệp hỗ trợ công tác thực hành, thực tế chuyên môn, thực tập nghề cho SV [H8.08.04.18], [H8.08.04.29], [H8.08.04.31], [H8.08.04.44], [H8.08.04.45], [H8.08.04.46], [H8.08.04.47]. KXD đặc biệt quan tâm tới công tác hỗ trợ SV định hướng nghề nghiệp, giúp SV thực tập sản xuất tại những cơ quan, doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng nhằm tạo điều kiện để SV tự tìm hiểu thông tin việc làm, nâng cao khả năng lựa chọn công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.18], [H8.08.04.27], [H8.08.04.46]. Định kỳ, KXD, ĐTN đã xây dựng kế hoạch kết hợp cùng các đơn vị tuyển dụng để tổ chức hội thảo tư vấn giới thiệu làm, phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp đã thu hút rất nhiều SV đến tham gia, tìm hiểu thông tin [H8.08.04.18]. Đến nay, Nhà

trường đã thực hiện ký kết nhiều bản ghi nhớ hợp tác (MoU) với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp, đào tạo và sản xuất để hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng, hiện thực hóa nhiệm vụ đào tạo, hướng tới tầm khu vực, nâng cao công tác NCKH, cải thiện khả năng có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, hoạt động được Nhà trường, Phòng KH&HTQT, KXD quan tâm phát triển [H8.08.04.44]. Hằng năm, trong nhân dịp khai giảng, Nhà trường, KXD đã kết hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức hoạt động trong ngành KTXD cấp học bổng, giải thưởng đối với SV có thành tích học tập, NCKH tốt với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện [H8.08.04.48], [H08.08.04.49], [H08.08.04.50].

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp và giao nhiệm vụ cho phòng CTCTSV thực hiện [H8.08.04.51]. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng hằng năm đạt tỷ lệ trên 90%. Bên cạnh đó kết quả khảo sát ý kiến của SV và SV tốt nghiệp thể hiện trên 90% SV, SV tốt nghiệp hài lòng về chất lượng hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm [H8.08.04.52].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV, các tổ chức đoàn thể, KXD triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Nhà trường, KXD thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi ra trường. Kế hoạch, quy trình thực hiện công tác tư vấn học tập và các hoạt động ngoại khóa, thi đua, khen thưởng được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Kết quả khảo sát ý kiến của SV và SV tốt nghiệp thể hiện trên 90% SV, SV tốt nghiệp hài lòng về chất lượng hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động ngoại khóa chưa thu hút đông đảo SV tham gia.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường tuyên truyền, vận động, đổi mới nội dung, hình thức các hoạt động ngoại khóa nhằm thu hút đông đảo SV tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Hiện nay, Nhà trường có 02 khu làm việc là khu A và khu B với diện tích khoảng 10,3 hecta, trong đó bố trí vị trí làm việc: 3.409 m², vị trí học: 22.472 m², khu thể thao: 7.480 m² [H8.08.05.01]. Khuôn viên của Nhà trường được bố trí thành các khối bao gồm: một khu vực dành cho các phòng học, thực hành thí nghiệm, thư viện; một khu dành cho phòng làm việc của các khoa và GV; nhà giáo dục thể chất, sân tennis; một khu dành cho khối hành chính với CSVC khang trang, sạch sẽ và an toàn [H8.08.05.01]. Môi trường không gian lớp học, các yếu tố nhiệt độ, ánh sáng, âm thanh, ổn định vị trí ngồi học cho nhóm SV được đảm bảo [H8.08.05.02], [H8.08.05.03], [H8.08.05.04]. Nhà trường ban hành quy định về việc sử dụng CSVC, bao gồm những quy định về việc sử dụng phòng học, những quy định về vệ sinh, sử dụng bàn ghế, trang thiết bị trước, trong và sau tiết học là biện pháp để có không gian lớp học tiện lợi [H8.08.05.05]. Định kỳ hằng năm, Nhà trường hợp đồng với các bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long, bệnh viện Xuyên Á,... khám sức khỏe cho CBVC, NLĐ và SV mới nhập học [H8.08.05.06], [H8.08.05.07], [H8.08.05.08]. Nhà trường bố trí Phòng Y tế và phân công nhân viên y tế thường trực nhằm thực hiện hoạt động chăm sóc y tế cho CBVC, NLĐ, và SV của Trường [H8.08.05.09], [H8.08.05.10], [H8.08.05.11]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí bổ sung cơ sở thuốc phục vụ nhu cầu của CBVC, NLĐ và SV của Trường [H8.08.05.12], [H8.08.05.13]. Nhà trường, KXD thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động xã hội

và cộng đồng để tạo môi trường lôi cuốn SV yêu ngành nghề, yêu khoa học và tham gia các hoạt động như: chiến dịch mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, các hoạt động chào mừng kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Sách Việt Nam 21/4, ngày KH&CN Việt Nam 18/5, ngày truyền thống ngành kiến trúc và xây dựng, thành lập CLB văn nghệ, CLB tiếng Anh, CLB SV NCKH tại các phòng họp, các khu vực được dành riêng cho các hoạt động đội nhóm tạo cho SV luôn có cảm giác thoải mái, hứng thú khi tham gia các hoạt động ngoại khóa [H8.08.05.14], [H8.08.05.15], [H8.08.05.16], [H8.08.05.17], [H8.08.05.18], [H8.08.05.19]. Các CLB của Nhà trường hoạt động đa dạng, nhiều thành viên tích cực đang theo học ngành Xây dựng, đây là nơi SV khẳng định đam mê, sở thích, phát huy được khả năng của bản thân [H8.08.05.20]. Nhà trường luôn quan tâm đến SV có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách bằng cách miễn giảm học phí học tập tại trường, nhờ đó SV có thể yên tâm học tập, nghiên cứu [H8.08.05.21], [H8.08.05.22], [H8.08.05.23]. CBVC, NLD luôn quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ tư vấn cho SV, Công đoàn, ĐTN thường xuyên vận động CBVC, NLD tổ chức các hoạt động ngoại khóa dành cho SV [H8.08.05.24], [H8.08.05.25], [H8.08.05.26], [H8.08.05.27], [H8.08.05.28].

Nhà trường đã ban hành các nội quy, quy tắc ứng xử, quy định về an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy, chữa cháy tại các nhà làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà giáo dục thể chất, KTX, nhà ăn, căn tin,.... niêm yết công khai các quy định về nội quy, quy định của Nhà trường tại các phòng học và giảng đường, các quy định về sử dụng thư viện tại thư viện Trường, quy định sử dụng an toàn các thiết bị trong phòng thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm, thực hành để CBVC và SV thực hiện [H8.08.05.29], [H8.08.05.30], [H8.08.05.31], [H8.08.05.32], [H8.08.05.33], [H8.08.05.34], [H8.08.05.35]. Tại các khu nhà cao tầng, Nhà trường lắp đặt các biển chỉ dẫn lối thoát hiểm, số điện thoại nhằm hướng dẫn CBVC, SV khi có sự cố [H8.08.05.36]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng hàng rào kiên cố bằng khung bê tông xung quanh Trường [H8.08.05.37]. Để đảm bảo công tác PCCC kịp thời và hiệu quả, Nhà trường thành lập Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ [H8.08.05.38]. Hệ thống thiết bị PCCC

tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng làm việc, KTX và được lực lượng Cảnh sát PCCC kiểm tra định kỳ [H8.08.05.39]. Nhằm luyện tập và thực hành các phương án PCCC, Nhà trường đã phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Vĩnh Long tổ chức diễn tập PCCC tại Trường [H8.08.05.40]. Để triển khai hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong và bên ngoài khu vực Trường, Nhà trường chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự và quản lý SV ngoại trú [H8.08.05.41]. Hằng năm, công an tỉnh Vĩnh Long kiểm tra phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tại Nhà trường [H8.08.05.42]. Trong từng năm học, Nhà trường tổ chức họp công tác quản lý SV nội, ngoại trú và có sự tham gia đóng góp ý kiến của chính quyền và công an địa phương để từ đó thực hiện tốt hơn công tác đảm bảo an ninh, trật tự của Trường nói chung và nâng cao hiệu quả quản lý SV nội, ngoại trú nói riêng [H8.08.05.41]. Hằng năm, Nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về các quy định về an toàn, an ninh, trật tự tới toàn thể CBVC và SV [H8.08.05.43]. Đồng thời, trong báo cáo tổng kết từng năm học, Nhà trường đánh giá kết quả triển khai tuyên truyền về công tác đảm bảo trật tự, an toàn trong Trường và cho đến nay CB quản lý, GV, SV Nhà trường được đảm bảo an toàn trong quá trình công tác và học tập tại Nhà trường [H8.08.05.42], [H8.08.05.44]. Trong KTX của Nhà trường có nhà ăn, căn tin đáp ứng nhu cầu ăn uống cần thiết cho SV, được Nhà trường tổ chức đấu thầu với giá cả hợp lý, chất lượng phục vụ tốt nhất giúp SV thuận lợi trong học tập và sinh hoạt, được cơ quan chức năng kiểm định đạt an toàn vệ sinh thực phẩm và đáp ứng phục vụ nhu cầu ăn uống của CBVC [H8.08.05.45].

Theo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của CBVC, SV hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan, khuôn viên của Trường [H8.08.05.46]. Bên cạnh đó, ý kiến của CBVC tại Hội nghị CBVC hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại SV với BGH Nhà trường hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan, khuôn viên, sự an toàn của Trường [H8.08.05.47], [H8.08.05.48].

2. Điểm mạnh

Môi trường, cảnh quan Nhà trường đảm bảo an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp tạo thuận lợi cho SV được phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và NCKH. Nhà trường, KXD quan tâm đầu tư CSVC môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, NV, SV hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan, khuôn viên của Trường.

3. Điểm tồn tại

Do khó khăn về kinh phí hoạt động nên các hoạt động quy mô của các CLB, đội, nhóm của SV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, các tổ chức đoàn thể tăng cường vận động các cơ quan đơn vị, cá nhân hỗ trợ kinh phí, đồng hành với SV trong các hoạt động phong trào do Nhà trường phát động. Các CLB hoạt động của SV tích cực tuyên truyền về các hoạt động tập thể, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động các phong trào để đông đảo SV tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Nhà trường ban hành chính sách và quy định tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với xu thế phát triển ngành nghề và nhu cầu nhân lực cũng như tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan. Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được xác định rõ ràng, thống nhất và thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường công khai chính sách và quy định tuyển sinh đến bên liên quan thông qua nhiều hình thức khác nhau. Hằng năm, Nhà trường đánh giá công tác tuyển chọn người học và kịp thời điều chỉnh, cập nhật tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Trong giai đoạn 2015 - 2020, công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện đúng quy định.

Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV sử dụng phần mềm QLĐT để theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Dữ liệu theo dõi, giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được lưu trữ có hệ thống. Nhà trường, KXD thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi ra trường. Kết quả khảo sát ý kiến của SV và SV tốt nghiệp thể hiện trên 90% SV, SV tốt nghiệp hài lòng về chất lượng hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Môi trường, cảnh quan Nhà trường đảm bảo an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp tạo điều kiện thuận lợi, thoải mái trong hoạt động đào tạo và NCKH của SV. Tuy nhiên, điểm đầu vào của ngành KTXD còn thấp so với các trường ĐH công lập đào tạo cùng chuyên ngành ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Nhà trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các kênh quảng bá công tác tuyển sinh nói chung và tuyển sinh ngành KTXD nói riêng. Một số SV chưa quan tâm đến tiến độ học tập nên ảnh hưởng đến tiến độ tốt nghiệp.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 8 đạt 5 tiêu chí, trong đó có 5 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực ngành xây dựng, kinh tế cho các tỉnh khu vực ĐBSCL, đáp ứng và phục vụ nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa; bên cạnh việc chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ CBVC, Nhà trường luôn quan tâm đầu tư phát triển CSVC, thư viện và trang thiết bị phục vụ dạy học ngày càng khang trang, hiện đại và đồng bộ. Bên cạnh công tác đầu tư và cải tạo, nâng cấp CSVC. Nhà trường từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp, môi trường văn hóa trong Nhà trường. Trường luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước, liên kết với các doanh nghiệp và nguồn lực xã hội hóa

để bổ sung và hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hằng năm, Nhà trường triển khai xây dựng, tăng cường CSVC, tạo điều kiện làm việc cho CBVC và học tập SV theo các quy định của Bộ Xây dựng, Bộ GD&ĐT và của Trường ban hành [H9.09.01.01], [H9.09.01.02]. Hiện nay, Nhà trường bố trí địa điểm làm việc của Hội đồng trường, BGH, các đơn vị chủ yếu tập trung ở Khu A, bao gồm Khu hiệu bộ, tầng 2 của Nhà H,... và một số phòng làm việc của các Khoa ở Khu B với tổng diện tích 3.409,9 m² [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]. Diện tích làm việc trung bình của CB, GV và NV là 15,9 m²/người. KXD được bố trí 3 phòng làm việc: 2 phòng làm việc ở khu A dành cho ban chủ nhiệm và văn phòng khoa, phòng làm việc ở khu B dành cho các bộ môn làm việc, trao đổi và giải đáp thắc mắc SV [H9.09.01.05]. Việc bố trí các phòng làm việc thuận lợi cho GV, SV và khách đến liên hệ công tác, được thể hiện qua sơ đồ mặt bằng khu hiệu bộ, khu làm việc của các đơn vị [H9.09.01.03]. Nhà trường hiện có 75 phòng học các loại, trong đó các phòng học có diện tích 48m² dành cho những lớp bình thường có số lượng 50 SV, các phòng học lớn với diện tích 120m² dành cho những lớp có số lượng trên 80 SV, các giảng đường lớn phù hợp với một số học phần và chuyên ngành đào tạo [H9.09.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường hiện có 04 giảng đường với tổng diện tích: 22.472,28 m², bình quân diện tích phòng học cho SV chính quy là 17,2 m²/SV, vượt so với TCVN 3981:1985 (trung bình từ 0,9m² - 1,5m²/người học) [H9.09.01.05], [H9.09.01.06], [H9.09.01.07]. Ngoài ra, Nhà trường có 2 phòng lab học tiếng Anh với tổng diện tích 270 m², 09 phòng học máy tính với tổng diện tích 1.231,6 m², trong đó có một số phòng được kết nối hệ thống camera phục vụ cho các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, sát hạch kỹ năng công nghệ thông tin [H9.09.01.08], [H9.09.01.09]. Nhà trường có Trung tâm TNXD&MT phục vụ cho nhiều ngành khác nhau, là nơi SV thực hành trong quá trình học tập

và NCKH, đồng thời thực hiện các dịch vụ hỗ trợ hoạt động học tập và NCKH [H9.09.01.10], [H9.09.01.11], [H9.09.01.12], [H9.09.01.13].

Các phòng làm việc của các đơn vị trong Trường được trang bị đầy đủ các tiện nghi, trang thiết bị như bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, máy vi tính, máy in và các thiết bị văn phòng khác theo đúng quy định về diện tích phòng làm việc, các điều kiện cần thiết của một phòng làm việc [H9.09.01.14], [H9.09.01.15]. Năm 2019, Nhà trường đầu tư, nâng cấp một số phòng họp, hội thảo với trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị, tập huấn [H9.09.01.16], [H9.09.01.17], [H9.09.01.18]. Để đảm bảo nâng cao chất lượng công tác đào tạo giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống phòng làm việc tạo điều kiện cho CBQL, GV và NV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Số lượng phòng học của Nhà trường đủ để đáp ứng theo yêu cầu của từng ngành đào tạo (bao gồm phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thảo luận,...) [H9.09.01.19]. Tất cả phòng học đều trang bị đầy đủ bảng từ chống lóa, máy Projector, thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo [H9.09.01.20]. Nhà trường thường xuyên tu sửa hoặc thay mới các trang thiết bị trong các phòng học, phòng làm việc, phòng thực hành thí nghiệm,... tạo môi trường làm việc, học tập tốt nhất cho CBVC và SV [H9.09.01.21], [H9.09.01.22]. Nhà trường ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản nhà nước và gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời phổ biến đến đội ngũ CBVC và SV biết để thực hiện [H9.09.01.23], [H4.04.01.24], [H4.04.01.25]. Theo quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ các đơn vị của Nhà trường, Phòng QT&TB quản lý, sắp xếp CSVC các phòng học; Phòng QLĐT bố trí các lớp học phân trên cơ sở phòng học đã được chuẩn bị [H9.09.01.26], [H9.09.01.27], [H9.09.01.28]. Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng và quản lý số lượng trang thiết bị phục vụ việc dạy học và NCKH được thực hiện đầy đủ, thường xuyên theo quy định của Nhà trường [H9.09.01.29], [H9.09.01.30], [H9.09.01.31]. Bên cạnh đó, kết thúc năm tài chính, Phòng QT&TB triển khai kiểm kê CSVC, trang thiết bị của các đơn vị và lưu trữ CSDL về CSVC, trang thiết bị của Nhà trường [H9.09.01.14], [H9.09.01.32].

Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường dành nhiều kinh phí để nâng cấp CSVC và mua sắm trang thiết bị của hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng [H9.09.01.22], [H9.09.01.33]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng đối với CSVC, trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường [H9.09.01.34]. Bên cạnh đó, ý kiến của CBVC tại Hội nghị CBVC hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại SV với BGH Nhà trường hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với CSVC, trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường [H9.09.01.35], [H9.09.01.36].

2. Điểm mạnh

CSVC, trang thiết bị dạy học của Nhà trường trang bị đầy đủ và đồng bộ. Các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng có đầy đủ các thiết bị phù hợp: bàn ghế, thiết bị chiếu sáng, hệ thống quạt hoặc điều hòa, máy tính,... nhằm phục vụ, hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo và nghiên cứu. Các phòng làm việc, phòng học đảm bảo tỷ lệ diện tích theo đúng quy định. Nhà trường đầu tư, nâng cấp CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Do những khó khăn nhất định về kinh phí nên việc tiến độ nâng cấp, cải tạo CSVC của Nhà trường còn chậm so với kế hoạch.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường dành nguồn kinh phí đầu tư CSVC và đề xuất Bộ Xây dựng tăng cường kinh phí đầu tư CSVC cho Trường nhằm đảm bảo nâng cấp, cải tạo CSVC theo đúng kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường đã quan tâm xây dựng hệ thống thư

viện, phòng đọc, sách báo, tài liệu, đặc biệt trong năm 2017, Nhà trường đã đầu tư trang bị hệ thống thư viện điện tử nhằm tăng cường chất lượng phục vụ công tác giảng dạy và NCKH của đội ngũ CBVC và SV [H9.09.02.01], [H9.09.02.02]. Hiện nay, Trung tâm TT - TV của Nhà trường được bố trí gồm 2 tầng với tổng diện tích: 859,6 m², có vị trí độc lập với các phòng làm việc và phòng học nên đảm bảo không gian yên tĩnh, phù hợp cho bạn đọc đến thư viện [H9.09.02.03], [H9.09.02.04]. Nhân sự của Trung tâm TT - TV có 04 người, bao gồm 01 giám đốc và 03 nhân viên. Nhân sự của Trung tâm TT - TV được đào tạo bài bản về chuyên môn nghiệp vụ và thường xuyên được Nhà trường cử tham dự các khóa tập huấn, bồi dưỡng về công tác thư viện [H9.09.02.05].

Trung tâm TT - TV Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn và quy định rõ ràng việc sử dụng, thời gian mở, đóng cửa thư viện, cụ thể thời gian phục vụ bạn đọc hằng ngày từ 07h00 đến 18h00 [H9.09.02.06]. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, CB thư viện tham gia báo cáo, hướng dẫn SV khai thác, sử dụng TT - TV [H9.09.02.07]. Để có cơ sở đánh giá mức độ thường xuyên của bạn đọc đến đọc và tìm kiếm tài liệu, thư viện Nhà trường thường xuyên thống kê số lượt bạn đọc đến thư viện theo từng ngành đào tạo qua phần mềm quản lý thư viện PSC, làm cơ sở cho việc đánh giá và đề ra các biện pháp khuyến khích bạn đọc đến thư viện, nâng cao khả năng hoạt động của Trung tâm TT - TV [H9.09.02.08], [H9.09.02.09]. Trung tâm TT - TV được cung cấp 01 server cấu hình mạnh với hơn 25 máy trạm phục vụ hoạt động nhập dữ liệu của thủ thư và sử dụng tìm kiếm tài liệu của CBVC và SV [H9.09.02.10]. Cơ sở dữ liệu về sách, tài liệu được thư viện Nhà trường lưu trữ thông qua phần mềm quản lý trên hệ thống mạng máy tính, thuận lợi cho việc tra cứu và cập nhật [H9.09.02.11].

Tài liệu của Trung tâm TT - TV phong phú và đa dạng với số đầu sách đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH, trong đó số sách có tại Trung tâm TT - TV là: 2.857 đầu sách tương ứng với 26.944 bản sách và các luận án TS, luận văn ThS, luận văn tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp của SV,... [H9.09.02.12], [H9.09.02.13]. Ngoài ra, Trung tâm TT - TV có hơn 12

đầu báo, 29 loại tạp chí phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo của Trường, trong đó có ngành KTXD. Trung tâm TT - TV quản lý CSDL bằng phần mềm PSC [H9.09.02.14].

Trong thời gian qua, Trung tâm TT - TV của Nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và SV, trong đó hằng năm thư viện thường xuyên bổ sung sách, giáo trình, tài liệu tham khảo theo ĐCCT học phần đã được phê duyệt và đề nghị của GV, SV các Khoa [H9.09.02.13], [H9.09.02.15], [H9.09.02.16], [H9.09.02.17]. Các đầu sách bổ sung hằng năm của thư viện được thực hiện theo quy trình của Nhà trường [H9.09.02.18], [H9.09.02.19]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường dành nhiều kinh phí để bổ sung, cập nhật sách, giáo trình, tài liệu tham khảo [H9.09.02.20], [H9.09.02.21], [H9.09.02.22]. Bên cạnh đó, Trung tâm TT - TV không ngừng tăng cường công tác huy động tiếp nhận thêm đầu sách và nâng cao hiệu quả hoạt động phục vụ bạn đọc [H9.09.02.23]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện ký kết các biên bản thỏa thuận khai thác chung CSDL với thư viện các trường ĐH trong khu vực và cả nước như: Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, Trường ĐH Xây dựng Miền Trung, Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội, Trường ĐH An Giang, Trường ĐH Cửu Long,... nhằm đa dạng hóa các nguồn tài liệu phục vụ tại thư viện [H9.09.02.24]. Thông qua hoạt động HTQT, Nhà trường định hướng liên kết với thư viện các trường ĐH quốc tế để tăng cường nguồn tài liệu tham khảo cho đội ngũ CBVC và SV [H9.09.02.25].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và khắc phục những tồn tại, thư viện Nhà trường đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến phản hồi đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc, trong đó nội dung khảo sát tập trung vào nhận xét, đánh giá về số lượng sách, CSVC, thái độ phục vụ của NV thư viện [H9.09.02.26]. Kết quả khảo sát ý kiến thể hiện CBVC, SV Nhà trường hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Hiện nay, Nhà trường đang triển khai kế hoạch thực hiện nâng cấp Trung tâm TT - TV nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu ngày càng cao của bạn đọc [H9.09.02.27].

2. Điểm mạnh

Trung tâm TT - TV có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV, SV và bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu hằng năm. Trung tâm TT - TV đã xây dựng thư viện điện tử và liên kết với thư viện các trường ĐH trong nước nhằm tăng cường cơ sở dữ liệu phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhân sự của Trung tâm TT - TV được đào tạo bài bản về chuyên môn nghiệp vụ và thường xuyên được Nhà trường cử tham dự các khóa tập huấn, bồi dưỡng về công tác thư viện. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, SV thể hiện hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Thư viện Nhà trường chưa kết nối được với thư viện của các trường ĐH quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường các hoạt động HTQT với các trường ĐH quốc tế trong đó chú trọng việc liên kết, chia sẻ CSDL.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường thành lập Trung tâm TNXD&MT, mã số LAS - XD 1233, trên cơ sở nâng cấp từ Bộ môn thí nghiệm vật liệu xây dựng, thuộc KXD, có chức năng tổ chức hướng dẫn, giảng dạy học phần về thí nghiệm vật liệu xây dựng, thực tập địa chất công trình, tổ chức NCKH và thực hiện các hoạt động khác [H9.09.03.01]. Trung tâm TNXD&MT có các phòng thí nghiệm và khu đất thực hành, thực tập với tổng diện tích là 3.933,2 m² [H9.09.03.02], [H9.09.03.03]. Các phòng thí nghiệm, thực hành tại Trường đều được thiết kế dựa trên các tiêu chuẩn thiết kế và tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, phòng thực hành [H9.09.03.04], [H9.09.03.05]. Trang thiết bị của Trung tâm TNXD&MT hiện đại, đáp ứng được các hoạt động đào tạo, nghiên cứu: máy thí nghiệm thép,

máy nén bê tông, máy nén, uốn gạch, vữa, máy khoan địa chất, máy cắt đất trực tiếp, thí nghiệm CBR,... [H9.09.03.06], [H9.09.03.07].

Nhà trường luôn quan tâm đến công năng và hiệu suất sử dụng của các phòng thí nghiệm, thực hành và có những chuyển đổi thích hợp nhằm phục vụ công tác học tập, giảng dạy, NCKH cho CBVC và SV được tốt hơn, hiệu quả hơn [H9.09.03.08], [H9.09.03.09], [H9.09.03.10]. Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị thí nghiệm, Nhà trường giao Trung tâm TNXD&MT làm đơn vị đầu mối phối hợp với các Khoa trong việc giảng dạy các học phần thí nghiệm, thực hành về vật liệu xây dựng [H9.09.03.01], [H9.09.03.11]. Để đảm bảo quá trình thí nghiệm, thực hành an toàn, hiệu quả, Trung tâm TNXD&MT ban hành quy trình thí nghiệm, quy trình sử dụng phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện [H9.09.03.12]. Các thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho công tác thí nghiệm, thực hành của SV trong ĐCCT được cụ thể hóa bằng dự toán định mức vật liệu, làm cơ sở để chuẩn bị tốt cho công tác đào tạo [H9.09.03.13], [H9.09.03.14]. Hằng năm, Trung tâm TNXD&MT thực hiện thống kê, báo cáo về số lượng, chất lượng các trang thiết bị cũng như tần suất sử dụng [H9.09.03.15], [H9.09.03.16]. Các trang thiết bị trong Trung tâm được kiểm kê cụ thể và sửa chữa, bổ sung kịp thời, đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo, NCKH [H9.09.03.05], [H9.09.03.17], [H9.09.03.18]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường thường xuyên bổ sung, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị cho các đơn vị và Trung tâm TNXD&MT [H9.09.03.19], [H9.09.03.20], [H9.09.03.21], [H9.09.03.22], [H9.09.03.23], [H9.09.03.24].

Trung tâm TNXD&MT hiện có 5 nhân sự bao gồm 1 giám đốc, 1 phó giám đốc và 3 NV. Nhân sự của Trung tâm TNXD&MT được đào tạo bài bản về chuyên môn nghiệp vụ và thường xuyên được Nhà trường cử tham dự các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao khả năng tác nghiệp [H9.09.03.01]. Trung tâm TNXD&MT phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng NV phụ trách. Bên cạnh đó, các phòng thí nghiệm, thực hành luôn có các sổ theo dõi tần suất sử dụng trong thí nghiệm và thực hành [H9.09.03.16]. Hằng năm, Nhà trường thực

hiện khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về mức độ đáp ứng của phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị [H9.09.03.25]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV đánh giá phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị đáp ứng tốt hoạt động đào tạo và NCKH. Trang thiết bị của Trung tâm TNXD&MT hiện có đã đáp ứng thiết thực cho hoạt động dạy học, được CBVC, SV đánh giá hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành đầy đủ, hiện đại và đáp ứng hoàn toàn nhu cầu học tập và NCKH của GV cũng như SV. Bên cạnh đó, ý kiến của CBVC tại Hội nghị CBVC hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại SV với BGH Nhà trường hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và NCKH của Trường [H9.09.03.26], [H9.09.03.27].

2. Điểm mạnh

Trung tâm TNXD&MT có đủ trang thiết bị đảm bảo phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu. Các trang thiết bị được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Nhà trường, thường xuyên được kiểm tra, sửa chữa, nâng cấp, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ được giao. Hằng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê, báo cáo số lượng, chất lượng các trang thiết bị cũng như tần suất sử dụng.

3. Điểm tồn tại

Do Trung tâm TNXD&MT sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành chung cho các ngành đào tạo nên khó khăn trong công tác quản lý, đầu tư bổ sung trang thiết bị chuyên ngành cho từng lĩnh vực xây dựng, giao thông, nước.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021 Nhà trường tiến hành tách phòng thực hành, thí nghiệm của 3 ngành đào tạo (KTXD, KTXD công trình giao thông, kỹ thuật cấp thoát nước) thành 3 phòng độc lập và đầu tư bổ sung phòng thí nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Xác định ứng dụng CNTT là một trong những yếu tố quan trọng mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, đào tạo và NCKH, hằng năm, Nhà trường dành nguồn kinh phí để mua sắm các thiết bị tin học và phần mềm nhằm hỗ trợ hoạt động quản lý, dạy - học và NCKH [H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03], [H9.09.04.04], [H9.09.04.05], [H9.09.04.06]. Nhà trường sử dụng nhiều đường truyền cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ Internet cho các phòng máy tính, phòng tra cứu thông tin tại thư viện, phòng lab, nhà làm việc, hội trường... và cung cấp Internet miễn phí phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu của CBVC và SV [H9.09.04.07]. Toàn trường được phủ sóng wifi [H9.09.04.08]. Bên cạnh đó, tất cả máy tính tại các phòng ban, trung tâm và khoa được kết nối mạng Internet phục vụ 24/24 giờ đảm bảo cho công tác quản lý, đào tạo, NCKH. Hiện nay, Nhà trường có 527 máy tính, trang bị tại 09 phòng thực hành tin học, thư viện, phòng làm việc của các đơn vị chức năng, khoa, tổ chức đoàn thể trong toàn Trường, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, hoạt động giảng dạy của GV cũng như hoạt động học tập và NCKH của SV [H9.09.04.09]. Trong đó, tổng số máy tính trang bị tại các phòng, khoa, trung tâm hiện nay là 139 bộ và tất cả các đơn vị đều được trang bị máy in để sử dụng [H9.09.04.10]. Mỗi CB, NV tại các phòng, khoa, trung tâm được trang bị máy tính để thực hiện hiệu quả công tác quản lý, thực thi công việc, đáp ứng yêu cầu của từng đơn vị; Trung tâm TT - TV có 25 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho SV [H9.09.04.11], [H9.09.04.12]. Ngoài ra, tất cả phòng học được trang bị máy chiếu để phục vụ công tác giảng dạy [H9.09.04.13].

Nhà trường sử dụng nhiều phần mềm có bản quyền, phục vụ các hoạt động quản lý, dạy - học và NCKH [H9.09.04.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tin học hóa công tác quản lý thông qua việc sử dụng các phần mềm chuyên dùng để QLĐT theo tín chỉ, quản lý CBVC, quản lý kế toán - tài chính [H9.09.04.15]. Ngoài ra, Nhà trường có hệ thống tường lửa ngăn chặn các mã nguồn độc hại từ Internet, nhờ vậy hệ thống máy tính của Nhà trường hoạt động thông suốt và ít bị tác động bởi các mã nguồn độc hại [H9.09.04.16]. Ngoài việc phục vụ công

tác đào tạo, các phòng máy tính có tính bảo mật cao phục vụ công tác thi KTHP, thi bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, sát hạch chứng chỉ nghề xây dựng, thi cấp chứng chỉ tin học ứng dụng và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ của SV, học viên [H9.09.04.17], [H9.09.04.18], [H9.09.04.19]. Các đơn vị, CBVC sử dụng địa chỉ email công vụ trong công tác chuyên môn, học tập và NCKH, giúp tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả công việc [H9.09.04.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định và thành lập Ban biên tập trang thông tin điện tử, chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin trên website Trường [H9.09.04.21]. Phòng QT&TB phân công NV có trách nhiệm quản lý và đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống mạng, máy tính, website của Nhà trường, đồng thời, sử dụng sổ theo dõi việc vận hành, bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm, mạng máy tính, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử,... [H9.09.04.11], [H9.09.04.22], [H9.09.04.23], [H9.09.04.24].

Hàng năm, Phòng QT&TB thực hiện báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị tin học, làm cơ sở cho việc đầu tư, nâng cấp, điều chuyển trang thiết bị của Nhà trường [H9.09.04.25], [H9.09.04.26]. Căn cứ vào yêu cầu của các đơn vị, Nhà trường triển khai các dự án tăng cường đầu tư trang thiết bị, thay thế và mua mới các thiết bị phục vụ công tác đào tạo, NCKH [H9.09.04.27], [H9.09.04.28], [H9.09.04.29], [H9.09.04.30]. Từ năm 2016 đến nay, Nhà trường đã thực hiện sửa chữa, thay thế nâng cấp những máy vi tính, máy chiếu,... để phục vụ tốt hoạt động dạy học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H9.09.04.11], [H9.09.04.31], [H9.09.04.32]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã đầu tư, bổ sung, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT của Trường [H9.09.04.06], [H9.09.04.33].

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của CBVC và SV về hiệu quả sử dụng các thiết bị tin học với kết quả các ý kiến đánh giá của CBVC và SV hài lòng về hệ thống CNTT hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý, dạy học và NCKH [H9.09.04.34]. Bên cạnh đó, ý kiến của CBVC tại Hội nghị CBVC hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại SV với BGH Nhà trường hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với hệ thống CNTT hỗ trợ hiệu quả

các hoạt động quản lý, dạy học và NCKH của Trường [H9.09.04.35], [H9.09.04.36].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ thiết bị tin học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, NCKH và hoạt động quản lý. Nhà trường sử dụng các phần mềm có bản quyền phục vụ hoạt động quản lý, dạy học và NCKH. Mạng wifi được phủ toàn bộ trong khuôn viên của Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí để bổ sung, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT.

3. Điểm tồn tại

Do hạn chế về nguồn tài chính nên việc đầu tư đồng bộ hệ thống CNTT của Nhà trường gặp khó khăn nhất định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường dành nguồn kinh phí đầu tư hệ thống CNTT và đề xuất Bộ Xây dựng tăng cường kinh phí đầu tư đồng bộ hệ thống CNTT cho Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn quan tâm xây dựng các quy định, chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc, học tập, giải trí và KTX nói chung và quan tâm đến nhu cầu của người khuyết tật [H9.09.05.01], [H9.09.05.02], [H9.09.05.03]. Hiện nay, Nhà trường hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đại Thành Đạt để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn trong Trường (24/24 giờ) [H9.09.05.04]. Nhà trường ban hành văn bản quy định chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của bộ phận chuyên trách công tác bảo vệ, trật tự, an toàn và an ninh của Trường; quy định về môi trường, cảnh quan, vệ sinh trường học, KTX; quy định về khám, chữa bệnh, sơ cứu ban đầu trong Nhà trường cũng như công tác an toàn vệ sinh thực phẩm trong căn tin, trong đó có nhu cầu của người khuyết tật [H9.09.05.05], [H9.09.05.06],

[H9.09.05.07], [H9.09.05.08], [H9.09.05.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các nội quy, quy định về an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy, chữa cháy tại các nhà làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà Giáo dục thể chất, KTX, nhà ăn, căn tin,... trong đó có nhu cầu của người khuyết tật [H9.09.05.10].

Nhà trường niêm yết công khai các quy định về nội quy, quy định của Nhà trường tại các phòng học và giảng đường, các quy định về sử dụng thư viện tại thư viện Trường, quy định sử dụng an toàn các thiết bị trong phòng thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm, thực hành để CBVC và SV thực hiện, trong đó có đề cập đến nhu cầu của người khuyết tật [H9.09.05.11], [H9.09.05.12], [H9.09.05.13]. Tại các khu nhà cao tầng, Nhà trường lắp đặt các biển chỉ dẫn lối thoát hiểm nhằm hướng dẫn CBVC, SV khi có sự cố [H9.09.05.12]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng hàng rào kiên cố bằng khung bê tông xung quanh Trường và lắp đặt camera giám sát ở nhiều địa điểm trọng yếu nhằm tạo điều kiện thuận lợi công tác bảo vệ an ninh trật tự [H9.09.05.13]. Nhà trường thường xuyên thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về các quy định về an toàn, an ninh, trật tự tới toàn thể CBVC và SV, trong đó có quan tâm đến nhu cầu của người khuyết tật [H9.09.05.14], [H9.09.05.15], [H9.09.05.16], [H9.09.05.17]. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học, Nhà trường phổ biến đến toàn thể SV các nội quy, quy định của Trường cũng như các quy định về an toàn, an ninh, trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe [H9.09.05.14]. Ngoài ra, Phòng CTCTSV tuyên truyền thông qua chương trình phát thanh vào mỗi buổi sáng thứ 2 hằng tuần, từ 6h30 đến 6h50 [H9.09.05.18]. Nhằm góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, Nhà trường đã thành lập Trung đội tự vệ cơ quan tổ chức trực đảm bảo các ngày lễ tết, khi có sự kiện đột xuất, xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác PCCC và thành lập đội tự quản KTX gồm các SV của Trường sẵn sàng hỗ trợ tổ bảo vệ khi có những tình huống bất thường xảy ra [H9.09.05.06], [H9.09.05.19]. Để đảm bảo công tác PCCC kịp thời và hiệu quả, Nhà trường đã thành lập Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ [H9.09.05.20]. Hệ thống thiết bị PCCC tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng làm

việc, KTX được trang bị đầy đủ và được lực lượng cảnh sát PCCC kiểm tra định kỳ [H9.09.05.21], [H9.09.05.22]. Nhằm luyện tập và thực hành các phương án PCCC, Nhà trường đã phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Vĩnh Long tổ chức diễn tập PCCC tại Trường [H9.09.05.23]. Nhằm triển khai hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong và bên ngoài khu vực Trường, Nhà trường chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự và quản lý SV ngoại trú, trong đó có quan tâm đến SV khuyết tật [H9.09.05.24], [H9.09.05.25]. Định kỳ, Nhà trường tổ chức họp về công tác quản lý SV nội, ngoại trú và có sự tham gia đóng góp ý kiến của chính quyền và công an địa phương để từ đó thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự của Trường nói chung và nâng cao hiệu quả quản lý SV nội, ngoại trú nói riêng [H9.09.05.24]. Nhà trường định kỳ tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe cho toàn thể CBVC, SV đầu khóa theo quy định để đảm bảo tốt quá trình công tác [H9.09.05.26], [H9.09.05.27], [H9.09.05.28]. Nhà trường phối hợp với tổ chức y tế để CBVC, SV tham gia hiến máu nhân đạo được tổ chức thường xuyên [H9.09.05.29]. Hằng năm, Nhà trường báo cáo tổng kết đánh giá việc tuyên truyền, thực hiện quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn, an ninh trật tự,... [H9.09.05.30], [H9.09.05.31], [H9.09.05.32]. Cho đến nay CBVC, SV được đảm bảo an toàn trong quá trình công tác và học tập. Nhà trường có không gian xanh, không khí trong lành, tất cả các con đường nội bộ trong trường đều trồng cây xanh 2 bên, nhiều vườn hoa phủ khắp sân trường [H9.09.05.33]. Thùng rác công cộng bố trí hợp lý, thuận tiện cho tất cả mọi người [H9.09.05.34], [H9.09.05.35]. Đảm bảo nhu cầu nước uống phục vụ cho CBVC, SV và tiết kiệm chi phí, năm 2020, Nhà trường đầu tư thiết bị công nghệ ngành cấp thoát nước để SV thực tập và đồng thời sản xuất nước tinh khiết để sử dụng nội bộ, đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định [H9.09.05.36]. Trong thiết kế CSVC, Nhà trường đã quan tâm đến các SV khuyết tật: lối đi vào các dãy nhà học, phòng thí nghiệm được thiết kế dốc, không có bậc thang,... [H9.09.05.37]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường không có SV khuyết tật nhưng vẫn luôn quan tâm và thiết kế lối đi dành cho

người khuyết tật.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của CBVC, SV về môi trường sư phạm, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật [H9.09.05.17], [H9.09.05.38], [H9.09.05.39]. Kết quả khảo sát ý kiến của CBVC, SV thể hiện mức độ hài lòng đối với môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật của Trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, bảo đảm môi trường và sức khỏe cho CBVC và SV, trong đó có quan tâm nhu cầu của người khuyết tật. Nhà trường triển khai thực hiện tốt các biện pháp quản lý nhằm bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, bảo đảm môi trường và sức khỏe cho CBVC và SV trong quá trình công tác và học tập. Nhà trường thực hiện phối hợp chặt chẽ với chính quyền, công an địa phương và y tế trong công tác bảo vệ tài sản, an ninh trật tự, an toàn, bảo đảm sức khỏe cho CBVC và SV. Trong những năm qua, tình hình an ninh trật tự trong khu vực Trường luôn được đảm bảo.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các đợt tập huấn PCCC cho toàn thể đội ngũ CBVC và SV chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức các đợt tập huấn, phổ biến các văn bản quy định về PCCC và thực hành công tác PCCC cho đội ngũ CBVC và SV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận Tiêu chuẩn 9

Nhà trường có hệ thống CSVC khang trang, hiện đại đáp ứng đầy đủ nhu cầu công tác đào tạo, NCKH của CBVC và SV. Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng học, hội trường, phòng thí nghiệm, thư viện, nhà giáo dục thể chất, KTX và các trang thiết bị, máy móc của Nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy học và NCKH theo quy mô đào tạo hiện tại và theo từng chuyên ngành đào tạo. Nhà trường đảm bảo đầy đủ hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm,

phòng thực hành,... Các phòng học được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đáp ứng được nhu cầu ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập. Các đơn vị Phòng, Khoa được bố trí phòng làm việc riêng với đầy đủ các trang thiết bị làm việc. Hệ thống CSVC, trang thiết bị, thiết bị thí nghiệm, thực hành được chú trọng đầu tư. Hệ thống CNTT của Nhà trường luôn được cải tạo, nâng cấp thường xuyên đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường phủ sóng wifi rộng khắp khuôn viên trường và CBVC, SV được sử dụng miễn phí. Nhà trường ban hành và triển khai thực hiện hệ thống văn bản quy định về bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, bảo đảm môi trường và sức khỏe cho CBVC và SV, trong đó có quan tâm nhu cầu của người khuyết tật. Công tác bảo vệ tài sản, đảm bảo trật tự, an toàn, PCCC, môi trường cảnh quan, sức khỏe luôn được quan tâm và tổ chức thực hiện hiệu quả.

Tuy nhiên, do những khó khăn nhất định về kinh phí nên việc tiến độ nâng cấp, cải tạo CSVC của Nhà trường còn chậm so với kế hoạch và việc đầu tư đồng bộ hệ thống CNTT của Nhà trường gặp khó khăn nhất định. Thư viện Nhà trường chưa triển khai liên kết với hệ thống thư viện của các trường ĐH quốc tế. Trong thời gian tới, qua công tác HTQT, Nhà trường chú trọng tăng cường liên kết với thư viện của các trường ĐH quốc tế nhằm đa dạng hóa cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu của CBVC và SV. Số lượng các đợt tập huấn PCCC cho toàn thể đội ngũ CBVC và SV chưa thường xuyên.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 9 đạt 5 tiêu chí, trong đó có 05 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một trường ĐH. Nhà trường và KXD tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững chung của ngành Xây dựng, đồng thời khẳng định là trung tâm NCKH có uy tín trong lĩnh vực xây dựng ở khu vực ĐBSCL cũng như cả nước, có năng lực hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng đào tạo gắn liền với việc đảm bảo, cải tiến chất lượng các yếu tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định là: con người, CTDH, CSVC, trang

thiết bị phục vụ cho đào tạo, NCKH, năng lực hội nhập quốc tế. Nhà trường, KXD triển khai nhiều hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng CTĐT và trong gần 45 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường, KXD đã khẳng định vị trí, uy tín trong công tác đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ. KXD đã đào tạo hàng vạn kỹ sư phục vụ cho ngành xây dựng cho khu vực ĐBSCL và cả nước.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Đảng ủy, BGH Nhà trường xác định mục tiêu xây dựng và cải tiến CTĐT đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện CSVC và đội ngũ của Nhà trường, đáp ứng nhu cầu của xã hội, nâng cao năng lực làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc ĐH là nhiệm vụ quan trọng [H10.10.01.01], [H10.10.01.02], [H10.10.01.03]. CTĐT, CTDH, CDR ngành KTXD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2015, 2017, 2019, 2020 theo kế hoạch của Nhà trường [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR được thực hiện theo quy trình cụ thể, trong đó khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, đối sánh với các trường trong nước và quốc tế là căn cứ quan trọng để thực hiện [H10.10.01.06], [H10.10.01.07], [H10.10.01.08], [H10.10.01.09], [H10.10.01.10], [H10.10.01.11], [H10.10.01.12]. CTĐT năm 2019 có bản mô tả CTĐT với đầy đủ nội dung, đề cương các học phần thể hiện rõ CDR, phương pháp kiểm tra đánh giá [H10.10.01.13], [H10.10.01.14]. Năm 2016, CDR về ngoại ngữ đối với SV ĐH phải đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 (B1) theo khung tham chiếu ngoại ngữ chung châu Âu và tương đương [H10.10.01.15]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.01.16]. Theo đó, Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị lấy ý kiến các bên có liên quan [H10.10.01.17]. Hằng năm, Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT [H10.10.01.18], [H10.10.01.19], [H10.10.01.20]. Bên cạnh đó, tại các hội nghị, hội thảo do Nhà

trường và Khoa tổ chức, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của các đại biểu tham dự, trong đó có các nhà tuyển dụng về CTĐT nói chung và CTĐT ngành KTXD nói riêng [H10.10.01.11], [H10.10.01.21].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT được gửi đến các đơn vị, đặc biệt là các Khoa để sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.22], [H10.10.01.23]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTĐT ngành KTXD cho thấy: GV đánh giá CTĐT có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống và cập nhật; CDR phù hợp với yêu cầu xã hội; người học nắm rõ ràng về CTĐT, CDR; người học đã tốt nghiệp đánh giá CTĐT được xây dựng với các học phần có tính hỗ trợ lẫn nhau; nhà tuyển dụng hài lòng với CTĐT, mục tiêu của CTĐT rõ ràng, cấu trúc CTĐT hợp lý, khối lượng kiến thức đáp ứng được yêu cầu công việc [H10.10.01.18], [H10.10.01.19], [H10.10.01.20]. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV năm cuối về CTĐT ngành KTXD [H10.10.01.19]. Các hoạt động thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về CTĐT ngành KTXD được thực hiện thông qua hội thảo giới thiệu việc làm, hội nghị, hội thảo chuyên môn,... [H10.10.01.21]. Ý kiến phản hồi của các bên liên quan được KXD sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT, phù hợp với yêu cầu của xã hội [H10.10.01.22], [H10.10.01.24], [H10.10.01.25], [H10.10.01.26], [H10.10.01.27].

2. Điểm mạnh

Trong văn bản quy định của Nhà trường ban hành về xây dựng CTĐT, CDR và ĐCCT học phần có quy định cụ thể yêu cầu về việc thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các bên liên quan khi thiết kế, rà soát, điều chỉnh CTĐT. Nhà trường xây dựng và triển khai hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTĐT và phản hồi từ các bên liên quan. Nhà trường, KXD tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh CTĐT của ngành KTXD.

3. Điểm tồn tại

Số lượng nhà tuyển dụng phản hồi ý kiến khảo sát về CTĐT còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Phòng CTCTSV, KXD thường xuyên liên hệ nhà tuyển dụng nhằm tăng cường số lượng nhà tuyển dụng phản hồi ý kiến khảo sát về CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

CTDH được thiết kế theo khung CTĐT các ngành trình độ ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành nên có những đặc điểm tương đối giống nhau. Năm 2010, Bộ GD&ĐT ban hành công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2010 chỉ đạo các cơ sở giáo dục ĐH xây dựng CĐR đối với các ngành đào tạo của mỗi cơ sở giáo dục [H10.10.02.01]. Hiện nay, việc xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ GD&ĐT. Trong quy định xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, CĐR và ĐCCT học phần thể hiện quy trình thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.02]. Nhà trường gửi quy định xây dựng CTĐT, CĐR và ĐCCT học phần; các bước rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH, hình thức đào tạo chính quy tại Trường ĐHXDMT đến các đơn vị để thực hiện [H10.10.02.03]. Bên cạnh đó, quy định xây dựng CTĐT, CĐR và ĐCCT học phần; các bước rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH, hình thức đào tạo chính quy tại Trường ĐHXDMT được đăng tải trên website của Trường và của Phòng QLĐT, niêm yết trong sổ tay GV, sổ tay CTĐT [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06], [H10.10.02.07].

Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát quy trình thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.08]. Trong kế hoạch rà soát quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị, đặc biệt là các Khoa để rà soát quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Các Khoa tổ chức họp để lấy ý kiến của GV về quy trình thiết kế và phát triển CTDH và gửi tổng hợp ý kiến về Phòng QLĐT. Trên cơ sở đó, Phòng QLĐT điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH, thông qua Hội

đồng KH&ĐT và trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành [H10.10.02.08].

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được thể hiện trong quy định xây dựng CTĐT, CDR và ĐCCT học phần do Nhà trường ban hành năm 2016 và theo các bước rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH, hình thức đào tạo chính quy tại Trường ĐHXDĐT được ban hành năm 2018 đã có những điều chỉnh cho phù hợp với Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ GD&ĐT ban hành và tiếp thu ý kiến của các Khoa, của GV [H10.10.02.02]. Theo đó, trong quá trình điều chỉnh CTDH bắt buộc phải tham khảo CTĐT tương đồng của các trường ĐH có uy tín trong nước và quốc tế [H10.10.02.09]. Trên cơ sở đó, KXD triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT vào năm 2020 theo kế hoạch của Nhà trường [H10.10.02.10], [H10.10.02.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH cho phù hợp với văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và dựa trên ý kiến góp ý của các Khoa và của GV. Nhà trường ban hành quy định điều chỉnh về quy trình thiết kế và phát triển CTDH và triển khai trong rà soát, điều chỉnh CTĐT của Trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để có thêm cơ sở điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trong quy định chế độ công tác GV, quyết định sửa đổi, bổ sung một số

điều của quy định chế độ công tác GV có quy định cụ thể nhiệm vụ của GV về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.03.01]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng QLĐT, của Phòng KT&ĐBCL và của các Khoa luôn có các nội dung thực hiện rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR [H10.10.03.02], [H10.10.03.03], [H10.10.03.04] [H10.10.03.05]. Trên cơ sở đó, Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL, các Khoa triển khai rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR [H10.10.03.06], [H10.10.03.07], [H10.10.03.08], [H10.10.03.09], [H10.10.03.10], [H10.10.03.11]. Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL, các Khoa căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường ban hành về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT; quy định về học vụ; quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV để rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR [H10.10.03.12], [H10.10.03.13], [H10.10.03.14], [H10.10.03.15], [H10.10.03.16], [H10.10.03.17].

Nhà trường, KXD thường xuyên tổ chức các hội nghị tổng kết công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ, hội thảo chuyên đề, bồi dưỡng, tập huấn về đổi mới PPGD, đánh giá theo năng lực [H10.10.03.18], [H10.10.03.19] [H10.10.03.20], [H10.10.03.21]. Trên cơ sở đó, KXD thảo luận và xác định các PPGD phù hợp nhằm đạt được CĐR [H10.10.03.22]. GV KXD tích cực áp dụng các PPGD tích cực như: thuyết trình kết hợp với trình chiếu, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận và làm việc nhóm,... giúp SV chủ động trong quá trình học tập, hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời nhằm đạt được CĐR đã xác định [H10.10.03.23]. Kết quả hoạt động dạy học được thể

hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và các đơn vị [H10.10.03.24], [H10.10.03.25]. Phòng KT&ĐBCL thường xuyên thực hiện kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy định giờ giấc lên lớp của GV, từ đó phát hiện các trường hợp vi phạm, báo cáo lãnh đạo Trường, kịp thời điều chỉnh, đảm bảo hiệu quả công tác giảng dạy [H10.10.03.08] , [H10.10.03.26]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi SV về hoạt động giảng dạy của GV và chất lượng CTĐT [H10.10.03.27], [H10.10.03.28], [H10.10.03.29]. Kết quả khảo sát việc đánh giá của SV về hoạt động giảng dạy của GV cho thấy: đa số GV thiết kế bài giảng và tổ chức hoạt động giảng dạy trên lớp một cách chủ động, tự tin; GV giải thích các vấn đề chặt chẽ, rõ ràng, dễ hiểu, giúp SV nắm vững nội dung bài học; GV liên hệ nội dung bài học với thực tiễn đời sống, tổ chức, hướng dẫn SV về cơ hội học tập và giao lưu để phát huy khả năng bản thân; hình thức và nội dung đánh giá của GV khuyến khích phát triển tính tích cực, sáng tạo của SV trong việc vận dụng kiến thức đã học. Ngoài ra, nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, KXD tiến hành nhiều hình thức khác nhau như: hội thi tiết giảng tốt, kiểm tra hoạt động giảng dạy, lên lớp, đánh giá năng lực GV, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV hằng tháng, hằng năm,... [H10.10.03.26], [H10.10.03.30], [H10.10.03.31], [H10.10.03.32]. Sau từng học kỳ, Phòng KT&ĐBCL thực hiện tổng hợp, phân tích kết quả thi KTHP của SV đối với từng học phần cũng như sự phù hợp của từng hình thức thi, kiểm tra đánh giá đối với học phần, trên cơ sở đó có các điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp [H10.10.03.33], [H10.10.03.34], [H10.10.03.35], [H10.10.03.36]. Ngoài ra, kết quả rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR được thể hiện báo cáo Hội nghị CBVC hằng năm của Nhà trường, Công đoàn bộ phận Đào tạo, Công đoàn bộ phận KXD [H10.10.03.37], [H10.10.03.38].

2. Điểm mạnh

Trong các văn bản quy định về học vụ, về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học và kế hoạch năm học của Nhà trường có quy định, triển

khai rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR. Nhà trường và các đơn vị triển khai rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR. GV Nhà trường áp dụng đa dạng các PPGD, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích với CDR.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đánh giá đồng nghiệp chưa được triển khai thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường triển khai đánh giá đồng nghiệp đối với đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Đảng ủy, BGH Nhà trường xác định hoạt động KH&CN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của khu vực ĐBSCL và cả nước [H10.10.04.01], [H10.10.04.02], [H10.10.04.03], [H10.10.04.04]. Trong Kế hoạch phát triển KHCN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, kế hoạch phát triển hoạt động KH&CN trung hạn của Nhà trường, kế hoạch hoạt động KH&CN hằng năm của Nhà trường luôn tập trung đẩy mạnh hoạt động KH&CN, đặc biệt là áp dụng các sản phẩm đề tài NCKH vào quá trình đào tạo [H10.10.04.05]. Trong quy định về quản lý KH&CN của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về việc áp dụng sản phẩm đề tài NCKH vào thực tiễn, trong đó phục vụ hoạt động dạy học [H10.10.04.06]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, GV Nhà trường, KXD đã thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp, trong đó có các đề tài NCKH liên quan đến

hoạt động dạy học [H10.10.04.07], [H10.10.04.08], [H10.10.04.09].

Các đề tài NCKH sau khi nghiệm thu được sử dụng làm tài liệu học tập, tham khảo và phục vụ công tác giảng dạy theo đúng quy định [H10.10.04.10]. GV KXD đã áp dụng sản phẩm các đề tài NCKH để giảng dạy các học phần [H10.10.04.11], [H10.10.04.12]. Kết quả hoạt động NCKH của GV nói chung và việc áp dụng sản phẩm đề tài NCKH vào giảng dạy được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng KH&HTQT và của các Khoa, trong đó có KXD [H10.10.04.13], [H10.10.04.14], [H10.10.04.15].

Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường và KXD tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học với mục đích trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm áp dụng các sản phẩm NCKH vào quá trình đào tạo như: hội thảo thiết kế bền vững - bài học từ nhà dân ở dân gian Việt Nam vào mô hình căn hộ cao tầng; hội thảo PPGD ĐH tích cực trên thế giới; hội thảo chuyên đề nền móng công trình; hội thảo công nghệ nền móng mới; hội thảo “INTOC- giải pháp chống thấm Made in Viet Nam”; hội nghị KH&CN các giải pháp xây dựng công trình khu vực ĐBSCL; hội thảo “Tăng cường sản xuất và sử dụng hiệu quả vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long”; hội thảo chuyên đề phương pháp đo bóc khối lượng và lập tiến độ thi công trong ngành xây dựng; hội thảo Việt Nam - Nhật bản về thảm họa thiên nhiên; hội thảo Nâng cao tuổi thọ công trình và gia cố kết cấu của Nhật Bản; hội thảo ảnh hưởng của xâm nhập mặn, triều cường, điều kiện địa chất, môi trường khí hậu đến tuổi thọ công trình tại ĐBSCL; hội thảo cấu kiện bê tông lắp ghép và tấm tường bê tông đúc sẵn theo công nghệ đúc ép;... Bên cạnh đó, Nhà trường, KXD tổ chức tọa đàm ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong xây dựng; tọa đàm nâng cao kỹ năng NCKH trong Trường ĐHXĐMT; báo cáo “Ứng dụng thông minh nhân tạo và công nghệ số hóa trong ngành kỹ thuật, quản lý xây dựng và trong chương trình giáo dục K-12”;... Ngoài ra, tại các buổi sinh hoạt chuyên môn của KXD, GV của Khoa báo cáo, chia sẻ các sáng kiến, kinh nghiệm và vận dụng cải thiện hoạt động giảng dạy cũng như học tập của SV [H10.10.04.16], [H10.10.04.17], [H10.10.04.18], [H10.10.04.19]. Nhà trường, KXD và GV KXD nhận được nhiều hình thức

khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong NCKH [H10.10.04.20], [H10.10.04.21], [H10.10.04.22], [H10.10.04.23].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tạo điều kiện tốt nhất cho GV và SV KXD tích cực tham gia NCKH, áp dụng các kết quả đề tài để cải tiến việc dạy và học. Trong giai đoạn 2015 - 2020, GV Nhà trường đã thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp, trong đó có các đề tài NCKH liên quan đến hoạt động dạy học. GV KXD đã áp dụng thực hiện các đề tài NCKH các cấp trong hoạt động dạy học. Nhà trường và KXD tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học với mục đích trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm áp dụng các sản phẩm NCKH vào quá trình đào tạo. Nhà trường, KXD và GV KXD được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong NCKH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các đề tài NCKH cấp Tỉnh trở lên còn hạn chế và chưa tương xứng với năng lực của GV KXD.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường chính sách động viên, khuyến khích, đầu tư cho GV KXD thực hiện các đề tài, dự án cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Đảng ủy, BGH Nhà trường xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) ảnh hưởng lớn đến chất lượng hoạt động dạy - học và NCKH và đảm bảo, nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích luôn là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường [H10.10.05.01], [H10.10.05.02], [H10.10.05.03]. Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và triển khai thực

hiện [H10.10.05.04], [H10.10.05.05], [H10.10.05.06], [H10.10.05.07], [H10.10.05.08], [H10.10.05.09]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.05.10]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.11], [H10.10.05.12], [H10.10.05.13], [H10.10.05.14].

Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.10]. Theo đó, Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường được báo cáo BGH và gửi đến các đơn vị để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.05.11], [H10.10.05.12], [H10.10.05.13], [H10.10.05.14], [H10.10.05.15], [H10.10.05.16].

Nhà trường và các đơn vị căn cứ kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.16], [H10.10.05.17], [H10.10.05.18], [H10.10.05.19]. Kế hoạch cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong kết luận các cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường, của các đơn vị [H10.10.05.20], [H10.10.05.21], [H10.10.05.22], [H10.10.05.23]. Nhà trường dành kinh phí hằng năm chi cho việc triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ

khác của Trường [H10.10.05.24], [H10.10.05.25], [H10.10.05.26]. Nhà trường thành lập Trung tâm TNXD&MT, mã số LAS - XD 1233, trên cơ sở nâng cấp từ Bộ môn thí nghiệm vật liệu xây dựng, thuộc KXD, có chức năng tổ chức hướng dẫn, giảng dạy học phần về thí nghiệm vật liệu xây dựng, thực tập địa chất công trình, tổ chức NCKH và thực hiện các hoạt động khác [H10.10.05.27], [H10.10.05.28]. Trung tâm TNXD&MT bố trí khu thực hành, thí nghiệm riêng cho KXD, với các trang thiết bị đầy đủ và hiện đại, hỗ trợ hiệu quả công tác đào tạo và NCKH của Khoa [H10.10.05.29]. Trung tâm TT - TV của Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của CBVC và SV [H10.10.05.30]. Nguồn tài liệu được cập nhật, bổ sung hằng năm đảm bảo phục vụ cho ngành KTXD [H10.10.05.31], [H10.10.05.32], [H10.10.05.33]. Nhà trường sử dụng các đường truyền cáp quang để cung cấp dịch vụ Internet cho tất cả các đơn vị, hội trường, phòng máy tính, cổng thông tin điện tử, phủ sóng wifi toàn trường,... và 01 đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website, thư viện điện tử, các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH [H10.10.05.34], [H10.10.05.35]. Bên cạnh hệ thống CNTT, Nhà trường thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho các dịch vụ hỗ trợ khác đáp ứng nhu cầu của GV, SV như: KTX, căn tin, nhà rửa xe SV, nhà giáo dục thể chất, sân tennis, phòng gym,... [H10.10.05.36], [H10.10.05.37]. Nhà trường miễn phí KTX cho GV, SV làm việc và học tập tại Trường [H10.10.05.38], [H10.10.05.39]. Căn tin Nhà trường đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, thoáng mát, giá cả công khai, niêm yết và hợp lý [H10.10.05.40]. Nhà rửa xe SV do ĐTN quản lý với giá dịch vụ ưu đãi [H10.10.05.41]. Nhà trường miễn phí cho CBVC, SV khi tham gia tập luyện TDDT tại nhà giáo dục thể chất, sân tennis, phòng gym,... [H10.10.05.38]. Kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H10.10.05.16], [H10.10.05.42]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư

viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.11], [H10.10.05.13], [H10.10.05.14], [H10.10.05.43].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và hằng năm triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV, Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Trong giai đoạn 2015 - 2020, kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính ở phòng đọc của Trung tâm TT-TV có cấu hình còn hạn chế nên việc truy cập, xử lý dữ liệu của bạn đọc chưa nhanh chóng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường dành nguồn kinh phí đầu tư hệ thống CNTT và Nhà trường đã xây dựng dự án trình Bộ Xây dựng xây dựng trung tâm thông tin thư viện hiện đại của khu vực ĐBSCL.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và triển khai thực hiện [H10.10.06.01], [H10.10.06.02], [H10.10.06.03], [H10.10.06.04], [H10.10.06.05], [H10.10.06.06]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.07]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên

liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.06.08], [H10.10.06.09], [H10.10.06.10], [H10.10.06.11]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được báo cáo BGH và gửi đến các đơn vị để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.06.08], [H10.10.06.09], [H10.10.06.10], [H10.10.06.11], [H10.10.06.12], [H10.10.06.13].

Năm 2020, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.14], [H10.10.06.15], [H10.10.06.16]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị rà soát, điều chỉnh quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.07]. Trên cơ sở đó, Phòng KT&ĐBCL họp với các đơn vị để tiếp thu ý kiến góp ý về quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó tập trung ở cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.17], [H10.10.06.18]. Trên cơ sở đó, Phòng KT&ĐBCL trình Hiệu trưởng ký ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh, trong đó điều chỉnh cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.19].

Nhà trường gửi quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh, trong đó điều chỉnh cơ chế phản hồi của các bên liên quan đến các đơn vị để thực hiện [H10.10.06.20], [H10.10.06.21], [H10.10.06.22]. Trong quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh, trong đó có bổ sung nội dung yêu cầu các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để xây dựng kế hoạch cải tiến, đồng thời giao trách nhiệm cho Phòng KT&ĐBCL giám sát việc thực hiện cải tiến của các đơn vị dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan [H10.10.06.23], [H10.10.06.24].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có quy định cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Năm 2020,

Nhà trường rà soát, điều chỉnh quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó điều chỉnh cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Nhà trường bổ sung nội dung yêu cầu các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để xây dựng kế hoạch cải tiến, đồng thời giao trách nhiệm cho Phòng KT&ĐBCL giám sát việc thực hiện cải tiến của các đơn vị dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức đánh giá kết quả cải tiến chất lượng dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá kết quả cải tiến chất lượng dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 10

Nhà trường ban hành các văn bản quy định về xây dựng CTĐT, CĐR và ĐCCT học phần, trong đó quy định cụ thể yêu cầu về việc thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các bên liên quan khi thiết kế, rà soát, điều chỉnh CTDH. Nhà trường xây dựng và triển khai hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan. Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH cho phù hợp với văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và dựa trên ý kiến góp ý của các Khoa và của GV. Nhà trường và các đơn vị triển khai rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR. GV Nhà trường áp dụng đa dạng các PPGD, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích với CĐR. Nhà trường đã tạo điều kiện tốt nhất cho GV và SV KXD tích cực tham gia NCKH, áp dụng các kết quả đề tài để cải tiến việc dạy và học. Trong giai đoạn 2015 - 2020, GV Nhà trường đã thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp, trong đó có các đề tài NCKH liên quan đến hoạt

động dạy học. GV KXD đã áp dụng thực hiện các đề tài NCKH các cấp trong hoạt động dạy học. Nhà trường và KXD tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học với mục đích trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm áp dụng các sản phẩm NCKH vào quá trình đào tạo. Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và hằng năm triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Năm 2020, Nhà trường rà soát, điều chỉnh quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó điều chỉnh cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Số lượng nhà tuyển dụng phản hồi ý kiến khảo sát về CTĐT còn ít. Số lượng các đề tài NCKH cấp Tỉnh trở lên còn hạn chế và chưa tương xứng với năng lực của GV KXD. Do hạn chế về nguồn tài chính nên việc triển khai cải tiến chất lượng hệ thống CNTT chưa được đồng bộ. Nhà trường chưa tổ chức đánh giá kết quả cải tiến chất lượng dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 10 đạt 06 tiêu chí, trong đó có 06 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra có vai trò quan trọng, phản ánh chất lượng đào tạo của Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường, KXD thực hiện giám sát việc đạt CDR của SV, thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian hoàn thành CTĐT, tỷ lệ SV thôi học, số lượng SV tốt nghiệp có việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với SV đã tốt nghiệp. Nhà trường ban hành các quy định, chính sách, hướng dẫn, khuyến khích SV NCKH, đảm bảo phù hợp với CDR của ngành

KTXD. Nhà trường xây dựng hệ thống thu thập, phân tích, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan và sử dụng để điều chỉnh, cải tiến CTĐT cũng như các hoạt động khác của Nhà trường.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong CTĐT ngành KTXD xác định thời gian hoàn thành CTĐT là 04 năm và thời gian tối đa để người học hoàn thành CTĐT là 08 năm [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Hằng năm, Phòng QLĐT sử dụng phần mềm QLĐT để thống kê tỷ lệ tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành KTXD và dự kiến tỷ lệ tốt nghiệp của ngành KTXD [H11.11.01.03], [H11.11.01.04], [H11.11.01.05], [H11.11.01.06], [H11.11.01.07], [H11.11.01.08], [H11.11.01.09]. Phòng QLĐT dự kiến tỷ lệ tốt nghiệp của các ngành, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị và thể hiện trong kế hoạch đào tạo năm học của Trường [H11.11.01.04], [H11.11.01.10], [H11.11.01.11].

Nhà trường phân công Phòng QLĐT chủ trì việc theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, đồng thời xây dựng CSDL về thời gian tốt nghiệp trung bình bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn, số người học thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm [H11.11.01.12], [H11.11.01.13], [H11.11.01.14], [H11.11.01.15], [H11.11.01.16], [H11.11.01.17]. Phòng QLĐT sử dụng công thông tin đào tạo để thống kê, theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Ngoài ra, đội ngũ CVHT của KXD được giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của CTĐT ngành KTXD học đối với SV của lớp được phân công phụ trách [H11.11.01.18], [H11.11.01.19], [H11.11.01.20], [H11.11.01.21]. Sau khi kết thúc học kỳ, Nhà trường thực hiện xét học vụ theo quy định nhằm đánh giá kết quả học tập của SV trong học kỳ vừa qua [H11.11.01.05]. Số lượng SV bị cảnh báo kết quả học tập, bị buộc thôi học của ngành KTXD thấp và tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn đối với ngành KTXD

cao.

Căn cứ kết quả thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các CTĐT, Phòng QLĐT đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT so với tỷ lệ đã được dự đoán trong kế hoạch năm học, đồng thời đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT của năm học so với năm học trước cũng như giữa các CTĐT [H11.11.01.22], [H11.11.01.23]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Phòng QLĐT thực hiện báo cáo thống kê, theo dõi, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của các CTĐT, được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng QLĐT, của KXD [H11.11.01.24], [H11.11.01.25], [H11.11.01.26]. Trong các nghị quyết hằng năm của Đảng ủy, kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng QLĐT và các đơn vị, của KXD luôn có các nội dung cần thực hiện nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học [H11.11.01.10], [H11.11.01.27], [H11.11.01.28], [H11.11.01.29], [H11.11.01.30]. Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm tạo điều kiện thuận lợi để SV học tập tốt [H11.11.01.31], [H11.11.01.32], [H11.11.01.33]. Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng điều chỉnh CTĐT, yêu cầu GV đổi mới PPGD, áp dụng các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của SV,... [H11.11.01.34], [H11.11.01.35]. Nhà trường áp dụng nhiều hình thức hỗ trợ SV, chú trọng trang bị các kỹ năng mềm để SV tự tin, tích cực học tập [H11.11.01.36], [H11.11.01.37], [H11.11.01.38], [H11.11.01.39], [H11.11.01.40], [H11.11.01.41]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, trong các hoạt động tham quan, thực tập thực tế, thực tập tốt nghiệp để hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và trong việc tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp cũng như công việc bán thời gian nhằm tạo động lực để SV tích cực học tập [H11.11.01.37], [H11.11.01.42], [H11.11.01.43]. Với việc áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng, tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành KTXD tăng lên và tỷ lệ thôi học giảm dần qua từng năm [H11.11.01.03], [H11.11.01.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xác định tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các ngành, trong

đó có ngành KTXD và thể hiện trong kế hoạch đào tạo năm học của Trường. Nhà trường giám sát, phân tích tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các ngành và trên cơ sở đó, áp dụng các biện pháp nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học của SV. Với việc áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng, tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành KTXD tăng lên và tỷ lệ thôi học giảm dần qua từng năm.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp CVHT có chuyên môn không đúng ngành xây dựng nên gặp khó khăn trong công tác tư vấn học tập cho SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường phân công CVHT có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Các CTĐT ĐH theo học chế tín chỉ của Nhà trường được bắt đầu áp dụng từ năm học 2012 - 2013 [H11.11.02.01], [H11.11.02.02]. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường, KXD đã tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như ý kiến phản hồi của các liên quan, trong đó, CTĐT có thay đổi về khối lượng học tập của SV trong toàn khóa học [H11.11.02.03], [H11.11.02.04], [H11.11.02.05], [H11.11.02.06], [H11.11.02.07], [H11.11.02.08]. Sau lần rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019, khối lượng CTĐT ngành KTXD có sự thay đổi rõ nét, trong đó SV ngành KTXD phải hoàn thành 136 tín chỉ trong 4 năm (8 học kỳ chính, thời gian khóa học quy định) với thời gian cho phép hoàn thành CTĐT tối đa là 8 năm [H11.11.02.01], [H11.11.02.02], [H11.11.02.09]. Hằng năm, Phòng QLĐT thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các CTĐT, trong đó có CTĐT SV ngành KTXD [H11.11.02.10]. Phòng QLĐT dự kiến tốt nghiệp trung bình của các ngành, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị và thể hiện trong kế hoạch đào tạo năm học của Trường [H11.11.02.11],

[H11.11.02.12], [H11.11.02.13].

Nhà trường quản lý học tập của SV thông qua công thông tin đào tạo và các hồ sơ lưu trữ kết quả học tập (bảng điểm, sổ cấp phát văn bằng,...) [H11.11.02.14]. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành xét học vụ nhằm đánh giá kết quả học tập của SV trong học kỳ vừa qua [H11.11.02.15]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCTSV tìm hiểu, báo cáo nguyên nhân SV bị cảnh báo học vụ, thôi học [H11.11.02.16], [H11.11.02.17]; các Khoa phân tích, đánh giá chất lượng học tập của SV, từ đó tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục kết quả học tập yếu kém của SV [H11.11.02.16], [H11.11.02.18]; Phòng KT&ĐBCL rà soát, bổ sung ngân hàng đề thi [H11.11.02.19], [H11.11.02.20], [H11.11.02.21], [H11.11.02.22], [H11.11.02.23], [H11.11.02.24], [H11.11.02.25]; Phòng QLĐT mở các lớp cải thiện để SV đăng ký [H11.11.02.26], [H11.11.02.27]. Nhà trường thành lập tổ giám sát thời gian tốt nghiệp của SV theo các quy định, quy trình cụ thể [H11.11.02.28], [H11.11.02.29], [H11.11.02.30]. Kết quả giám sát của tổ giám sát cho thấy đa số SV tốt nghiệp đúng hạn, số lượng SV chậm tốt nghiệp chiếm tỷ lệ thấp [H11.11.02.10], [H11.11.02.31], [H11.11.02.32]. Ngoài ra, Phòng CTCTSV, KXD thực hiện sổ tay CVHT theo dõi, hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.33], [H11.11.02.34].

Phòng CTCTSV đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành KTXD giữa các khóa đào tạo, giữa thời gian tốt nghiệp trung bình thực tế so với thời gian dự kiến đã xác định trong kế hoạch đào tạo năm học [H11.11.02.35], [H11.11.02.36]. Trên cơ sở đó, Nhà trường, KXD áp dụng nhiều biện pháp nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp của SV ngành KTXD như: tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm tạo điều kiện thuận lợi để SV học tập tốt; rà soát, điều chỉnh CTĐT; triển khai để GV đổi mới PPGD, áp dụng các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của SV,... [H11.11.02.37], [H11.11.02.38], [H11.11.02.39]. Nhà trường áp dụng nhiều hình thức hỗ trợ SV, chú trọng trang bị các kỹ năng mềm để SV tự tin, tích cực học tập [H11.11.02.40], [H11.11.02.41], [H11.11.02.42], [H11.11.02.43],

[H11.11.02.44], [H11.11.02.45]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, trong các hoạt động tham quan, thực tập thực tế, thực tập tốt nghiệp để hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và trong việc tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp cũng như công việc bán thời gian nhằm tạo động lực để SV tích cực học tập [H11.11.02.46], [H11.11.02.47].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xác định thời gian tốt nghiệp trung bình dự kiến của các ngành, trong đó có ngành KTXD và thể hiện trong kế hoạch đào tạo năm học của Trường. Nhà trường giám sát, phân tích thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành và trên cơ sở đó, áp dụng các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành KTXD.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp một số SV không được công nhận tốt nghiệp đúng thời gian quy định do thiếu các chứng chỉ điều kiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường công tác giám sát, tư vấn, tổ chức các lớp bồi dưỡng để SV đạt các CDR ngoại ngữ, tin học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Đảng ủy, BGH Nhà trường đặc biệt quan tâm tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp: thời gian có việc làm, đúng chuyên ngành đào tạo, mức thu nhập, môi trường làm việc,... [H11.011.03.01], [H11.011.03.02], [H11.011.03.03]. Nhà trường phân công Phòng CTCTSV nhiệm vụ theo dõi, liên hệ, hỗ trợ SV tốt nghiệp, đồng thời ghi nhận những ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường [H11.011.03.04]. Ngoài ra, Phòng CTCTSV là đơn vị soạn thảo biểu mẫu khảo sát, khảo sát và xử lý kết quả khảo sát tình hình việc làm [H11.011.03.05].

Hàng năm, Phòng CTCTSV thực hiện khảo sát tình hình việc làm SV sau

khi tốt nghiệp, qua đó cho thấy đa số SV có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp, với mức thu nhập cơ bản ổn định [H11.011.03.05]. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp có những đóng góp ý kiến hữu ích phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Các kết quả khảo sát cho thấy đa số SV ngành KTXD có việc làm nhanh chóng sau khi tốt nghiệp và đúng với chuyên ngành đào tạo. Nhà tuyển dụng hài lòng với kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành KTXD [H11.011.03.06]. Bên cạnh đó, nhà tuyển dụng, đặc biệt nhà tuyển dụng là cựu SV thường xuyên kết nối, hỗ trợ Nhà trường trong quá trình đào tạo bằng nhiều hình thức: tiếp nhận SV thực tập, tư vấn, giới thiệu việc làm, cấp học bổng cho SV, tham gia các hội thảo, hội nghị để đóng góp ý kiến cho Nhà trường về chất lượng SV tốt nghiệp, CTĐT,... [H11.011.03.07]

T T	Năm tốt nghiệp	Số SV đã tốt nghiệp	Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành ĐT	Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành ĐT
			> 6 tháng	
1	2017	215	93,5%	6,5%
2	2018	404	97,7%	2,3%
3	2019	389	98,2%	1,8%

Bảng 11.1. Thống kê tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp

Hằng năm, Phòng CTCTSV đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp so với tỷ lệ dự kiến được xác định trong kế hoạch đào tạo, đồng thời đối sánh giữa các CTĐT và tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp so với năm trước [H11.11.03.08], [H11.011.03.09], [H11.011.03.10]. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV ngành KTXD có việc làm sau tốt nghiệp giữa các khóa đào tạo cũng như với các trường ĐH khác cho thấy hằng năm đa số SV Nhà trường nhanh tìm được việc làm phù hợp sau tốt nghiệp, trên 90% SV tốt nghiệp có việc làm sau 6 tháng cao hơn các trường khác. Ngoài ra, kết quả về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, Phòng CTCTSV [H11.011.03.11], [H11.011.03.12].

Hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để thảo luận,

phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục; thực hiện các phương án hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm [H11.011.03.13]. Trên cơ sở đó, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp như: triển khai đổi mới hoạt động giảng dạy, điều chỉnh CTĐT, tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng, dự đoán xu thế việc làm,... [H11.11.03.14], [H11.011.03.15], [H11.011.03.16], [H11.11.03.17]. Bên cạnh đó, Phòng CTCTSV, KXD triển khai sổ tay CVHT tư vấn, hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm [H11.011.03.18], [H11.011.03.19]. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm phù hợp cho SV, tổ chức ngày hội việc làm, thường xuyên hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp chưa có việc làm [H11.11.03.20], [H11.11.03.21], [H11.11.03.22], [H11.11.03.23], [H11.11.03.24].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị tham gia theo dõi, liên hệ, hỗ trợ SV tốt nghiệp. Trên 90% SV ngành KTXD có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp, trên 95% SV tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng, đáp ứng thị trường lao động theo yêu cầu của xã hội. Nhà trường, KXD áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Một số SV tốt nghiệp chưa nhiệt tình hỗ trợ Nhà trường trong công tác thu thập thông tin việc làm sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, vận động SV, SV tốt nghiệp tích cực hỗ trợ Trường xây dựng cơ sở dữ liệu về SV tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường, KXD xác định hoạt động KH&CN là một trong các nhiệm vụ

chính, có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước [H11.011.04.01], [H11.011.04.02], [H11.011.04.03], [H11.011.04.04]. Nhà trường ban hành quy định về hoạt động NCKH của SV trường ĐHXDMT và kế hoạch NCKH hằng năm làm cơ sở cho SV thực hiện [H11.11.04.05], [H11.11.04.06], [H11.11.04.07]. Trong đó, các hoạt động NCKH của SV nhằm đáp ứng mục tiêu: hình thành và phát triển năng lực NCKH cho SV; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao; đổi mới phương pháp dạy học, thay đổi quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, tạo điều kiện cho SV làm quen, tiếp cận với công tác NCKH, phát huy khả năng sáng tạo, độc lập trong tư duy. Trong kế hoạch phát triển KH&CN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, kế hoạch phát triển hoạt động KH&CN trung hạn của Nhà trường, kế hoạch hoạt động KH&CN hằng năm của Nhà trường có xác định loại hình và khối lượng nghiên cứu của SV [H11.11.04.04], [H11.11.04.07], [H11.11.04.08]. Bên cạnh đó, trong quy định về hoạt động NCKH của SV trong trường ĐHXDMT xác định loại hình và khối lượng nghiên cứu của SV thực hiện [H11.11.04.06]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị SV NCKH, trong đó quy định cụ thể về loại hình nghiên cứu và động viên SV toàn trường tham gia [H11.11.04.09]. Ngoài ra, trong quy chế rèn luyện của SV có nội dung đánh giá đối với khối lượng nghiên cứu của người học thực hiện trong năm học [H11.011.04.10], [H11.011.04.11].

Nhà trường phân công Phòng KH&HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV toàn trường [H11.011.04.12]. Phòng KH&HTQT phân công 01 nhân sự theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV toàn trường. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công ban chủ nhiệm Khoa có trách nhiệm giám sát hoạt động NCKH của SV của Khoa [H11.011.04.13], [H11.011.04.14]. Các Hội đồng xét duyệt và chấm chọn các đề tài NCKH của SV có trách nhiệm giám sát, đánh giá các công trình NCKH của SV [H11.11.04.15], [H11.11.04.16], [H11.11.04.17].

Nhà trường ban hành các quy định tạo điều kiện, khuyến khích SV tham

gia các hoạt động KH&CN [H11.011.04.18]. Hoạt động KH&CN góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập, hình thành năng lực tự học cho SV; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm khoa học cho xã hội [H11.11.04.19]. Hằng năm, Nhà trường thông báo đăng ký đề tài NCKH SV, khuyến khích SV tích cực tham gia NCKH [H11.11.04.20]. Hoạt động NCKH giúp SV có kiến thức khoa học, chuyên ngành, có phương pháp làm việc khoa học, phát huy khả năng tư duy độc lập, phân tích, so sánh, đánh giá, giải quyết các vấn đề lý luận, thực tiễn. Nội dung hoạt động NCKH của SV là một phần của kế hoạch NCKH và đào tạo của Nhà trường, bao gồm các nội dung sau: (1) Thực hiện nhiệm vụ NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của người học dưới sự hướng dẫn của CB khoa học trong và ngoài Trường theo sự phân công của Bộ môn, Khoa; (2) Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo khoa học công nghệ, câu lạc bộ khoa học, các giải thưởng KH&CN trong, ngoài nước và các hình thức hoạt động KH&CN khác; (3) Tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ KH&CN vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, bảo vệ tài nguyên và môi trường, an ninh, quốc phòng; (4) Công bố các kết quả NCKH [H11.11.04.06], [H11.11.04.07]. Các đề tài NCKH SV được tổ chức đánh giá, nghiệm thu ở các Hội đồng [H11.11.04.15]. Trong báo cáo tổng kết NCKH SV, Nhà trường phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, ứng dụng các đề tài NCKH [H11.11.04.09]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện phổ biến nội dung các đề tài thông qua các buổi sinh hoạt lớp của GVCN, qua đó, động viên, khuyến khích SV tham gia các hoạt động NCKH, áp dụng kết quả các đề tài vào hoạt động học tập [H11.11.04.21]. Hoạt động NCKH SV phát triển với số lượng đề tài tăng, chất lượng các đề tài ngày càng cao [H11.11.04.17].

Kết thúc mỗi năm học, Phòng KH&HTQT đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng, chất lượng nghiên cứu của SV của Nhà trường đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường [H11.11.04.22]. Bên cạnh đó, Phòng KH&HTQT đối sánh kết quả về loại hình,

khối lượng và chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường đạt được trong năm học so với năm học trước [H11.11.04.22]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, SV KXD đã thực hiện nhiều đề tài NCKH [H11.11.04.17]. Các đề tài NCKH SV thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra và được nghiệm thu theo quy định [H11.11.04.16].

Hằng năm, Nhà trường, KXD tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá công tác NCKH của SV, từ đó đề xuất các NCKH phù hợp hơn với mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường cũng như phổ biến các đề tài NCKH của SV, khen thưởng những đề tài có chất lượng, động viên, khuyến khích SV tích cực tham gia NCKH [H11.11.04.09], [H11.11.04.23]. Hằng năm, Nhà trường hỗ trợ kinh phí cho SV thực hiện đề tài NCKH [H11.11.04.24]. GV tham gia hướng dẫn NCKH SV và được tính giờ NCKH theo quy định [H11.11.04.06], [H11.11.04.25]. Các đề tài NCKH của SV KXD góp phần nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu của SV, góp phần giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực xây dựng [H11.11.04.19]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, SV của Nhà trường và của KXD được nhận các hình thức khen thưởng vì đã có thành tích trong NCKH [H11.11.04.23].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xác định loại hình, khối lượng nghiên cứu của SV và triển khai hằng năm. SV KXD tích cực tham gia các hoạt động KH&CN với các loại hình đa dạng. Các đề tài NCKH SV thực hiện, có sự hỗ trợ và hướng dẫn của CB, GV KXD. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác NCKH SV để phổ biến, đánh giá hoạt động KH&CN của SV. Trong giai đoạn 2015 - 2020, SV của Nhà trường và của KXD được nhận các hình thức khen thưởng vì đã có thành tích trong NCKH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH của SV trong lĩnh vực xây dựng chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường chính sách khuyến khích, động viên SV tích cực tham gia NCKH, đặc biệt là các đề tài thực

nghiệm, khảo sát thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.01]. Căn cứ văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và thông báo đến Khoa, GV, SV biết để thực hiện [H11.11.05.02], [H11.11.05.03], [H11.11.05.04], [H11.11.05.05], [H11.11.05.06], [H11.01.05.07], [H11.11.05.08]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.03], [H11.11.05.05], [H11.11.05.09], [H11.11.05.10], [H11.11.05.11], [H11.11.05.12], [H11.11.05.13], [H11.11.05.14]. Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Nhằm xây dựng, điều chỉnh CTĐT, CTDH theo hướng tiếp cận mục tiêu, những năm gần đây, Nhà trường, KXD đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị, chuyên đề đào tạo theo nhu cầu xã hội, các hoạt động KH&CN, khảo sát ý kiến các bên liên quan về mục tiêu đào tạo, CĐR, CTĐT, phương pháp dạy học, NCKH, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, CSVC, hệ thống CNTT, thư viện, chất lượng đội ngũ GV, chất lượng phục vụ của đội ngũ NV, nhu cầu đào tạo của đội ngũ GV, NV và khả năng đáp ứng của Nhà trường, môi trường cảnh quan học tập, việc làm của SV sau tốt nghiệp,... [H11.11.05.15], [H11.11.05.16], [H11.11.05.17]. Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như: phiếu khảo sát, hội thảo, đối thoại giữa lãnh đạo Trường với SV, hộp thư góp ý,... theo các quy định, quy trình đảm bảo chất lượng của Nhà trường [H11.11.05.18], [H11.11.05.19], [H11.11.05.20]. Kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan hài lòng với CTĐT, CĐR, CTDH, phương pháp dạy học, hoạt động dạy học, NCKH, phục

vụ cộng đồng và chất lượng phục vụ của Nhà trường [H11.11.05.03], [H11.11.05.04], [H11.11.05.05], [H11.11.05.20], [H11.11.05.21], [H11.11.05.22].

Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động của Nhà trường so với tỷ lệ dự kiến được xác định trong kế hoạch đào tạo, đồng thời đối sánh giữa các CTĐT và mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng CTĐT ngành KTXD so với năm học trước [H11.11.05.23]. Thông qua kết quả đối sánh thể hiện mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng CTĐT ngành KTXD tăng lên qua từng năm. Ngoài ra, kết quả mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng CTĐT ngành KTXD được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng KT&ĐBCL, của KXD [H11.11.05.24], [H11.11.05.25], [H11.11.05.26].

Các ý kiến đóng góp của các bên liên quan theo từng đối tượng khảo sát có vai trò quan trọng để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, mọi mặt hoạt động của Nhà trường, do vậy, kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được gửi đến các đơn vị để xác định và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng [H11.11.05.27], [H11.11.05.28], [H11.11.05.29], [H11.11.05.30], [H11.11.05.31]. Các biện pháp và nội dung cải tiến chất lượng được thể hiện trong kết luận cuộc họp, kế hoạch năm học của Nhà trường, các đơn vị và KXD [H11.11.05.32], [H11.11.05.33], [H11.11.05.34], [H11.11.05.35], [H11.11.05.36], [H11.11.05.37], [H11.11.05.38]. Năm 2020, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.07]. Phòng KT&ĐBCL tiếp thu ý kiến góp ý về quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó tập trung ở cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.39], [H11.11.05.40]. Trên cơ sở đó, Phòng KT&ĐBCL trình Hiệu trưởng ký ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh, trong đó điều chỉnh cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.07]. Nhà trường, KXD triển khai nhiều biện pháp cải tiến chất lượng nhằm cải thiện mức độ hài lòng của các bên liên quan

[H11.11.05.33], [H11.11.05.37], [H11.11.05.41]. Trong giai đoạn 2015 - 2020, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với Nhà trường, KXD được cải thiện qua từng năm học [H11.11.05.23].

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT ngành KTXD được Nhà trường, KXD xác lập rõ ràng, giám sát và đối sánh để cải thiện mức độ hài lòng của các bên liên quan. Nhà trường, KXD triển khai nhiều biện pháp cải tiến chất lượng nhằm cải thiện mức độ hài lòng của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2015 - 2020, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với Nhà trường, KXD được cải thiện qua từng năm học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các trường ĐH khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, định kỳ hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các trường ĐH khác để có thêm cơ sở xác định các biện pháp phù hợp nhằm cải thiện mức độ hài lòng của các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 11

Nhà trường xác định tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành, trong đó có ngành KTXD và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường. Nhà trường giám sát, phân tích tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành và trên cơ sở đó, áp dụng các biện pháp nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của SV. Với việc áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng, tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành KTXD tăng lên và tỷ lệ thôi học giảm dần qua từng năm. Trên 90% SV ngành KTXD có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp, trên 95% SV tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng, đáp ứng thị trường lao động theo yêu cầu của xã hội. Nhà trường, KXD áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao

tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp. Nhà trường xác định loại hình, khối lượng nghiên cứu của SV và triển khai hằng năm. SV KXD tích cực tham gia các hoạt động KH&CN với các loại hình đa dạng. Trong giai đoạn 2015 - 2020, SV của Nhà trường và của KXD được nhận nhiều hình thức khen thưởng vì đã có thành tích trong NCKH. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT ngành KTXD được Nhà trường, KXD xác lập rõ ràng, giám sát và đối sánh để cải thiện mức độ hài lòng của các bên liên quan. Nhà trường, KXD triển khai nhiều biện pháp cải tiến chất lượng nhằm cải thiện mức độ hài lòng của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2015 - 2020, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với Nhà trường, KXD được cải thiện qua từng năm. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp CVHT có chuyên môn không đúng ngành xây dựng nên gặp khó khăn trong công tác tư vấn học tập cho SV. Một số SV không được công nhận tốt nghiệp đúng thời gian quy định do thiếu các chứng chỉ điều kiện. Số lượng đề tài NCKH của SV trong lĩnh vực xây dựng chưa nhiều. Nhà trường chưa thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các trường ĐH khác.

Nhà trường đánh giá tiêu chuẩn 11 đạt 5 tiêu chí, trong đó có 5 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Trường ĐHXDMT, KXD đã tiến hành công tác TĐG chất lượng CTĐT ngành KTXD một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả TĐG chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành.

Thông qua việc TĐG ngành KTXD, KXD, Nhà trường đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và điểm tồn tại trong từng mặt hoạt động, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà KXD, Trường ĐHXDMT đã tuyên bố với xã hội.

CTĐT của ngành KTXD có mục tiêu, CĐR rõ ràng cùng với bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật. CTDH với vai trò cốt lõi của CTĐT có cấu trúc, trình tự logic, thiết kế dựa trên CĐR. Ngành KTXD đã thay đổi phương pháp tiếp cận dạy và học theo hướng dạy học tích cực để giúp người học đạt được CĐR cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời và đưa ra phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, công bằng. Hiện nay, đội ngũ GV ngành KTXD được đánh giá là có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt công tác giảng dạy và NCKH. Đội ngũ CB hỗ trợ với vai trò trợ giúp GV hoàn thành nhiệm vụ và người học có KQHT tốt được tuyển dụng theo đúng quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường. SV là trung tâm của quá trình đào tạo ngành KTXD, vì vậy, để đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyển sinh đầu vào theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV và tạo môi trường cũng như những điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ, giúp đỡ SV nâng cao KQHT, NCKH. GV, SV, đội ngũ CB hỗ trợ của Nhà trường, KXD, ngành KTXD đang được học tập và làm việc trong điều kiện CSVC và trang thiết bị tốt, môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp. Với mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành xây dựng của đất

nước, Trường ĐHXDMT đã có các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng CTĐT như xây dựng CDR; rà soát, đánh giá thường xuyên CTĐT, phương pháp dạy và học, hiện trạng CSVC và trang thiết bị của Nhà trường; duy trì cơ chế phản hồi của các bên liên quan về hoạt động đào tạo của Nhà trường. Chính vì vậy, kết quả đầu ra ngành KTXD được đánh giá tốt với tỷ lệ SV bị buộc thôi học thấp, tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao và có được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp ra trường.

Tuy nhiên, trong quá trình TĐG CTĐT ngành KTXD, KXD, Nhà trường đã nhận thấy một số những vấn đề còn tồn tại đó là: CDR chưa được định kỳ rà soát điều chỉnh theo đúng quy định; các hội nghị, hội thảo về đổi mới PPGD và học tập ở cấp Khoa, Bộ môn còn hạn chế; số lượng đề tài NCKH cấp Tỉnh, cấp Bộ chưa phản ánh được thực lực đội ngũ GV trong Khoa. Do đó, để đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT của ngành KTXD, Nhà trường và KXD đã đưa ra kế hoạch để khắc phục những vấn đề còn đang tồn tại đồng thời cải tiến chất lượng CTĐT: định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT, CDR trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan; bản mô tả CTĐT, CTDH có cấu trúc rõ ràng và trình tự logic, đầy đủ thông tin và mang tính cập nhật; khuyến khích GV tích cực học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước, đăng ký tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp; đẩy mạnh đổi mới PPGD và kiểm tra đánh giá theo mục tiêu của đào tạo tín chỉ, tăng cường tính chủ động của SV trong các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, nghe và thảo luận báo cáo chuyên đề; đề cao vai trò của công tác CVHT trong quản lý học tập của SV; thường xuyên cải tạo, nâng cấp CSVC và trang thiết bị.

Với những kết quả TĐG theo từng tiêu chí, Nhà trường và Hội đồng TĐG Trường ĐHXDMT trân trọng đề nghị Bộ GD&ĐT cùng các cơ quan chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để CTĐT ngành KTXD được công nhận là đạt tiêu chuẩn chất lượng.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ
TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
 Tên cơ sở giáo dục: **Trường ĐHXD Miền Tây**
 Tên chương trình đào tạo: **Kỹ thuật xây dựng**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1										
Tiêu chí 1.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					

Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5			5,00	6	100
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					

Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								5,00	50	100

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Văn Xuân